

HOA MAI

中国服饰
PHỤC SỨC
Trung Quốc



NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HOA MAI

PHỤC SỨC
Trung Quốc

Người dịch: ThS. TỐNG THỊ QUỲNH HOA

(Giảng viên khoa Ngữ văn Trung Quốc – ĐHKHXH & NV TP. HCM)



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PHỤC SỨC TRUNG QUỐC

Hoa Mai

ISBN: 978-604-58-0472-8

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mục lục

Lời giới thiệu	5
Lời mở đầu	7
GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC TRANG PHỤC VÀ ĐỒ TRANG SỨC THỜI CỔ ĐẠI	15
- Áo dài tay rộng	16
- Giao thoa văn hóa phục sức Hồ Hán	21
- Phục sức thời Ngụy Tấn	24
- Phục sức thời Đường	29
- Bối tử	40
- Triều đại đàn ông mặc váy cuối cùng trong lịch sử	45
- Trang phục kết hợp Mãn Hán	48
QUAN PHỤC TRONG TRIỀU	57
- Long bào Hoàng đế	58
- Quá trình thay đổi quan phục	61
- Quân phục thời cổ đại	68
TRUYỀN KÌ VỀ TỶ LỤA	79



NHỮNG TRUYỀN THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC PHỤC SỨC 93

- Phục sức và truyền thuyết thần thoại 94
- Những chiếc mũ kì lạ 102
- Khăn choàng và khăn phủ lưng 108
- Phục sức vùng cao nguyên Thanh Tạng 113
- Phụ kiện 119

PHỤC SỨC THỜI CẬN HIỆN ĐẠI 129

- Trang phục mới thời văn minh và sườn xám cách điệu 130
- Trang phục nhà nông và quân phục 137
- Đồng phục các ngành nghề khác 147
- Thời trang Trung Quốc bắt nhịp với thế giới 150

PHỤ LỤC: BẢNG TÓM TẮT NIÊN ĐẠI LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 159



Lời giới thiệu

Tôi đã đọc cuốn **Phục sức Trung Quốc** do ThS. Tống Thị Quỳnh Hoa dịch, tôi rất cảm ơn ThS. Quỳnh Hoa và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã tin tưởng giao cho tôi viết lời giới thiệu cuốn sách này.

Trung Quốc là một quốc gia có tới 56 dân tộc, có nền văn hóa đa dạng, phong phú, trong đó có văn hóa về phục sức. Cùng với sự dung hòa giữa các dân tộc; và cùng với thời gian, trang phục trang sức đã không ngừng thay đổi. Sự thay đổi không chỉ giữa các thời đại khác nhau, mà trong cùng một thời đại cũng có sự khác biệt rõ rệt.

Trang phục các dân tộc Trung Quốc mang đặc trưng rất riêng, có nguồn gốc từ cuộc sống dân gian và các phong tục tập quán, mang đậm bản sắc quê hương, có sức sống mãnh liệt, nhiều trang phục được lưu truyền từ cổ xưa cho đến ngày nay. Những yếu tố như môi trường sinh hoạt, phương thức sản xuất, phong tục tập quán và khiếu thẩm mỹ màu sắc, kiểu dáng, họa tiết trang trí đều thể hiện trên từng trang phục.

Một đất nước có bề dày lịch sử như Trung Quốc, lịch sử phát triển phục sức được ghi lại trong rất nhiều tư liệu khảo cổ, trong các tác phẩm văn học có nội dung liên quan như thần thoại, thơ ca, tiểu thuyết... Để giúp cho độc giả có thêm tài liệu tham khảo, học tập và nghiên cứu về phục sức Trung Quốc, chúng tôi xin giới thiệu cuốn **Phục sức Trung Quốc** do ThS. Quỳnh Hoa dịch. Bản dịch đã giữ được nguyên vẹn giá trị của tác phẩm. Cuốn **Phục sức Trung Quốc** giới thiệu một cách có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển phục sức Trung Quốc qua các thời kì lịch sử, làm cho tâm trí người đọc có thể quay trở lại đất nước Trung Quốc cổ xưa, tìm hiểu về chất liệu, kĩ thuật chế tác, kiểu dáng, họa văn trang trí và các phụ kiện kèm theo trang phục từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Ngoài ra, trong cuốn





Phục sức Trung Quốc

sách còn có những hình ảnh minh họa sinh động, giới thiệu về từng bộ trang phục, từng món phụ kiện đặc trưng của từng thời kì.

Dưới góc độ lịch sử văn hóa, cuốn sách mang nội dung phong phú, đa dạng, cụ thể và sinh động, đem đến cho người đọc nhiều thông tin có giá trị trong việc tìm hiểu về lịch sử phục sức Trung Quốc và cũng là nguồn tư liệu cho sáng tác thời trang vừa mang tính thời đại vừa giữ được bản sắc truyền thống của phục sức Trung Quốc.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

TP. Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 11 năm 2012

Người giới thiệu

NGND. GS.TS Ngô Văn Lệ

Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH & NV TP. HCM

Lời mở đầu

Từ khi phục sức xuất hiện, thì địa vị xã hội, thói quen sinh hoạt, gu thẩm mỹ và những quan niệm văn hóa của con người dường như cũng đều liên quan tới nó. Phục sức phản ánh lịch sử xã hội loài người một cách trực quan và chân thực nhất. Từ đó có thể thấy, lịch sử phục sức cũng là một phần của lịch sử phát triển văn minh loài người.

Người Trung Quốc thường khái quát những sinh hoạt thường ngày bằng câu “y thực trú hành” (mặc, ăn, ở, đi), trong đó phục sức được xếp vị trí đầu tiên,

điều đó cho thấy nó có tầm quan trọng như thế nào. Trong một đất nước có bề dày lịch sử như Trung Quốc, lịch sử phát triển phục sức không chỉ được ghi lại trong vô số các tư liệu khảo cổ, mà còn có thể dễ dàng tìm thấy trong các tác phẩm văn học có nội dung liên quan như thần thoại cổ đại, sách sử, thơ ca, tiểu thuyết và hí kịch.

Văn hóa phục sức Trung Quốc có thể có nguồn gốc từ xã hội nguyên thủy vào cuối thời đại đồ đá cũ. Các nhà khảo cổ phát hiện vào khoảng 20 ngàn năm trước, tổ tiên người Trung Quốc sống ở vùng Châu Khẩu Điểm Bắc Kinh đã đeo đồ trang sức. Nhiều hạt đá nhỏ, đá sỏi màu, răng thú, vỏ sò, xương cá được khai quật đều có lỗ nhỏ, viên lỗ còn lưu lại vết bột quặng sắt đỏ. Các nhà khảo cổ suy đoán đây là đồ trang sức đeo trên cổ người vượn. Con người khi đó đeo đồ trang sức không chỉ để đẹp, mà còn có mục đích trừ tà. Những cây kim bằng xương được khai quật có những lỗ nhỏ được mài tròn, điều đó cho thấy con người khi đó đã không muốn dùng những nguyên liệu đơn giản từ động thực vật, nên đã phát minh ra cây kim, dùng để khâu da thú.



Hình ảnh người phụ nữ thời nhà Tùy mặc áo ngắn, tay áo nhỏ, váy dài, dây váy thắt trên ngực, trông đơn giản mà thanh lịch. Kiểu váy này khá giống với kiểu váy truyền thống của Hàn Quốc. (Nguồn: “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)





Phục sức Trung Quốc

Cho đến nay, các nhà khảo cổ đã phát hiện được hơn 1000 di chỉ từ thời đại đồ đá mới (8000 – 2000 TCN) ở trên mọi miền đất nước Trung Quốc. Xã hội thời kỳ đó đã chuyển từ săn bắt hái lượm nguyên thủy sang sản xuất canh tác nông nghiệp, đồng thời xuất hiện các nghề thủ công dệt và làm đồ gốm, ở thời kì này đã có sự phân công lao động nhất định. Ở tỉnh Thanh Hải phía tây Trung Quốc, có người phát hiện ra những bình gốm màu có lịch sử hơn 5000 năm trước. Hình vẽ trên bình gốm mô tả vũ điệu săn bắt, những vũ công đều đeo đồ trang sức trên đầu và thắt dây lưng, có người mặc váy tròn căng phồng, kiểu váy hình lập thể này rất ít thấy trong trang phục truyền thống Trung Quốc. Nó vừa không quá mềm mại, lại không quá khô cứng, gần giống với váy dạ hội của người Tây Âu. Ở tỉnh Cam Túc cũng phát hiện ra những bình gốm màu có niên đại tương tự, trên bình vẽ hình người mặc trang phục “áo dài” – một kiểu trang phục đặc trưng cho phục sức của người xưa: khoét lỗ tròn hoặc cắt một đường dài ở khoảng giữa miếng vải có chiều dài bằng hai chiếc áo, khi mặc sẽ chui đầu qua lỗ khoét, sau đó dùng dây thắt phần eo lại, trông rất giống kiểu đầm dài thắt eo thời nay. Đáng chú ý nhất là chiếc bình gốm có hình dáng giống hình thiếu nữ: phần cổ bình nặn đôi chân mày ngắn dưới trán, tóc dài phủ vai, khuôn mặt hài hòa xinh xắn, thân bình được vẽ chia thành ba phần đều nhau, mỗi phần vẽ những đường xiên kết nối với hình vòng cung



Bình gốm màu được khai quật năm 1995 ở huyện Đông Đức tỉnh Thanh Hải. Trên bình vẽ những người mặc váy phồng tròn, tay nắm tay nhảy múa, kiểu váy này rất ít thấy trong trang phục truyền thống của Trung Quốc.



Bình gốm màu được khai quật năm 1973 ở di chỉ Đại Địa Loan huyện Tấn An tỉnh Cam Túc, bình có lịch sử khoảng 5600 năm. Bình cao 31,8cm, làm từ đất sét đỏ, phần cổ bình nặn hình khuôn mặt hài hòa rõ nét, tóc mái ngang, phía sau tóc phủ vai, sống mũi thẳng. Miệng bình là đỉnh đầu, phần thân bình được vẽ chia ba phần đều nhau, mỗi phần vẽ những đường xiên kết nối với hình vòng cung hình tam giác và hình chiếc lá tạo thành những hình có màu sắc đẹp (Ảnh: Lý Chạm Cường)



Vòng cổ, ngọc hình cánh bướm và ngọc nguyệt từ thời đồ đá mới (Ảnh: Lý Chạm Cường)

và hình tam giác. Có lẽ người thợ gốm khi đó là một thiếu nữ xinh đẹp, và hình vẽ trên bình có lẽ cũng chính là hình chiếc váy hoa mà người thiếu nữ ấy mặc. Ngoài ra, có thể thấy rõ phục sức của người Trung Quốc xưa qua hóa thạch còn lưu lại hình những chiếc vòng đeo tai của người xưa. Trong di chỉ thời kỳ đồ đá mới ở Đại Khê Vu Sơn Tứ Xuyên còn phát hiện ra nhiều cổ vật, chỉ riêng khuyên tai đã có tới 64 loại được làm từ ngọc trắng, ngà voi, đá xanh v.v., với nhiều hình dáng khác nhau như hình tròn, hình chữ nhật, hình thang và hình vòng khuyết.

Cùng với việc phân chia giàu nghèo ra đời, kéo theo sự xuất hiện các lễ nghi phân biệt địa vị cao thấp, điều đó cũng thúc đẩy sự hình thành các quy ước, chế định liên quan đến phục sức. Ngay từ thời nhà Chu (1046 - 256 TCN) đã sớm định hình các quy định về mũ áo, các loại phục sức thời này được chia thành áo tế lễ, lễ phục thiết triều, quân phục, áo tang, áo cưới v.v... từ vương giả đến bần nông đều có quy định phục sức tương ứng và được ghi vào bộ luật của triều đình. Trong bộ luật này còn giới thiệu về phục sức cổ đại Trung Quốc, giúp người đời sau hiểu hơn về những bộ trang phục truyền thống cổ đại tinh tế mà trang nhã. Thời kỳ Xuân Thu (770 - 476 TCN) Chiến Quốc (475 - 221 TCN) các nước chư hầu tranh bá, quy định phục sức thời nhà Chu bị phá vỡ, xuất hiện nhiều xu hướng ăn mặc khác nhau, thường những người có địa vị trong xã hội có xu hướng ăn mặc sang trọng hơn.

Hoàng đế nhà Hán (206 - 220 TCN) căn cứ vào lễ phục nhà Chu mà quy định về phục sức rất rõ ràng. Thời kì đó, màu sắc phục sức được quy định dựa theo đặc điểm





Phục sức Trung Quốc

thời tiết bốn mùa: mùa xuân màu xanh, mùa hạ màu đỏ, mùa thu màu vàng và mùa đông màu đen tạo sự trang trọng trong phong cách phục sức. Trang phục mặc thường ngày của phụ nữ thời kì này cũng chính là trang phục của người Hán sau này.

Đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều (220 - 589), tuy trong giai đoạn này thường xuyên thay đổi chính quyền, chiến tranh liên miên, song đây cũng là thời kì tư tưởng cởi mở, văn hóa phồn vinh, khoa học phát triển vượt bậc. Thời kì Ngụy Tấn không chỉ là thời kì được nhân sĩ đời sau luôn luôn nhắc đến mà còn là thời kì đột phá và cách tân của văn hóa dân tộc Hán do dân tộc du mục dũng mãnh ở phương Bắc đã giành được quyền thống trị từ dân tộc Hán. Những người dân du mục di chuyển xuống vùng Trung Nguyên sinh sống cùng với người Hán, nên phục sức của họ và phục sức của người Hán đã ảnh hưởng lẫn nhau.

Thời nhà Tùy (581 – 618), đất nước Trung Hoa thống nhất, quy định về phục sức của dân tộc Hán được khôi phục. Đến thời nhà Đường (618 – 907), đất nước hưng thịnh, xã hội phát triển, xuất hiện nhiều kiểu phục sức mới lạ, phụ nữ thường mặc áo ngắn cổ trễ hoặc mặc áo tay hẹp của nam. Đến thời nhà Tống (960 – 1279), phụ nữ dân tộc Hán bắt đầu có thói quen thắt dây trước ngực, già trẻ gái trai giàu nghèo đều thích mặc kiểu trang phục sang trọng này. Thời nhà Nguyên (1206 – 1368), dân tộc Mông Cổ thống trị Trung Quốc, phục sức đặc trưng của dân tộc Mông Cổ là nón lá, đàn ông thường đeo khuyên tai, họ vừa kế thừa trang phục truyền thống của người Hán vừa kết hợp với trang phục truyền thống của dân tộc Mông Cổ. Thời nhà Minh (1368 – 1644), người dân tộc Mông Cổ tiếp tục nắm quyền thống trị dân tộc Hán, hoàng đế ban bố lệnh cấm mặc trang phục thời Hồ, cấm nói tiếng Hồ, cấm mang họ Hồ, quy định cách ăn mặc phỏng theo mũ áo nhà Đường. Kiểu dáng và nghi thức mặc trang phục của hoàng đế và văn võ bá quan trong triều đều khá rườm rà, để cao sự sang trọng và trang nghiêm.



Hình ảnh người phụ nữ thời nhà Đường với tóc búi hai bên và dải dây quấn ngang lưng. Thế kỉ thứ 8, trang phục thời Đường đã du nhập vào Nhật và gây ảnh hưởng lớn đến trang phục của đất nước mặt trời mọc, các tên gọi như “cổ thời Đường”, “hoa thời Đường”, “gấm thời Đường” v.v... và các kiểu trang phục thời kì đó vẫn được lưu truyền sử dụng cho đến tận ngày nay. (Bức tranh thời nhà Đường “Điều cảm tuyết minh”, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

[Tóc dài]

Tóc để dài là thứ nguyên thủy nhất của tổ tiên thời cổ đại Trung Quốc, đó là kiểu tóc thô sơ nhất, không một vật trang trí. Người cổ đại Trung Quốc quan niệm rằng: “Da tóc cũng như cơ thể con người đều là do cha mẹ sinh ra, nên không được làm tổn thương”, râu tóc khỏe cũng quan trọng như cơ thể khỏe mạnh vậy, do đó, những vùng tập trung nhiều người Hán cổ đại sinh sống có thói quen không cắt tóc, và tục này được lưu giữ đến thời cận đại. Thời cổ đại, người Trung Quốc coi cắt tóc là một trong những hình phạt để xử phạt những người có tội, khiến họ chịu nỗi đau đớn về tinh thần. Vì thế cho nên, khi sơ suất hoặc phạm lỗi người cổ đại thường tự cắt tóc để nhắc nhở bản thân.

Triều nhà Thanh do dân tộc Mãn lập nên (1644 – 1911) có lịch sử hơn 200 năm, đây là thời kì phục sức Trung Hoa có sự thay đổi lớn nhất. Ban đầu triều đình nhà Thanh ép buộc dân tộc Hán thay đổi theo phục sức truyền thống của dân tộc Mãn, điều này đã gây nên sự phản đối kịch liệt của người Hán ở khắp nơi. Sau đó triều đình áp dụng chính sách thỏa hiệp, dung hòa giữa hai loại phục sức Mãn Hán. Sau này, khi nói đến phục sức tiêu biểu thời nhà Thanh thì áo dài choàng ngoài luôn được nhắc đến đầu tiên.

Sau năm 1840, đất nước Trung Quốc bước vào xã hội cận đại, giao dịch ngoại thương mở rộng, các đô thị lớn như Thượng Hải phát triển khắp nơi. Phục sức mang đậm bản sắc Trung Hoa đã bắt đầu thay đổi theo trào lưu mới Âu Mỹ. Trang phục may từ các loại vải dệt in nhuộm với giá thành thấp được nhập khẩu dần dần thay thế các mặt hàng vải dệt may thủ công truyền thống;



Thời kì cuối triều Thanh, máy may đã được nhập từ phương Tây vào Trung Quốc và được dùng để may các trang phục truyền thống. (Tranh “Vẻ đẹp ban đêm” của Ngô Hữu Như)





Phục sức Trung Quốc

trang phục phương Tây với kiểu dáng hợp thời, đường may sắc nét đã chiếm lĩnh được thị trường Trung Quốc; các công đoạn dệt may thủ công truyền thống tốn công sức và thời gian như viền, khảm, thêu tay v.v... dần dần được thay thế bằng máy may và máy thêu công nghiệp.

Quay trở lại với phục sức Trung Quốc thế kỷ XX, các loại trang phục như sườn xám, áo dài, áo Trung Sơn, áo học sinh, đồ vét, mũ phớt, mũ lưỡi trai, tất giấy, giày cao gót, áo Lê Nin, váy liến, thường phục, áo jacket, quần ống bát, quần bò, váy ngắn, bikini, đồng phục, áo thun v.v... mỗi thời kì khác nhau những trang phục này cũng thay đổi theo nhiều phong cách khác nhau. Ngay cả sườn xám vốn được coi là trang phục đặc trưng của Trung Quốc cũng chỉ mới thịnh hành từ những năm 20 của thế kỉ XX trở lại đây. Đây là kiểu trang phục có nguồn gốc từ kiểu váy của phụ nữ dân tộc Mãn thời nhà Thanh, kết hợp với kiểu trang phục của phụ nữ dân tộc Hán và trang phục của phụ nữ phương Tây thế kỉ XX, sau đó dần dần hình thành nên kiểu sườn xám ngày nay và sau này nó đã trở thành yếu tố thời trang mà giới thời trang trong và ngoài nước không thể bỏ qua.

Trong một quốc gia đa dân tộc có tới 56 dân tộc, cùng với sự dung hòa giữa các dân tộc thì trang phục và thói quen ăn mặc cũng không ngừng thay

Tuần lễ thời trang xuân hè quốc tế 2010 Trung Quốc tổ chức tại Bắc Kinh vào tháng 11 năm 2009. Dưới đây là mẫu của một nhà thiết kế Trung Quốc. (Ảnh: Trương Nghiêrn Sơn/CFP)



đổi, không chỉ trang phục giữa các thời đại khác nhau, mà trong cùng một thời đại cũng có sự khác biệt rõ rệt. Trang phục dân tộc Trung Quốc về cơ bản có đặc điểm màu sắc tươi sáng, đường may tinh tế, chú trọng trang trí chi tiết; kiểu dáng phong cách trang phục của các dân tộc khác nhau, môi trường sinh hoạt, phương thức sản xuất, phong tục tập quán và khiếu thẩm mỹ đều thể hiện trong bộ trang phục của từng dân tộc đó. Trang phục dân gian Trung Quốc luôn có nguồn gốc từ cuộc sống dân gian và các phong tục tập quán, nó mang đậm bản sắc quê hương, có sức sống mãnh liệt, nhiều trang phục được lưu truyền cho đến ngày nay. Ví dụ như tục cài hoa vải đỏ trên đầu vào ngày tết âm lịch, tục hồ cú đầu vào ngày tết đoàn ngộ, trao tín vật cho người yêu vào ngày lễ tình nhân, các loại nón mũ áo mưa được đan từ nguyên liệu tự nhiên, ngoài ra còn có mũ đầu hồ, giày đầu hồ, giày đầu heo, màn cửa... được làm thủ công.

Cùng với sự tăng tốc tiến trình hiện đại hóa, ngày càng nhiều trang phục của người dân thành thị Trung Quốc đã không còn giữ được nét đặc trưng dân tộc, song ở các vùng nông thôn rộng lớn, đặc biệt là một số vùng tập trung dân tộc thiểu số vẫn còn những phục sức nhiều màu sắc, với những hình ảnh sinh hoạt thường ngày sống động của người dân bản địa hòa cùng vẻ đẹp thiên nhiên.

Phụ nữ dân tộc Trường Giác Miêu ở vùng Lũng Ca tỉnh Quý Châu quấn tóc hình sừng. (Ảnh do Lý Quý Huyền chụp trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")





Hình ảnh người nông dân truyền thống mặc áo bông ngắn. (1950, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)



Sinh viên đại học Bắc Kinh mặc váy sọc kiểu Scotland vào những năm 50 thế kỉ XX. (1954, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)



Thanh niên ăn mặc thời trang đi dạo trên đường phố. (Ảnh: Trần Chú)

Tháng 10 năm 2009, tuần lễ thời trang của bốn nhà thiết kế Trung Quốc tổ chức tại Thượng Hải. (Ảnh: Tuấn Ảnh/ CFP)



GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC TRANG PHỤC VÀ ĐỒ TRANG SỨC THỜI CỔ ĐẠI





Áo dài tay rộng

Trong một khoảng thời gian khá dài, người Trung Quốc cổ đại luôn mặc áo trên váy dưới, họ cho rằng kiểu trang phục này tượng trưng cho thứ tự trời đất, trong những buổi lễ nghi long trọng, đa số người tham dự đều mặc lễ phục như vậy. Ngoài ra, từ xưa đến nay còn xuất hiện không ít kiểu áo dài liền từ trên xuống dưới, ví dụ như kiểu áo trùm thời Chiến Quốc, áo dài thời nhà Hán, áo dài tay áo rộng thời Ngụy Tấn, hay sườn xám ngày nay cũng đều thuộc loại áo dài liền. Cũng vì thế mà trang phục ở Trung Quốc xuất hiện hai kiểu cơ bản.

“Áo trùm”, ngay từ tên gọi đã có thể thấy mặc loại áo này có thể giúp cơ thể được trùm kín, điều này có liên quan đến luân lý đạo đức truyền thống của người Trung Quốc. Trong xã hội cổ đại, người Trung Quốc luôn chú trọng phân biệt nam và nữ, hai người có giới tính khác nhau không được gần gũi thân thiết, cũng không được tùy tiện qua lại, ngay cả giữa vợ chồng cũng không được tắm chung, không được để chung quần áo, thậm chí giá phơi quần áo cũng phải tách riêng; người phụ nữ sau khi cưới được về nhà cha mẹ đẻ, cũng không được ngồi ăn chung một bàn với anh em trai của mình; con gái khi ra ngoài đường phải che kín người..., điều đó cho thấy khuynh hướng chủ nghĩa cấm kỵ khá nặng nề. Trong tác phẩm kinh điển “Lễ ký” của Nho gia ghi chép khá tỉ mỉ và cụ thể về các quy định trang phục.

Áo trùm bao gồm thân áo trên liền với vạt áo dưới, đường cắt may khá đặc biệt, không giống với các kiểu trang phục khác. Trong sách “Lễ ký” có một chương viết riêng về “áo trùm”. Nội dung khái quát như sau: thời kì Chiến Quốc, kiểu áo trùm rất phù hợp với quy định lễ nghi, áo có loại tròn loại vuông, kiểu dáng cân đối; về kích thước cũng được quy định cụ thể, không được quá ngắn tránh để lộ da, cũng không được quá dài tránh quét đất; hai vạt trước dài quấn lại tạo thành hình tam giác lớn, từ eo có một đường cắt xuống để thân áo trên thẳng đứng, còn vạt



Ảnh phụ nữ mặc “áo trùm”, cổ áo ba lớp, thân áo thù hình đám mây, tay và cổ áo có đường viền bằng gấm khi mặc toát lên sự đài các.

(Cao Xuân Minh vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc”)



Tượng gỗ sơn màu được khai quật ở Tín Dương Hà Nam. Đây là hình ảnh người phụ nữ mặc áo trùm, đeo dây lưng, tay áo rộng trùm xuống, kiểu tay áo này về sau rất được ưa chuộng, nó có thể giúp khuỷu tay cử động dễ dàng. Trang phục bao gồm phần thân áo trên và phần vạt áo dưới, vạt áo được xếp che kín lại, phía trước có gắn ngọc bội. (Ảnh: Lý Chạm Cường)



Tranh thêu long phượng hổ
(Nguồn: "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")

áo dưới hơi xéo để dễ đi lại; tay áo có độ dài vừa đủ để khi gấp cánh tay lại tay áo vừa đến khuỷu tay. Loại áo trùm này có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau như nho sinh, võ sĩ, cũng có thể mặc khi tiếp đón khách hoặc khi ra trận. Áo trùm có nhiều công dụng, không tốn vải may, kiểu dáng lại đơn giản trang nhã. Kiểu áo này đứng vị trí thứ hai trong lễ phục. Có thể dễ dàng tìm thấy trang phục này trên những bức tranh trong mộ cổ hoặc trên tượng gốm, tượng gỗ cùng thời, hoa văn còn rất rõ nét.

Áo trùm thường được may bằng vải bố màu trắng, ngoài ra còn có áo màu đen dùng cho lễ tế, có loại áo có đường viền nhiều màu, có loại còn thêu hoa hoặc vẽ hoa văn trên đường viền. Khi mặc áo trùm, vạt áo dài tạo thành hình tam giác sẽ được quấn về bên phải, sau đó dùng dây lưng thắt ở giữa eo. Loại dây lưng này được gọi là "dây lưng to bản", trên dây lưng còn buộc thêm thẻ ngà, loại thẻ ngà này thường được các đại thần sử dụng khi thiết triều, nó giống như quyển sổ được mang theo để ghi chép. Sau này, do trang phục và đồ trang sức của dân du mục ảnh hưởng đến người dân vùng Trung Nguyên, nên dây lưng da đã xuất hiện trong trang phục ở nơi này. Trên dây lưng da còn được trang trí thêm những chiếc móc câu, dùng để treo đồ. Móc câu được gia công tinh xảo, đây là một trong những đồ thủ công mỹ nghệ xuất hiện từ thời Chiến Quốc. Có loại móc dài khoảng 30cm, có loại ngắn khoảng 3cm. Móc câu thường được làm bằng đá, xương thú, gỗ, vàng, ngọc, đồng v.v... xa xỉ hơn thì làm bằng vàng hoặc bạc được khắc hoa văn, hoặc khảm ngọc quý và hạt châu.

Đến thời nhà Hán, áo trùm được biến tấu thành áo cánh – một loại áo dài có vạt trước hình tam giác và vạt dưới hình vòng cung. Ngoài ra còn thịnh hành kiểu áo vạt thẳng, còn gọi là "áo chên". Khi mới xuất hiện, loại áo chên này không được phép dùng làm lễ phục, không được mặc ra đường, cũng không được mặc khi tiếp khách trong nhà. Trong "Sử kí" có ghi, nếu mặc áo





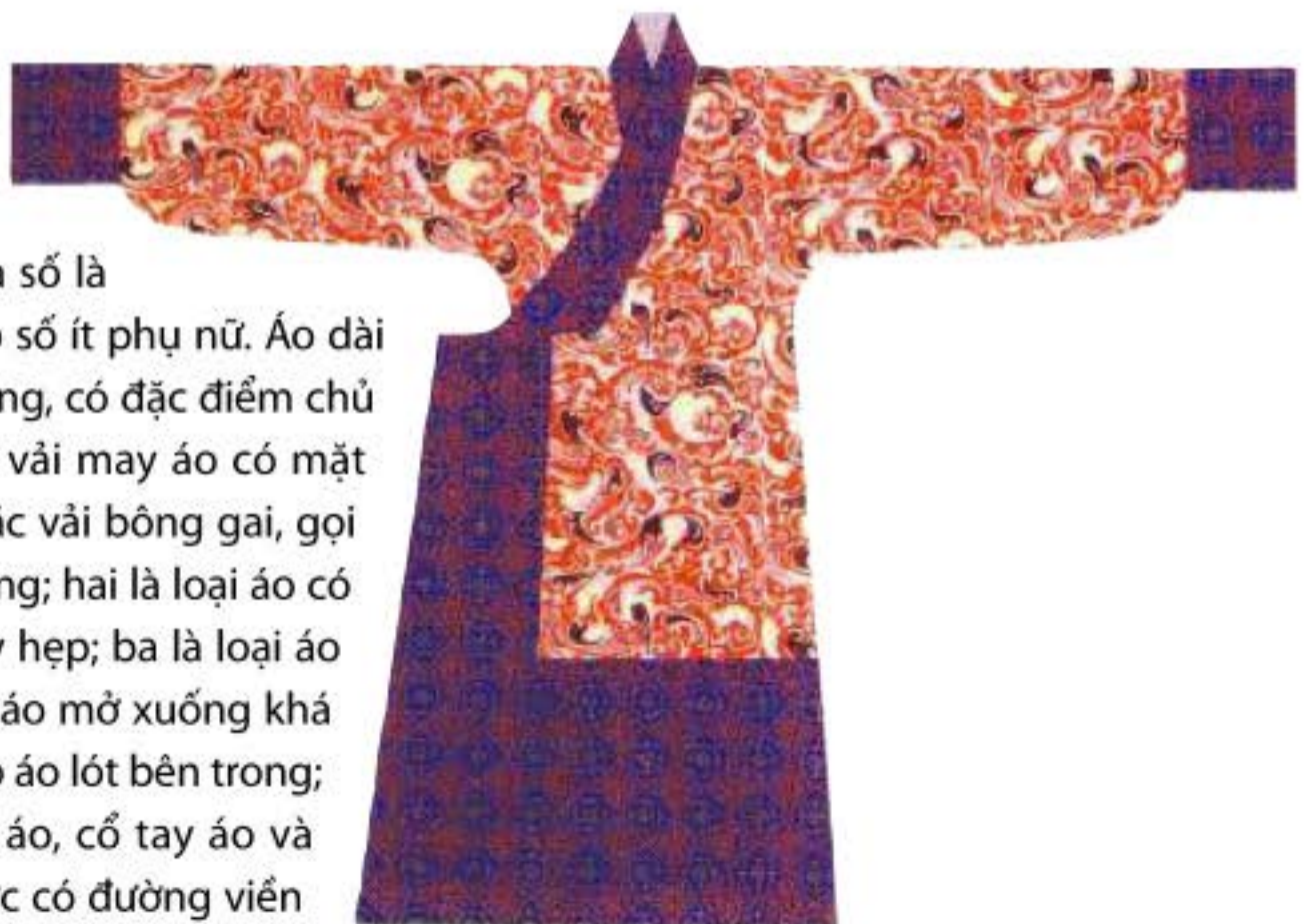
Phục sức Trung Quốc

chèn vào cung là tội bất kính với vua. Có chuyện cấm kị như vậy là vì người Trung Nguyên thời kì trước đời nhà Hán thịnh hành kiểu quần không có đũng, chỉ có hai ống quần may liền phía trước, giống kiểu quần không đũng của trẻ con thời nay. Do quần không có đũng, khi mặc áo chèn khoác ngoài không cẩn thận sẽ rất dễ bị lộ da thịt. Trong kinh điển Nho giáo khi nhắc đến loại trang phục này, cũng có nhấn mạnh đến việc mặc dù mùa hè nóng bức nhưng không được cởi áo ra, đi trên tuyết cũng không được nhấc vạt áo lên. Người Trung Nguyên khi ngồi phải theo nguyên tắc quỳ xuống từ từ rồi mới ngồi, quy định này gọi là “kị tọa” (quỳ ngồi), quy định thời Minh không cho phép “ki tọa” (tức là không được duỗi hai chân ra trước mặt người đối diện). Sau này do người Trung Nguyên quan hệ mật thiết với tộc người cưỡi ngựa phía Tây Bắc, nên loại quần khâu đũng dần dần được người Trung Nguyên tiếp nhận và dùng rộng rãi về sau.

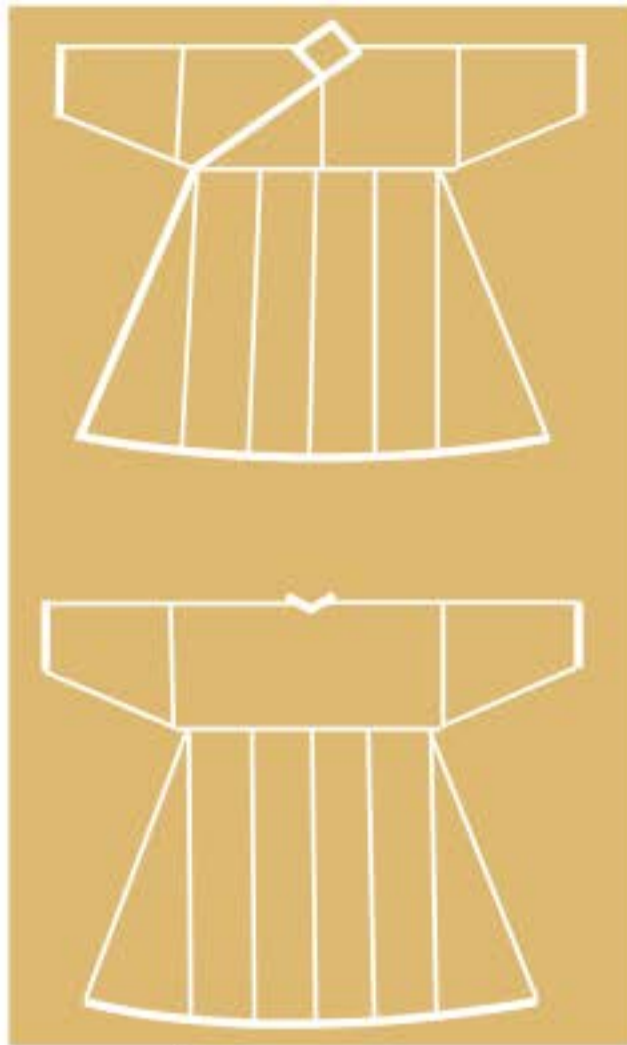
Trên họa bích trong lăng mộ, phù điêu đá, phù điêu gạch, tượng gốm, tượng gỗ... thời nhà Hán đều vẽ tranh người Hán mặc áo cánh, đa số là đàn ông, trong đó có số ít phụ nữ. Áo dài là loại áo dài qua hông, có đặc điểm chủ yếu như: một là loại vải may áo có mặt trong mặt ngoài, hoặc vải bông gai, gọi là áo kép hoặc áo bông; hai là loại áo có tay rộng, phần cổ tay hẹp; ba là loại áo có tà lớn, cổ xéo, vạt áo mở xuống khá thấp, cổ áo rộng để lộ áo lót bên trong; bốn là loại áo có cổ áo, cổ tay áo và phía dưới vạt áo trước có đường viền màu sẫm, phía trên tết con quỳ (một

[Tóc tết]

Tóc tết là tóc được chia thành nhiều phần, sau đó tết lại thành bím. Kiểu tóc này có từ cuối thời kì xã hội nguyên thủy. Khoảng vào thời kì Chiến Quốc, kiểu tóc của phụ nữ dân tộc Hán đã có sự thay đổi khá lớn, kiểu tóc búi bắt đầu xuất hiện và khá thịnh hành, những người tết tóc bím ngày càng ít đi. Phụ nữ dân tộc Hán đã khôi phục lại thói quen tết tóc và đến thời nhà Thanh, đặc biệt là thời kì cuối nhà Thanh đến thời dân quốc (1912 – 1949) kiểu tóc này khá thịnh hành. Thời kì này, những cô gái chưa chồng đều thích tết tóc một bím, bím tóc để rất dài, thường dài qua đầu gối, thậm chí có người còn để dài chấm đất. Còn phụ nữ đã có gia đình để tóc búi. Đến những năm 50 thế kỉ XX, kiểu tóc bím thịnh hành trở lại và cho đến cuối những năm 80 mới dần dần bị thay thế bởi các kiểu tóc uốn xoăn, hay ép thẳng.



Áo bông in hoa thời nhà Hán (Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh, vẽ dựa theo hình ảnh trên cổ vật tìm thấy trong mộ Mã Vương Đồi Hán ở thành phố Trường Sa tỉnh Hồ Nam)



Áo trùm phía trước và sau
(Nguồn: Tang Nghênh Xuân)

loài rỗng có một chân một sừng trong thân thoại) hoặc tết hình các ô vuông... Chiều dài của áo cũng khác nhau, có loại dài đến mắt cá chân, loại này thường dùng cho quan văn hoặc người cao tuổi; có loại chỉ dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối, loại này thường dùng cho quan võ hoặc những người lao động chân tay.

Sau khi áo dài trở thành trang phục chủ đạo, áo trùm dần dần biến mất. Áo dài nữ thời nhà Hán có vạt áo lớn và rất dài. Trong bức tranh lụa được khai quật ở Trường Sa Hồ Nam vẽ hình một người mặc áo trùm vạt dài, cổ áo ba lớp, ngoài ra còn có nhiều hình rỗng bay phượng múa được thêu trên thân áo, rất đặc trưng cho trang phục của phụ nữ Trung Hoa.

Kiểu áo dài phát triển đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều (220 – 589), ban đầu thịnh hành kiểu áo có tay áo rộng, vạt áo lớn, kiểu này được gọi là “bao y bác đới”, đây là loại áo rộng đai lớn, khi mặc toát lên vẻ phong thái nho nhã quyền quý. Thời kì này, áo dài của đàn ông trở nên đơn giản hơn, còn áo của phụ nữ thì cầu kỳ và lộng lẫy hơn. Trong bức



Hình chiếc móc câu gắn trên dây lưng da của người cổ đại Trung Quốc, móc được dùng để thắt dây lưng quanh eo, xuất hiện từ thời Xuân Thu. Trong hình là chiếc móc bạc hình con vượn. (Ảnh: Lý Chạm Cường)

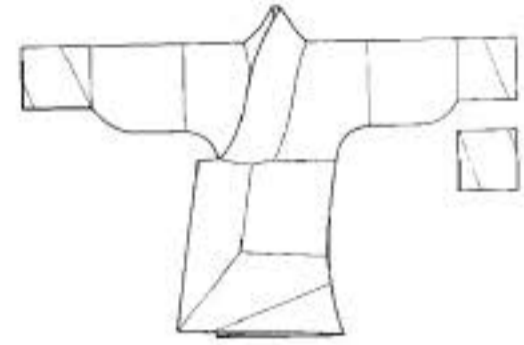
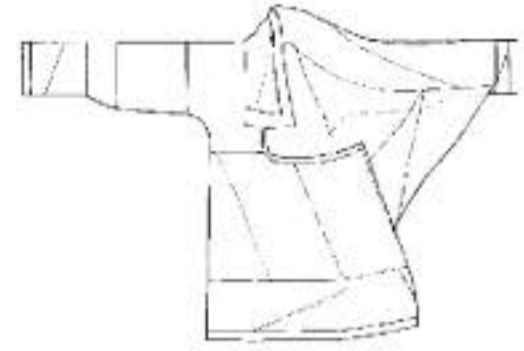




Phục sức Trung Quốc

tranh “Liệt nữ truyền nhân tri đồ quyền” của họa gia nổi tiếng thời Đông Tấn Cố Khải Chi (345 - 409) vẽ hình thiếu nữ mặc áo trùm dài, dưới vạt áo viền các hình tam giác, đỉnh tam giác hướng xuống dưới, giống như hình lá cờ, ngoài ra cạnh tam giác cũng được thêu viền. Khi vạt áo quần lại, những hình tam giác này sẽ xếp tầng tầng lớp lớp theo thứ tự tiếp nối nhau, bộ trang phục trở nên tinh tế và mới lạ. Tay áo rộng, vạt dưới dài, dây lưng thắt ở giữa eo, giúp cho người mặc có phong thái hoạt bát tự nhiên phóng khoáng. Tuy chỉ là tranh vẽ song hình ảnh bộ trang phục trông vô cùng sang trọng và tinh tế.

Áo trùm và áo dài đều là loại áo dài liền từ trên xuống dưới, nhưng khác nhau ở chỗ áo trùm dần dần biến mất, còn áo dài thì được dùng cho tới thời cận đại – thậm chí đến thế kỉ XXI người Trung Quốc vẫn còn nhớ tới kiểu dáng của nó – kiểu áo rộng thân áo thẳng, vạt áo lớn quần chéo sang bên phải, kiểu dáng đơn giản trang nhã, trên áo được trang trí bởi những đường thêu hoa văn tinh tế.



Áo cánh (Nguồn: “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc”)

Tranh lụa “Chủ nhân và tùy tùng” được tìm thấy trong mộ Mã Vương Đồi Hán ở thành phố Trường Sa tỉnh Hồ Nam (Nguồn: “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc”)



Giao thoa văn hóa phục sức Hồ Hán

Ngay từ thời Chiến Quốc, vua Triệu Võ Linh, vị vua thứ 6 của nước Triệu (? – 295 TCN) nhận thấy, tuy vũ khí của binh lính nhà Triệu hơn người Hồ, song đại đa số đội ngũ bộ binh quân binh, và cả quan binh đều mặc áo dài, còn áo giáp thì to và nặng, dây buộc rườm rà, binh lính có đến hàng trăm ngàn, song kị binh thiện chiến thì lại rất ít, vì thế ông đã cho thay đổi trang phục của binh lính theo kiểu trang phục của dân du mục Tây Bắc, đó chính là loại áo ngắn, quần dài mặc khi cưỡi ngựa của người Hồ. Về sau, đội quân của nước Triệu nhanh chóng trở nên hùng mạnh.

Không chỉ dừng ở đó, kiểu quần áo ban đầu luôn bị xem thường này đã được người Hán tiếp nhận, đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều kiểu quần phục này đã trở thành trang phục mặc thường ngày của người dân vùng Trung Nguyên. Đương nhiên, ở đây còn có một lí do rất quan trọng, đó là vì trong giai đoạn chiến tranh hỗn loạn và liên miên này, dân thường mặc trang phục này sẽ thuận tiện hơn khi thường xuyên phải trốn chạy giặc giã. Về mặt khách quan có thể thấy, điều đó cũng giúp cho việc giao lưu văn hóa phục sức càng trở nên thuận lợi hơn.

Khố chấp và lưỡng đang (áo lót không tay không cổ) là loại “trang phục người Hồ”, nhìn hình tượng gốm (ở bên) có thể thấy trang phục này rất tiện khi cưỡi ngựa và phù hợp với những vùng có khí hậu giá lạnh.

“Khố chấp” là loại trang phục có thân áo trên và quần ở dưới. Trong cuốn “Cấp tự thiên” (Tác phẩm viết vội) của Sử Du người thời Tây Hán có ghi chú rõ, loại trang phục này là kiểu áo ngắn đến bụng, tay áo rộng. Với kiểu tay áo rộng như vậy thì có lẽ dân du mục không thể dễ dàng cưỡi ngựa và đi chăn gia súc được. Ban đầu tay áo được may nhỏ, nhưng sau khi du nhập vào vùng Trung Nguyên tay áo được may rộng hơn. Trong cuốn “Cấp tự thiên” miêu tả “tả nhâm chi bào” (áo dài vạt trái), tức là kiểu áo dài có vạt áo lớn quần sang bên trái của

[Váy]

Váy bao hàm hai nghĩa, nghĩa rộng là chỉ những loại váy, quần mặc ở dưới, thời xưa gọi là “hạ thường” (váy dưới), nghĩa hẹp là chỉ dùng để gọi một loại váy quây, một loại trang phục bó sát thân dưới, gồm có hai miếng vải, một miếng che phía trước và một miếng che phía sau. Do người cổ đại chỉ chú trọng che đậy phía trước và sau nên hai bên để hở, vì thế mỗi khi cử động phải rất cẩn trọng, chú ý tư thế khi ngồi. Đến thời nhà Hán, loại trang phục này đã được cải tiến, xuất hiện loại quần có đũng và loại váy quây kín.



Tượng gốm hình người mặc khố chấp (Ảnh: Lý Chạm Cường)





Phục sức Trung Quốc

người Tây Bắc, điểm này khác biệt với thói quen quần vạt áo sang phải của dân tộc Hán ở Trung Nguyên. Do đó người

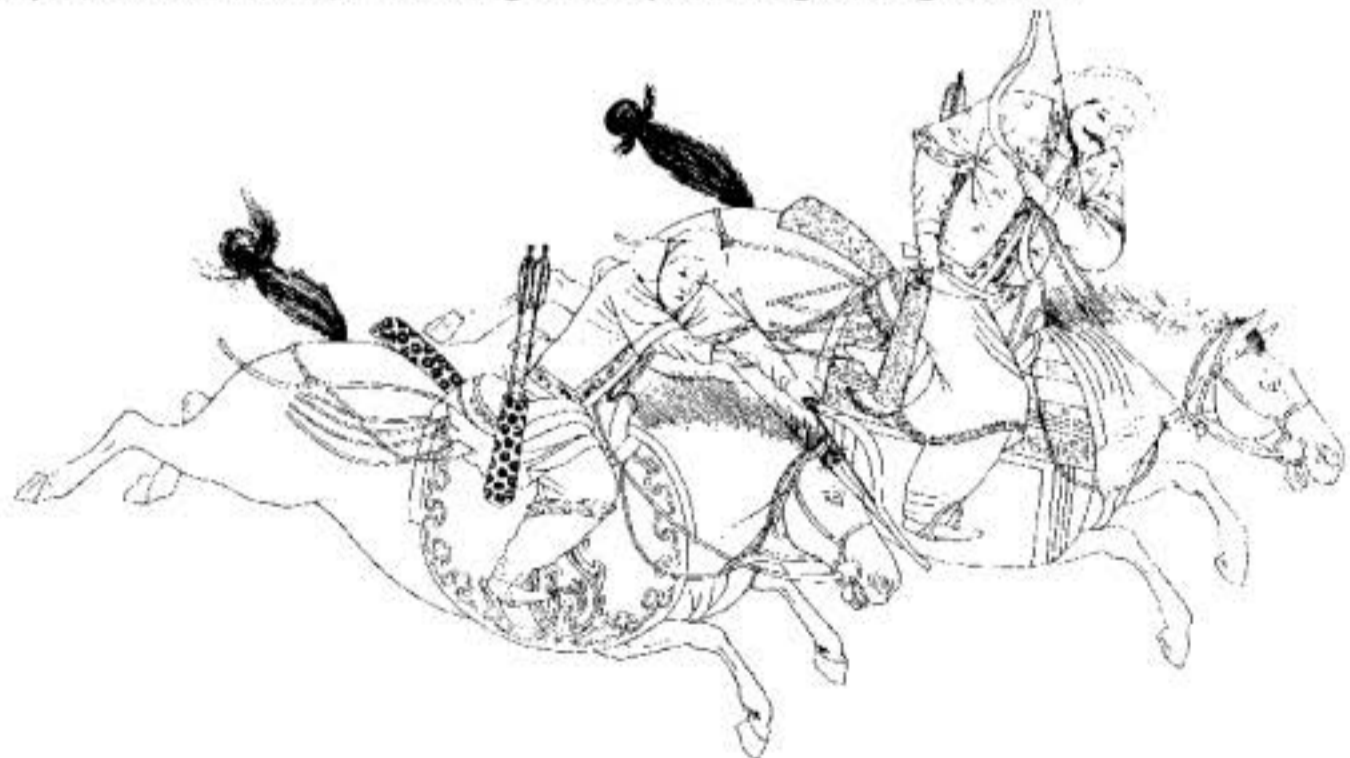
Trung Nguyên khi đó cũng gọi người Tây Bắc là “tả nhâm chi nhân” (người mặc áo vạt trái), “nhâm” là chỉ vạt áo trước. Trên thực tế, kiểu áo này ngắn, tuy kích cỡ lớn nhỏ khác nhau nhưng kiểu dáng rất đa dạng. Dựa vào tư liệu ghi chép lại, chúng ta có thể thấy áo thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều rất phong phú, có loại vạt quần bên trái, có loại vạt quần phải, ngoài ra còn có khá nhiều áo hai vạt đối xứng nhau, thậm chí có loại hai vạt trước quần lại để hai góc vạt áo lộ ra hình đan chéo giống như đuôi chim én. Người mặc “khố chấp”

luôn toát lên phong thái năng động. Có thể dễ dàng tìm thấy hình vẽ kiểu trang phục này trên tượng gốm và gạch phù điêu trong mộ cổ thời Nam triều.

Phía dưới “khố chấp” là kiểu quần có đáy. Loại quần này ban đầu khá ôm sát, trông rất gọn gàng. Sau khi du nhập vào vùng Trung Nguyên, nhất là khi có một số đại thần quan văn cũng mặc trang phục này vào thiết triều đã gây nên sự phản đối của phái bảo thủ, họ cho rằng kiểu quần ống thẳng bó sát



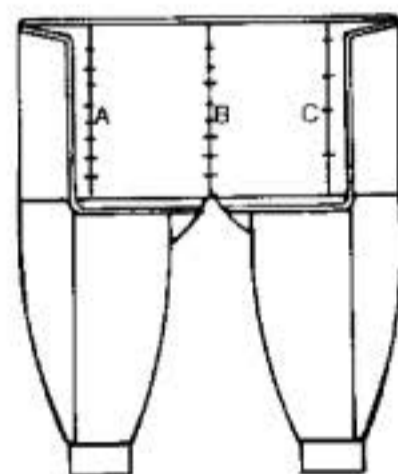
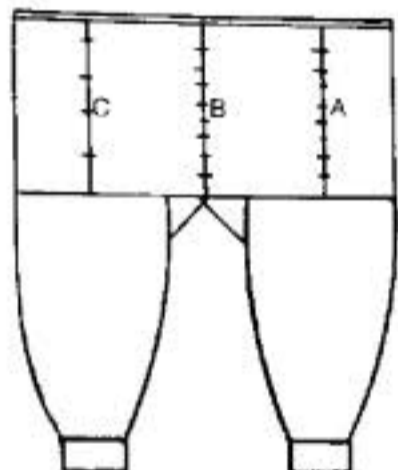
Khố chấp (Chu Tấn vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)



Kị sĩ (người phương bắc thời nhà Tống) đội mũ da, mặc áo lông chồn, đeo túi đựng tên làm bằng da chồn. (Trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc”)



Binh sĩ thời Chiến Quốc mặc áo ngắn thêu hoa văn, thắt dây lưng bằng vải lụa, đeo kiếm đóng ngắn. (Trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")



Quần của nam giới thời Chiến Quốc. (Trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")

này không phù hợp truyền thống, trông nó khác lạ so với trang phục trước đó. Vì thế, một số người đã nghĩ ra cách may ống quần rộng hơn để phù hợp với những nơi trang nghiêm như trong triều, vừa khác lạ so với kiểu trang phục trước đây lại vừa thuận tiện khi đi lại trên đường. Song sau đó lại nảy sinh ra vấn đề ống quần quá rộng gây khó khăn khi di chuyển trên đường trơn lầy. Thế nên có người lại nghĩ ra cách dùng hai sợi dây buộc ống quần phía dưới đầu gối, như vậy tiện cả đôi đường. Kiểu "quần túm" này có thể thấy khá phổ biến trên tượng gốm và phù điêu gốm thời Nam Triều. Đến thời Ngụy Tấn còn có kiểu "tay áo rộng ống quần lớn". Có người cho rằng quần ống bát thịnh hành từ những năm 80 thế kỉ XX có nguồn gốc mô phỏng từ quần ống túm thời Ngụy Tấn, thực ra hai loại quần này chỉ giống phần ống xòe ra phía dưới. Nhưng cũng có thể hai loại quần này có sự trùng hợp ngẫu nhiên về ý tưởng sáng tạo.

Thời kì này còn có một kiểu áo khác cũng mang phong cách Tây Bắc du nhập vào Trung Nguyên, đó là lưỡng đang. Trong cuốn "Thích danh" (cuốn sách chuyên nghiên cứu giải thích nguồn gốc tên gọi các sự vật) ở cuối thời kì Đông Hán (25 – 220) ghi rõ: "Lưỡng đang là loại trang phục che ngực và lưng". Điều đó cho thấy lưỡng đang là loại áo không tay, hay còn gọi là khảm kiên, mã giáp, bối tâm (áo sát nách, áo lót, áo gi-lê, áo ba lỗ, áo may-ô...). Những tên gọi này đều rất gợi hình, "khảm kiên" (áo sát nách) có nghĩa là cắt bỏ tay áo sát tới nách; "bối tâm" có nghĩa là áo dùng chỉ để che ngực và lưng; "mã giáp" có nghĩa là áo giáp không che bốn chân mà chỉ để che mình





Phục sức Trung Quốc

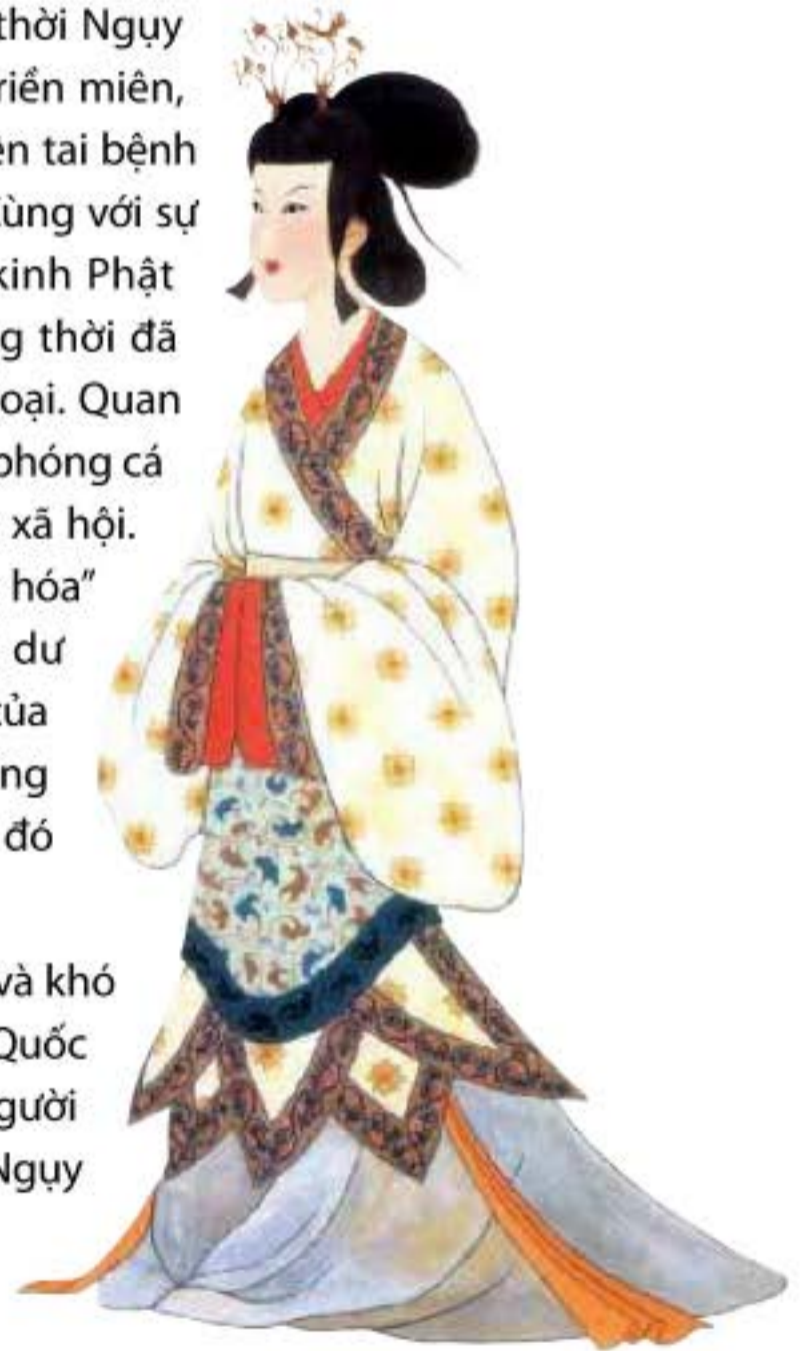
ngựa không bị đâm. Căn cứ vào những đồ vật được khai quật trong mộ, hình ảnh trên gạch phù điêu và trên tranh vẽ có thể thấy “lưỡng đàng” là kiểu áo có hai miếng vải che phía trước ngực và sau lưng, trên vai và hai bên sườn được thắt dây. Sau đó xuất hiện nhiều loại áo khác như: áo lót trong, áo da, áo vải bông, áo đơn, áo kép, với nhiều kích cỡ lớn nhỏ khác nhau. Tuy tên gọi “lưỡng đàng” từ lâu đã không còn nghe đến, nhưng cách gọi “khảm kiên, mã giáp, bối tâm” được duy trì cho đến ngày nay.

“Khố chấp” và “lưỡng đàng” là hai loại trang phục thịnh hành nhất thời đó, nam nữ đều có thể mặc. Tuy kiểu trang phục này không vượt khỏi hình ảnh áo kép mặc với váy – trang phục đặc trưng của dân tộc Trung Hoa, nhưng nó cũng đã thể hiện phần nào sự dung hòa và giao thoa văn hóa phục sức.

Phục sức thời Ngụy Tấn

Trong lịch sử Trung Quốc, hơn 200 năm thời Ngụy Tấn là khoảng thời gian đen tối, chiến tranh triền miên, triều đại liên tục đổi thay, xã hội biến loạn, thiên tai bệnh dịch hoành hành, đời sống nhân dân cơ cực. Cùng với sự thịnh hành học thuyết Lão Trang, việc dịch kinh Phật và sự phát triển Đạo giáo, xã hội sĩ tộc đương thời đã nảy sinh ra trào lưu tư tưởng thức tỉnh nhân loại. Quan quân và giới quý tộc hướng theo tư tưởng giải phóng cá nhân, tạo nên tranh luận ở mọi lĩnh vực trong xã hội. Tầng lớp này đảm nhận vai trò là “tinh hoa văn hóa” trong xã hội. Họ giao lưu rộng rãi, kiểm soát dư luận, và dần hình thành nên thế lực lớn mạnh của giới thượng lưu, uy hiếp đến thế lực truyền thống và quyền lực của nhà vua, nhiều người vì điều đó mà đã tự chuốc lấy cái chết.

Có thể nói, tất cả nỗi đau khổ về tâm linh và khó khăn trong cuộc sống mà người cổ đại Trung Quốc gặp phải cũng không bằng những gì mà con người thời Ngụy Tấn trải qua. Song những con người Ngụy Tấn là những con người luôn mong muốn tìm sự cảm thông, họ giải thoát khổ đau bằng



Hình ảnh người phụ nữ thời Ngụy Tấn mặc áo dài tay rộng, tóc quấn thành hai búi tròn hình con bọ cạp theo kiểu tóc thời Chiến Quốc và Tây Hán. (Chu Tấn vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

[Giác ki]

Đây là một cách gọi chung cho kiểu tóc của trẻ nhỏ thời xưa. Thời cổ đại, trẻ sơ sinh sau khi đầy 3 ngày tuổi sẽ được làm lễ cắt tóc để tránh tai ương bệnh tật. Cách làm cụ thể như sau, tóc được cắt hết, chỉ để lại một ít trên đỉnh đầu. Trẻ càng lớn thì tóc sẽ mọc càng nhiều, thành một chòm trên đỉnh, hai bên tết thành hai đuôi sam nhỏ. Vì kiểu tóc này giống sừng bò nên trước đây có tên gọi là "tổng giác" hay "tổng kế" (tóc để chòm). Tóc của bé trai gọi là "giác", tóc của bé gái gọi là "ki". Thời cổ đại, nam nữ thanh niên khi trưởng thành có kiểu tóc rất khác nhau. Các chàng trai thường búi tóc cao dựng thẳng đứng trên đỉnh đầu, các cô gái thì lại tết bím hai bên giống như chữ "Y", thời xưa gọi là a đầu hay nha đầu (丫头). Về sau, những người lớn tuổi thường dùng từ "a đầu" để gọi những thiếu nữ trẻ tuổi.

rượu, nhạc, thả hồn vào thiên nhiên... hoặc tìm thấy sự giải thoát trong giáo lí đạo Phật. Họ phản đối lễ giáo truyền thống, yêu cầu loại bỏ lối đạo đức giả và những rào cản khác để trở về với cuộc sống tự do chân thực. Con người thời đó cố xúy cho nhiều lối sống khác nhau như sống ung dung tự tại, hay sống buông thả, hoặc tu dưỡng đạo đức. Vì vậy mà hành vi và lối sống của tầng lớp trí thức đã có sự thay đổi lớn, họ phản đối đạo đức truyền thống, trang phục của họ thể hiện trào lưu phóng khoáng, tự nhiên, cởi mở, không câu nệ tiểu tiết, không lồi thối, nhưng cũng không quá cầu kì rườm rà. Lối sống này đã ảnh hưởng đến phong cách trang phục của các tầng lớp khác trong xã hội.

Thời kì này, dựa vào địa vị sang hèn mà chia thành cửu phẩm, thế tộc là những người trí thức, dân thường là thứ dân, phân chia ranh giới rõ ràng, không cùng địa vị thì không được kết hôn với nhau. Khi trong nhà có việc lớn như cưới hỏi

Trang phục nam nữ quý tộc thời kì Ngụy Tấn, người đàn ông quý tộc đội mũ trong bức tranh phía dưới ở bên trái mặc trang phục mô phỏng theo trang phục hoàng triều Nhật Bản. (Vẽ dựa theo tranh tường trong mộ cổ ở Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh, trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")





Phục sức Trung Quốc

ma chay, không chỉ những gia đình quyền quý mà ngay cả những người dân thường cũng rất chú trọng phô trương bày vẽ. Trong “Thế thuyết tân ngôn” có ghi lại một câu chuyện cười như sau: Nguyễn Tịch (210 – 263) và cháu trai Nguyễn Hàm (không rõ năm sinh năm mất) sống ở phố nam, ngoài ra có một số người họ Nguyễn khác sống ở phố bắc. Những người ở phố bắc giàu có, còn những người ở phố nam thì nghèo. Hàng năm vào ngày 7 tháng 7 âm lịch, những người ở phố bắc mang quần áo ra phơi, toàn lụa là gấm vóc, như có ý khoe khoang. Có một lần, Nguyễn Hàm lấy cây sào treo chiếc quần vải bố ra giữa sân, mọi người không hiểu bèn hỏi anh ta phơi như thế để làm gì? Anh ta trả lời: Chẳng phải là tôi cũng không thể cao quý hơn, nên cũng muốn bày trò góp vui thôi. Hành động này vừa có ý châm biếm chế nhạo cuộc sống xa hoa vừa có ý đả kích tầng lớp thượng lưu.

“Trúc lâm thất hiền” là chỉ bảy vị nhân sĩ nổi tiếng thời Ngụy Tấn, trong đó có Nguyễn Tịch và Nguyễn Hàm. Ngày nay chúng ta còn có thể thấy hình ảnh của họ trong tranh bích họa – người nào người nấy đều mặc áo dài quét đất, tay chân và ngực đều để lộ. Đây là hình ảnh rất ít thấy trong xã hội phong kiến Trung Quốc, vì chỉ có những kẻ buôn bán hoặc tội tở mới để lộ cơ thể như vậy. Không những thế, họ còn tỏ ra rất phóng túng, ví dụ như có tranh vẽ Lưu Linh, Kê Khang, Vương Nhung đang chải chòm tóc cho những đứa trẻ với dáng vẻ kiêu ngạo tự mãn.

Khi nhắc đến phục sức Trung Quốc phải kể đến văn nhân, họ đại diện cho tầng lớp xã hội cao sang, họ là nguồn cảm hứng để sáng tạo và quy ước về cái đẹp thời cổ đại Trung Quốc. Người Trung Quốc cổ đại quan niệm về cái đẹp khá thô sơ, trong thơ thời Xuân Thu đã miêu tả “đẹp” là “tay mềm mại, da láng mịn, cổ cao, răng trắng đều, mắt én mày ngài”. Trong một bài văn thời Chiến Quốc miêu tả người con gái đẹp có “đôi mắt đẹp sáng long lanh, lông mày cong cong như cánh bướm, mắt tròn to như hạt châu” (Tống Ngọc, “Thần nữ phú”). Trong một bài văn khác, tác giả còn miêu tả: “Tăng thêm 1 phân (10mm) thì dài quá, bớt đi 1 phân thì ngắn quá; thoa thêm phấn trắng thì trắng quá, thoa thêm phấn hồng thì hồng quá. Mắt đen như nhung, da trắng như tuyết, eo nhỏ thắt đáy lưng ong,



Mũ lông chim thịnh hành khá rộng rãi ở vùng Trung Nguyên, đây là một trong những kiểu mũ chính thời Bắc triều, một kiểu mũ lưới màu trắng của giới quý tộc thời đó. (Trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc”)



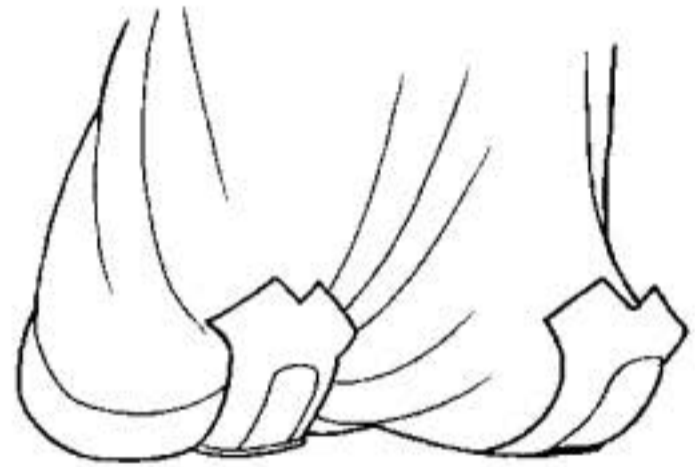
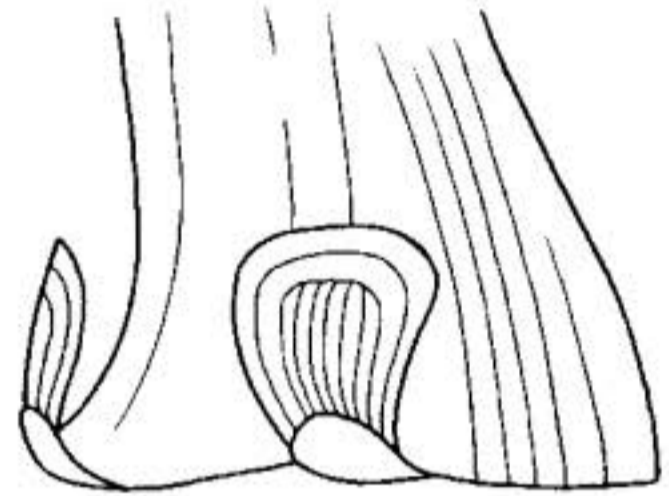
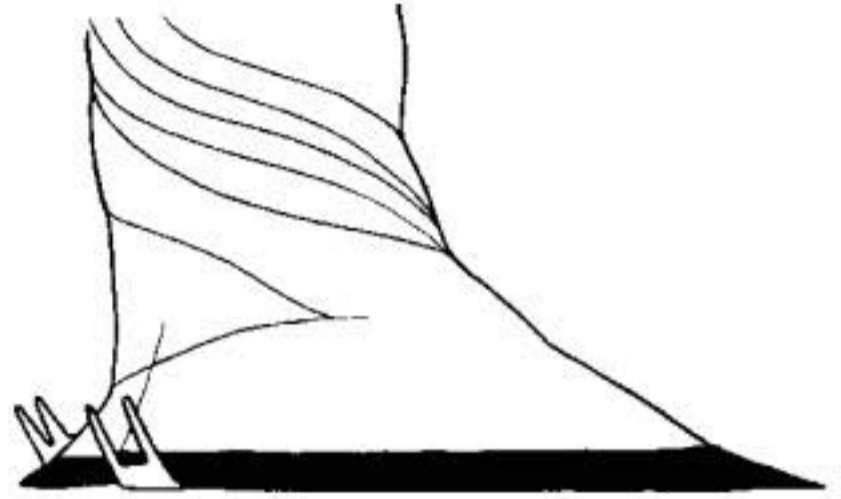
Người phụ nữ thời Nam Triều quần hai lọn tóc tròn hai bên, khoác áo hai tà, tay áo rộng, chân đi hài. (Cao Xuân Minh vẽ, trong cuốn "Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc" của Cao Xuân Minh)



Phục sức Trung Quốc

răng trắng như ngọc” (Tống Ngọc, “Đặng đồ tử háo sắc phú”). Sau thời Hán Ngụy, Tào Tử Kiến miêu tả người con gái đẹp trong “Lạc thần phú” như sau: “Dung mạo tuyệt trần, dáng vẻ lộng lẫy, thân hình mảnh mai, vai xuôi, eo thon, cổ cao, da trắng, tóc mây, mắt én mài ngài, môi đỏ, má hồng, răng trắng, dáng vẻ thư thái khoan thai thướt tha yếu điệu, xiêm y lộng lẫy, bước đi nhẹ nhàng tựa mây bay”. Tiêu chuẩn thẩm mỹ từ mộc mạc chuyển sang cầu kỳ lộng lẫy, thời nhà Hán là thời kì quá độ, tới thời Ngụy Tấn trở nên hoàn thiện, phụ nữ chú ý trong cách ăn mặc hơn, vì thế điểm nổi bật trong thời kì này là sự tiến bộ về phục sức.

Thời Ngụy Tấn, đặc biệt là thời Đông Tấn (317 – 420), cùng với sự sụp đổ quan niệm luân thường lễ giáo thời Đông Hán, phụ nữ quý tộc theo đuổi lối sống tự do phóng túng, họ xem nhẹ những nghĩa vụ và trách nhiệm mà xã hội truyền thống quy định cho người phụ nữ gánh vác; họ nhiệt tình tham gia các hoạt động giao tiếp trong xã hội; họ thích đi đó đây hoặc tham gia nghiên cứu nghệ thuật, văn thơ, hội họa. Họ đề cao lối sống chống lại quan niệm “phụ đức” phong kiến. Chính nhờ vậy mà phục sức của người phụ nữ cũng phát triển theo hướng ngày càng nhiều màu sắc và mới lạ hơn. Váy dài tay áo rộng, dây lưng thả dài, trang sức cài trên đầu nguy nga lộng lẫy... là những trào lưu phục sức thời Ngụy Tấn.



Lần lượt từ trên xuống dưới là kiểu tóc thời nhà Hán, Nam Bắc triều, Tùy Đường. (Trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc”)



“Cao sĩ đồ”, tác phẩm hội họa thời Đường, miêu tả hình ảnh thư thái phóng khoáng của nhân sĩ thời Ngụy Tấn.
(Nguồn: Hoa Mai)

Phục sức thời Đường

Xét về mặt phát triển kinh tế và văn hóa xã hội phong kiến, thì thời Đường là giai đoạn phát triển thịnh vượng trong lịch sử phát triển văn minh của nhân loại, triều đình khi đó không chỉ áp dụng các chính sách mở cửa đối với nước ngoài, cho phép người nước ngoài đến Trung Quốc làm ăn buôn bán, thu hút lưu học sinh nước ngoài, thậm chí còn cho phép người nước ngoài tham gia thi tuyển làm quan; ngoài ra còn tích cực tiếp nhận văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo du nhập từ nước ngoài, khiến kinh đô Trường An thời đó trở thành trung tâm giao lưu văn hóa. Điều đặc biệt đáng được nhắc đến là phụ nữ thời Đường không phải tuân thủ các quy tắc truyền thống, họ có thể mặc áo cổ rộng hoặc mặc trang phục theo phong cách nước ngoài, hoặc cũng có thể



Trang phục phụ nữ thời Đường khá phong phú, có thể chia thành ba loại chính sau: váy dài tay bó hẹp, trang phục người Hồ và mặc giả nam. Trong hình là một phụ nữ quý tộc vấn tóc cao, váy dài hoa văn sặc sỡ, khoác dài lụa dài trên cánh tay. (Chu Tấn vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)





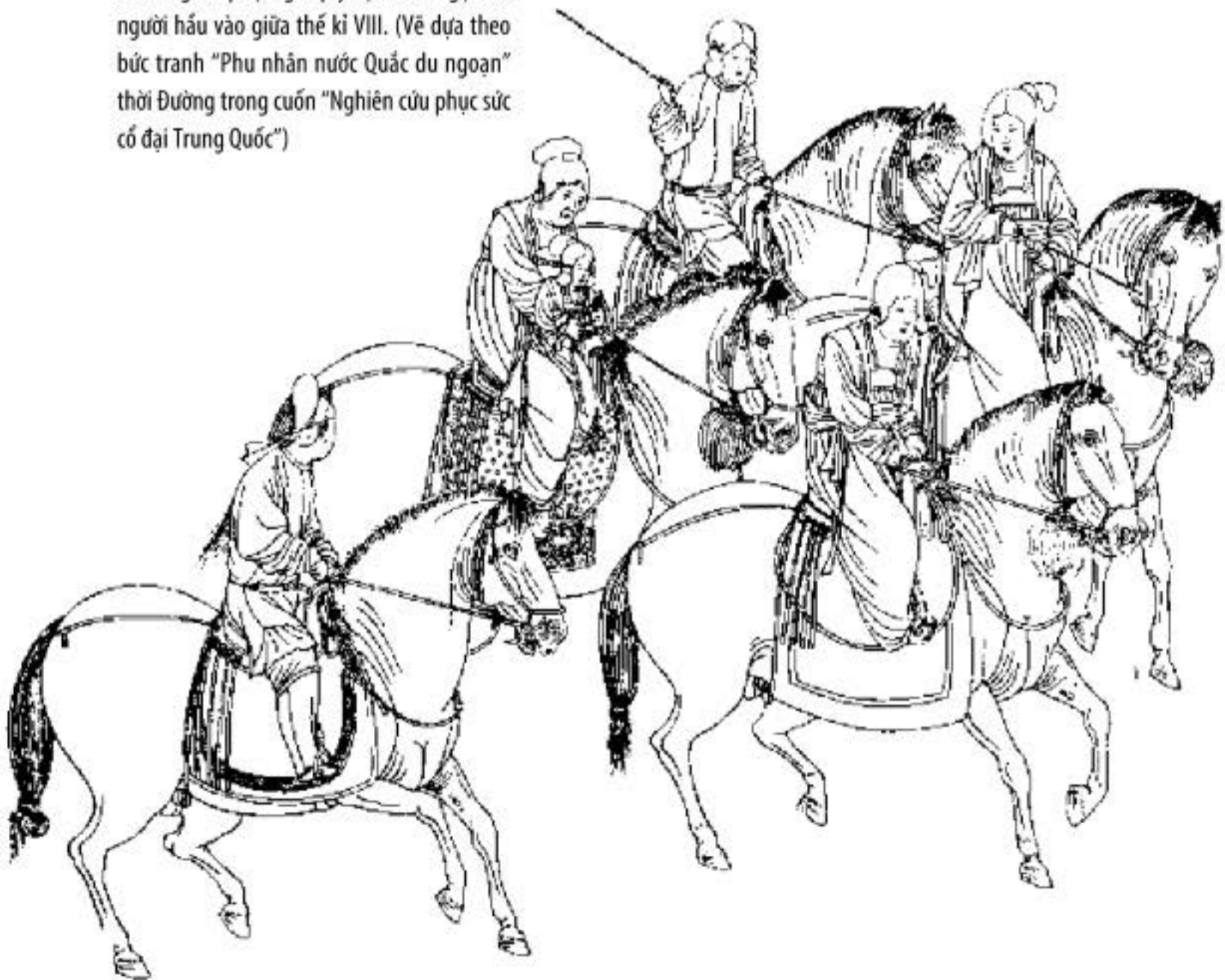
mặc trang phục của nam giới, hơn nữa họ còn được tự do lựa chọn kết hôn và ly hôn. Môi trường xã hội tự do và cơ sở vật chất đầy đủ đã giúp cho văn hóa thời Đường phát triển mạnh; thơ ca, hội họa, âm nhạc... đều nở rộ. Kế thừa từ đời nhà Tùy, đến đời Đường nghệ dệt vải phát triển vượt bậc, kĩ thuật ươm tơ và in ấn đạt đến trình độ khá cao, thời kì đó không chỉ số lượng và chất lượng vải đạt đến trình độ cao chưa từng thấy, mà còn xuất hiện nhiều kiểu dáng trang phục được dân chúng ưa chuộng.

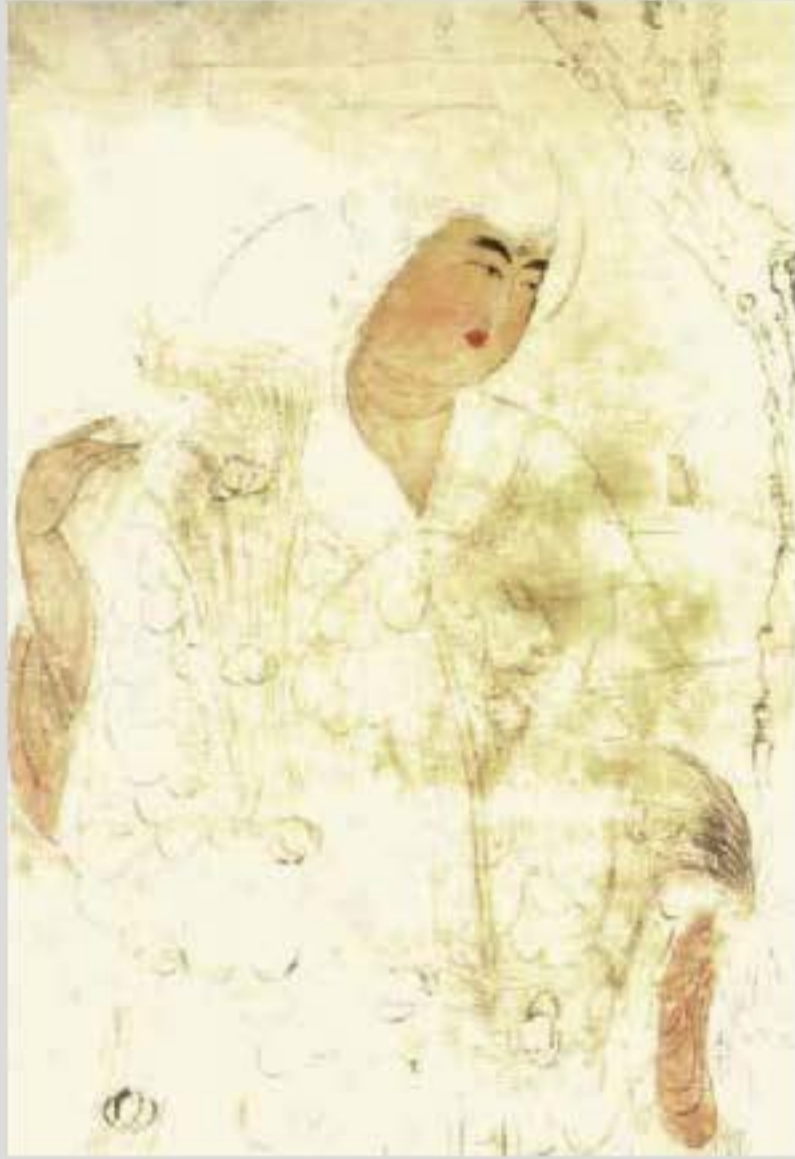
Trong số những trang phục thịnh hành thời Đường, không thể không nhắc đến phục sức của phụ nữ. Phụ nữ thời đó rất chú ý ăn mặc, họ phát huy tối đa vẻ đẹp của trang phục không phải là dựa vào sở thích nhất thời của mình mà dựa vào bối cảnh xã hội khi đó. Vì vậy, mỗi kiểu dáng đều rất mới lạ, cá tính và

[Cây lược]

Trung Quốc là một đất nước chú trọng lễ nghi, người Trung Quốc rất chú ý đến diện mạo bên ngoài của mình. Đối với họ, tóc tai bù xù là điều xỉ nhục. Để giữ cho tóc luôn gọn gàng sạch sẽ, người xưa thường mang theo bên mình cây lược để tiện chải tóc mọi nơi mọi lúc. Cũng vì thế mà dần dần hình thành thói quen phụ nữ cài lược trên đầu, từ đó cây lược cũng trở thành một thứ đồ trang sức.

Hình người phụ nữ quý tộc cưỡi ngựa và người hầu vào giữa thế kỉ VIII. (Vẽ dựa theo bức tranh "Phụ nhân nước Quắc du ngoạn" thời Đường trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")





Hình vẽ người con gái thời Đường trên tấm bình phong của họa gia người Nhật. Điều này cho thấy phục sức thời Đường đã ảnh hưởng đến Nhật Bản.



Thời Võ Tắc Thiên ưa chuộng trang phục thời Hồ, trang phục này có đặc điểm tay áo nhỏ gọn, cổ bẻ ra ngoài, thân áo dài, kết hợp với giày vải mềm. (Hình ba người được vẽ dựa theo hình trên họa bích trong mộ Vĩ Hạng ở Tây An Thiểm Tây trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc")

tin tế. Phụ nữ thời Đường chủ yếu mặc ba loại trang phục sau: trang phục thời Hồ được du nhập từ con đường tơ lụa vào, trang phục truyền thống điển hình của vùng Trung Nguyên, ngoài ra họ còn dùng cảm phá bỏ quy tắc lễ nghi của Nho giáo để được mặc trang phục nam.

Trước tiên phải kể đến trang phục truyền thống Trung Nguyên. Đây là loại trang phục áo trên váy dưới. Tuy kiểu dáng không mới, nhưng được thay đổi đôi chút trông khá mới mẻ, ví dụ như thân áo ngắn hoặc dài, cổ áo tròn hoặc vuông hoặc lệch hoặc thẳng hoặc hình tim và đều được cắt sâu để trễ ngực, đây là sự sáng tạo mà trước đó chưa từng có. Ban đầu chỉ có phi tần trong cung và các vũ nữ mặc, nhưng sau đó đã nhanh chóng thu hút sự chú ý của giới quý tộc. Điều đó cho thấy người thời đó có tư tưởng vô cùng phóng khoáng. Trong kinh điển Nho gia có quy định chặt chẽ về y phục, đó là trang phục phải che kín toàn thân, đặc biệt là phụ nữ phải tuân thủ nghiêm ngặt, nhưng với kiểu trang phục trễ ngực trên thì phụ nữ trong các triều đại khác đều không dám nghĩ đến cũng không dám làm.

Hai nữ họa gia thời Đường là Trương Huyền (không rõ năm sinh năm mất) và Chu Phương (không rõ năm sinh năm mất) thường vẽ





Phục sức Trung Quốc

cung nữ có dáng vẻ tròn trịa xinh đẹp. Trong bức “Trâm hoa sĩ nữ đồ” (Tranh mỹ nữ cài trâm hoa) của Chu Phưởng, mỹ nữ mặc váy dài, bên trên chỉ khoác một chiếc áo tay rộng vải mỏng, hững hờ che bầu ngực. Nét vẽ chân thực sống động, lột tả vẻ đẹp mong manh và gợi cảm của cánh tay và đôi vai trần của mỹ nữ.

Thời Đường, có thú ngắm hoa mẫu đơn nhỏ nhắn, mẫu người đẹp là đàn ông thư sinh, phụ nữ tròn mặt, ngựa cũng phải có đầu nhỏ, cổ và vai to mặt. Chúng ta có thể thấy trong tranh thời Đường, phụ nữ thường rất mập mạp, vì vậy có những chiếc váy dùng đến sáu, tám thậm chí mười hai miếng vải. Từ đó xuất hiện kiểu váy có eo cao, có khi cao tới sát ngực, như vậy sẽ tạo nên kiểu váy xòe tròn, không thấy eo người mặc.

Các nhà thơ cũng có nhiều câu thơ tuyệt tác miêu tả kiểu dáng và màu sắc trang phục thời Đường. Qua những vần thơ có thể thấy màu sắc trang phục thời đó khá phong phú, hơn nữa lại không bị triều đình ngăn cấm nên càng được mọi người ưa chuộng. Những màu như đỏ, cam, tím, xanh đen, xanh lá cây, vàng kim... trong đó màu đỏ thạch lựu được ưa chuộng nhất và được dùng trong khoảng thời gian khá dài. Trong thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị đều có nhắc đến màu áo thạch lựu. Trong bài “Yến kinh ngũ nguyệt ca” (Bài thơ tả cảnh Yến kinh vào tháng 5) miêu

tả khi đó là mùa hoa thạch lựu đỏ nở rộ, nhà nhà đều mua hoa

vẽ nhuộm váy đỏ cho con gái họ, cảnh tượng vô cùng náo nhiệt. Trang phục màu hoa tuy líp cũng được nhuộm màu từ thân một loài cây, loại cây này không giống cây hoa tuy líp ở vùng Tây Á, mà là cây khương hoàng, cây có mùi thơm, có thể ép thân cây lấy nước nhuộm vải.

Tương truyền rằng, vào giữa thời Đường có bộ váy lông chim của một cô công chúa, bộ váy này nổi tiếng trong lịch sử phục sức Trung Quốc bởi nó được dệt từ nhiều loại lông chim khác nhau, nhìn dưới ánh sáng ban ngày hay dưới ánh đèn, nhìn thẳng hay nhìn nghiêng đều thấy muôn màu khác biệt, đặc biệt



Kiểu áo người Hồ được phụ nữ thời Đường ưa chuộng.
(Cao Xuân Minh vẽ)



Trang phục nam thời Đường chủ yếu có cổ tròn, được dùng rộng rãi trong xã hội, từ hoàng đế đến văn võ bá quan đều có thể mặc trong những buổi yến tiệc, thậm chí loại trang phục này còn được dùng để thiết triều. (Tranh “Đường nhân du ký đồ” (Người thời Đường cưỡi ngựa du ngoạn) được vẽ từ thời Tống. (Nguồn: Hoa Mai)

hơn nữa là bộ váy có kiểu dáng của nhiều loài chim, đây có thể được coi là tác phẩm kì công độc nhất vô nhị.

Trang phục nữ ngoài kiểu áo và váy trên, còn có kiểu áo tay lửng – một loại áo ngắn tay mà thời nay chúng ta thường mặc vào mùa hè, nhưng thời đó, kiểu áo này thường được mặc bên ngoài áo dài tay, nó có tác dụng giống như áo sát nách. Nhưng vì tay áo cắt lửng đến khoảng giữa cánh tay nên được gọi là áo tay lửng. Khi mặc lên trông khá thướt tha duyên dáng, dáng điệu uyển chuyển.

Phụ nữ thời Đường rất thích khoác khăn choàng trên vai hoặc vắt dài lụa trên hai cánh tay. Khác với dải lụa dài và nhỏ, khăn choàng rộng và ngắn. Có thể tìm thấy dấu vết những chiếc khăn này trên các bức tượng gốm hình nữ thời Đường. Liên quan đến khăn choàng còn có một truyền thuyết thú vị sau: Truyền rằng, xưa có một lần trong bữa tiệc do Đường Minh Hoàng thết đãi quần thần, bỗng có một cơn gió ào tới thổi chiếc khăn choàng của Dương Quý Phi bay lên mũ của Hạ Hoài Trí. Điều đó cho thấy, khăn choàng có thể được làm từ loại vải rất nhẹ, nhưng cũng không loại trừ khả năng có loại khăn choàng mùa đông được đan từ len. Dải lụa còn gọi là “phiêu đới”, nó dài và khá nhỏ, được choàng từ phía sau lưng ra phía trước, hai đầu dây quấn qua cánh tay rồi thả dài xuống dưới. Người đời sau khi vẽ tiên nữ và những thiếu nữ thời xưa luôn vẽ thêm dải lụa thướt tha trên người họ.








Các bước trang điểm phụ nữ thời Đường

(Nguồn: trong cuốn "Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc" của Cao Xuân Minh)

Bước 1	Bước 2	Bước 3	Bước 4
			
Thoa phấn trắng	Thoa phấn má hồng	Vẽ chân mày	Dán bông

Bước 1	Bước 2	Bước 3
		
Thoa phấn trắng	Thoa phấn má hồng	Vẽ chân mày





Gương mặt sau khi trang điểm của người phụ nữ thời Đường. (Nguồn: Hoa Mai)



Kết hợp với váy là giày có mũi hình đầu chim phượng, hoặc giày vải hoặc giày cỏ (tuy là giày cỏ nhưng được tết rất tỉ mỉ, tinh xảo). Có thể tìm thấy chúng trên tranh vẽ hoặc trên các cổ vật được khai quật ở Tân Cương.

Người phụ nữ thời Đường khi mặc váy, trên đầu thường không đội mũ, khi ra ngoài thì đội mũ có khăn che vành. Giai đoạn đầu thời Đường, loại mũ này mới bắt đầu thịnh hành. Nhưng đến thời thịnh Đường, các thiếu nữ không còn thích đội mũ, mà để đầu trần cưỡi ngựa ra đường. Thời đó, có khá nhiều kiểu tóc cầu kì như búi tóc mây uốn lượn, búi tròn ốc, búi hình thiên nga, vắn tròn búi hình tam giác, búi cao, búi bán phiên v.v... có tới khoảng 30 kiểu tóc búi, điều đó cho thấy mức độ cầu kì của phụ nữ thời Đường. Những kiểu tóc này thường được gọi tên dựa theo kiểu dáng tóc sau khi búi, có một số ít được lấy từ tên của các dân tộc. Ngày nay chúng ta không chỉ thấy hình ảnh những cô gái cài trâm ngọc hoặc hoa tươi hoặc hoa lụa giống như hoa khô trên đầu trong rất nhiều tranh vẽ thời Đường, mà còn có thể thấy qua những hiện vật cổ như hoa lụa và đồ nữ trang vàng bạc trạm trổ tinh xảo.

Trang điểm trên khuôn mặt không phải do phụ nữ thời Đường phát minh ra, song họ đã đạt đến trình độ trang điểm điêu luyện, cách trang điểm của họ rất lộng lẫy và sang trọng. Họ trang điểm rất kĩ, không chỉ thoa phấn, kẻ chân mày, đánh phấn má hồng, thoa son môi, mà còn dán một miếng giấy vàng hình trăng khuyết trên trán, gọi là “ngọc hoàng” (hay còn gọi là “nha hoàng”). Tương truyền rằng





Phục sức Trung Quốc

















đó là do mô phỏng theo cách trang điểm mặt vàng của dân tộc Tây Bắc. Cách vẽ chân mày cũng rất đa dạng, tương truyền vua Đường Huyền Tông từng ra lệnh cho 10 người thợ vẽ 10 cặp chân mày khác nhau, đây cũng là một câu chuyện của lịch sử phục sức gắn với vị vua phong lưu mà ít người biết đến. Cặp chân mày còn được gắn với những cái tên mỹ miều như “uyên ương”, “tiểu sơn”, “tam phong”, “ngũ nhạc”, “thụy châu”, “phát vân”, “nguyệt lãng” v.v... và những cái tên dân gian cũng rất đẹp như lông mày lá liễu, lông mày trắng tuyết, lông mày chữ bát v.v... Ngoài vẽ hai đường chân mày, ở giữa hai chân mày còn dán lông chim, giấy đen ánh bạc, vỏ ốc, giấy vàng, xương cá, đá vân mẫu v.v... hoặc dùng màu trực tiếp vẽ lên trán; đuôi chân mày còn vẽ một đường chỉ màu hồng. Dùng sơn tô môi thành nhiều hình khác nhau, ở gần khóe miệng còn điểm hai hình tròn nhỏ màu hồng bằng hạt đậu, đó gọi là “diệp”. Sau thời thịnh Đường, hai hình tròn nhỏ này ngày càng được vẽ lớn hơn và sát hai bên cánh mũi, với nhiều hình thù khác nhau như hình đồng xu, hình hạnh đào, hình cánh chim, hình bông hoa v.v... Trên những bức bích họa trong 61 hang động ở Mạc Cao Quật thời kì Đôn Hoàng Ngũ Đại có thể thấy rất nhiều hình ảnh những người phụ nữ với “gương mặt trái xoan được trang điểm nhẹ và có rất nhiều hình hoa ngang dọc được vẽ trên mặt”.



Tranh lụa được khai quật ở động Tạng Kinh Đôn Hoàng (thế kỉ IX).

Các kiểu vẽ chân mày qua các thời kì nhà Đường

(Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

	Giữa thời Trinh Quan (627 – 649)
	Năm thứ nhất thời Lân Đức (664)
	Năm thứ nhất thời Tống Chương (668)
	Năm thứ tư thời Thùy Cung (688)
	Năm thứ nhất thời Như Ý (692)
	Năm thứ nhất thời Vạn Tuế Thông Thiên (696)
	Năm thứ hai thời Trường An (702)
	Năm thứ hai thời Thần Long (706)
	Năm thứ nhất thời Cảnh Vân (710)
	Năm thứ hai thời Tiên Thiên – năm thứ hai thời Khai Nguyên (713 – 714)
	Năm thứ ba thời Thiên Bảo (744)
	Năm thứ 11 thời Thiên Bảo (752)
	Thiên Bảo – năm thứ nhất thời Nguyên Hòa (742 – 806)
	Năm cuối thời Trinh Nguyên (803)
	Thời văn Đường (828 – 907)
	

Những kiểu trang điểm này không phải đều được sáng tạo ra từ thời Đường, một số kiểu lưu truyền trong truyền thuyết và trong những câu chuyện xưa cảm động lòng người. Ví dụ như kiểu hoa dán trên trán, tương truyền rằng vua Tống Vũ Đế thời Lưu Dụ Nam triều (363 – 422) có nàng công chúa tên Thọ Dương. Ngày 7 tháng giêng năm nọ, công chúa đang đứng ở điện Hàm Chương (có truyện viết công chúa đang nằm trong điện), thì đột nhiên một cơn gió nhẹ thổi những cánh hoa mai bay tới dính vào trán công chúa, trông rất đẹp, kỳ lạ là gỡ không ra, rửa cũng không mất. Từ đó trong dân gian bắt đầu thịnh hành kiểu trang điểm “Thọ Dương” (hay còn gọi là kiểu “hoa mai”). Kiểu trang điểm này đã được lưu truyền trong khoảng thời gian dài từ thời nhà Đường cho đến đời nhà Tống. Lý Phúc Ngôn thời Đường đã ghi lại trong “Tục huyền quái lục – định hôn điểm” câu chuyện sau: Có người đàn ông tên Vĩ Cố, một lần trên đường đi qua thành nhà Tống, anh ta dừng chân ngủ lại ở một căn nhà trọ. Tối hôm đó, anh ta nhìn thấy





Phục sức Trung Quốc

dưới ánh trăng có một cụ già đeo một cái túi đựng rất nhiều sợi tơ hồng đang ngồi chơi. Theo truyền thuyết của người Trung Quốc thì cụ già đó là ông Tơ, người đi se duyên cho những đôi nam nữ yêu nhau và trở thành vợ chồng. Ví Cố liền bước đến hỏi cụ già ấy rằng vợ của mình là ai, cụ già mở sổ ra xem một hồi rồi nói vợ của anh ta là một người bán rau ở phía bắc thành, bấy giờ cô bé đó mới 3 tuổi. Ví Cố nghe vậy rất tức giận, liền sai người hầu đi sát hại cô bé đó. Trong lúc vội vã, anh người hầu chỉ làm cô bé bị thương ở giữa trán. Hơn mười năm sau, Si Sử Vương Thái thấy Ví Cố là người đáng tin cậy liền gả con gái nuôi cho anh ta, trên trán cô gái đó luôn dán một bông hoa vàng. Tối đến, sau khi đã cởi bỏ hết nữ trang, cô dâu vẫn giữ nguyên bông hoa trên trán. Ví Cố lấy làm lạ hỏi mới biết đó chính là cô bé năm xưa bị chính anh ta sai người đi giết. Đây chỉ là một câu chuyện truyền kỳ, nhưng có thể thấy, thời đó người phụ nữ đã có thói quen trang điểm vào ban ngày. Liên quan đến “đường kẻ mày màu hồng” có một câu chuyện khác như sau: Tào Phi Ngụy Vũ Đế thời Tam Quốc (187 - 226) từng có một cung nữ tên là Phi Dạ Lai, nàng rất được Văn Đế sủng ái. Vào một đêm nọ, trong lúc Văn Đế đang đọc sách dưới ngọn đèn, Dạ Lai bước tới gần, chẳng may va phải tấm bình phong thủy tinh nên bị thương, máu chảy xuống thái dương. Sau khi vết thương lành, cuối chân mày vẫn còn lưu lại vết sẹo màu đỏ, song Văn Đế vẫn rất sủng ái nàng. Thế nên, cung nữ đã đưa nhau vẽ thêm hai đường kẻ mày màu hồng hai bên thái dương. Ban đầu đường kẻ này được gọi là kiểu “hừng sáng”, ý chỉ trang điểm đẹp tựa mây hồng lúc bình minh, sau gọi là “đường kẻ chỉ màu hồng”.

Khi phụ nữ thời Đường cho rằng trên mặt không còn chỗ nào có thể vẽ được nữa, thì thói quen trang điểm trên mặt vẫn được ưa chuộng. Trong “Tân Đường thư – ngũ hành chí” có nhắc đến việc từ sau giai đoạn thời Trung Đường, phụ nữ không còn thịnh hành kiểu trang điểm thoa phấn mà lấy cao đen thoa

[Cân nhắc]

“Khăn quấn đầu” – vật chuyên dụng của phụ nữ, đây là loại khăn đã quấn sẵn, được đội trực tiếp lên đầu (thường làm bằng tơ, lông v.v...) , khi đó không cần chải hay vấn tóc, đội khăn lên trông như búi tóc giả. Nó xuất hiện từ thời nhà Hán và được dùng cho đến thời nhà Thanh.

lên môi. Nhà thơ Bạch Cư Dị cũng từng viết trong bài thơ “Thời thế trang” (Trang điểm thời nay) câu thơ sau: “Thời thế trang, thời thế trang, xuất tự thành trung truyền tứ phương. Thời thế lưu hành vô viễn cận, tai bất thi châu diện vô phần. Ô cao chú thần thần tự nê, song mi họa tác bát tự đề. Nghiên xuy hắc bạch thất bản thái, trang thành cận tự hàm bi đề” (Trào lưu trang điểm thời nay được thịnh hành khắp mọi nơi. Gần xa ai ai cũng thoa phấn trắng má hồng. Môi bôi đen như bùn, đôi lông mày như chữ bát. Người người xấu đẹp đen trắng đều trang điểm giống như mặt đũa đám, không còn thấy duyên dáng). Kiểu trang điểm “như mặt đũa đám” với tóc buộc đuôi ngựa, lưng còng, miệng cười móm mém như rụng răng được thịnh hành trong một thời gian ngắn.

Nếu như xiêm áo của phụ nữ hoa lá rườm rà thì trang phục nam giới hoàn toàn ngược lại. Thời nhà Đường, thanh niên thường chít khăn trên đầu, mặc áo cổ tròn, lưng thắt dây, chân đi boots da. Khi mặc kiểu trang phục này, trông người đàn ông trở nên phong độ, hoạt bát mà không mất đi sự nho nhã, còn người

phụ nữ khi giả trang trông cũng không bị khô cứng mà vẫn mềm mại uyển chuyển. Mặc dù, trong kinh điển Nho gia từ lâu đã quy định “nam nữ không được mặc chung đồ”, nhưng hình ảnh nữ nhi mặc trang phục nam giới thời Đường khá phổ biến, ví dụ như trong tranh “Thiếu nữ múa quạt”, “Phu nhân nước Quốc du ngoạn” của Trương Huyền và trên các bức tranh tường trong hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng. Trong cuốn “Cựu Đường thư – dư phục chí” và cuốn “Trung Hoa cổ kim chú” có ghi hình ảnh phụ nữ thời Đường mặc trang phục nam giới, không phân biệt giàu nghèo, không kể ở nhà hay ra phố đều mặc như thế. Có thể thấy, xã hội thời đó khá tân tiến, phụ nữ ít bị trói buộc.



Tranh “Triều Nguyên tiên trượng đồ - Lạc bộ” (Trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc” của Thẩm Thung Văn)





Trang phục thời Đường đã trải qua một quá trình phát triển rực rỡ. Ngày nay chúng ta quen gọi “khâm áo” với tên thông thường “trang phục thời Đường”, và coi đó là phục sức truyền thống Trung Quốc, nhưng đó cũng chỉ là một cách nói nhằm tôn vinh thời kì nhà Đường. Trên thực tế, trang phục kiểu thời Đường hiện đại vẫn không thể sánh bằng những bộ trang phục muôn màu muôn vẻ lộng lẫy trong thời kì đó. Khi đó, nó được xếp vào hàng “ông hoàng trang phục của vạn nước”, có thể nói đất nước Trung Quốc thời Đường là vương quốc của phục sức.

Bối tử

Trang phục thường thấy thời nhà Tống là “bối tử”. “Bối tử” có kiểu dáng chủ yếu là cổ đứng, áo hai vạt đối xứng, vạt áo để buông thẳng không thắt hay buộc, tay áo có thể rộng hoặc hẹp; chiều dài của áo cũng khá đa dạng, có loại đến trên đầu gối, có loại đến ngang bụng, có loại qua đầu gối, có loại đến mắt cá chân; hai bên hông có đường xẻ dài tới thắt lưng hoặc lên tới nách, hoặc có loại không xẻ.

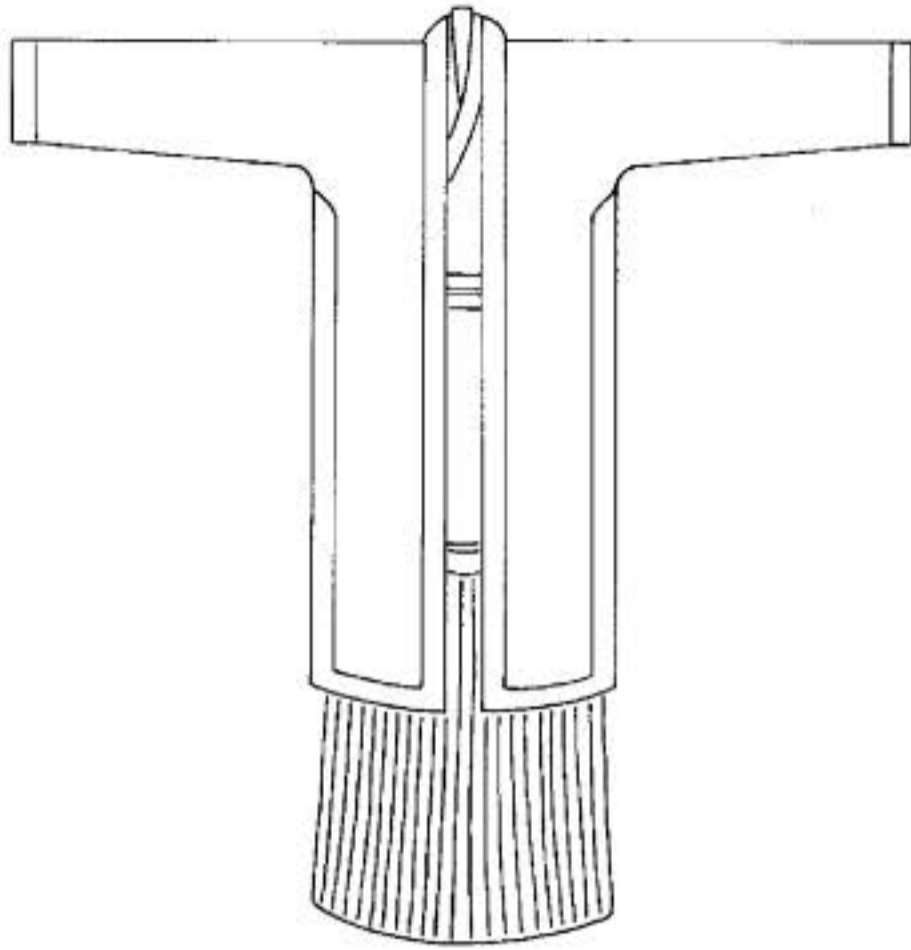
Trong cùng một thời kì, “bối tử” không phân biệt già trẻ gái trai, giàu nghèo sang hèn đều được ưa dùng, đây quả thực là một điều rất lạ. Trong bức tranh “Dao đài bộ nguyệt đồ” vẽ hình cô gái mặc “bối tử” tao nhã thanh cao; trên bức bích họa trong mộ Bạch Sa Tống ở huyện Vũ tỉnh Hà Nam và trên những bức tượng đất trong các ngôi đền ở Tấn Sơn Tây cũng đều vẽ hình những cô gái mặc “bối tử”.

Đàn ông thời Tống thường mặc “bối tử” khi ở nhà. Đó là kiểu hai vạt buông xuôi, áo có loại rộng có loại hẹp có loại dài có loại ngắn song thân áo đều được may suôn thẳng nên khi mặc tạo cảm giác thoải mái. Trong bức “Điệu cầm đồ” tương truyền do Tống Huy Tôn Triệu Cô (1082 – 1135) tự họa, cho thấy hình ảnh hoàng đế mặc một bộ “bối tử” sẫm màu. Cùng một nhân vật nổi tiếng trong truyền thuyết Phật giáo, trong tranh thời nhà Đường thì vẽ mặc áo dài cổ tròn, nhưng đến thời nhà Tống thì lại vẽ mặc “bối tử”.

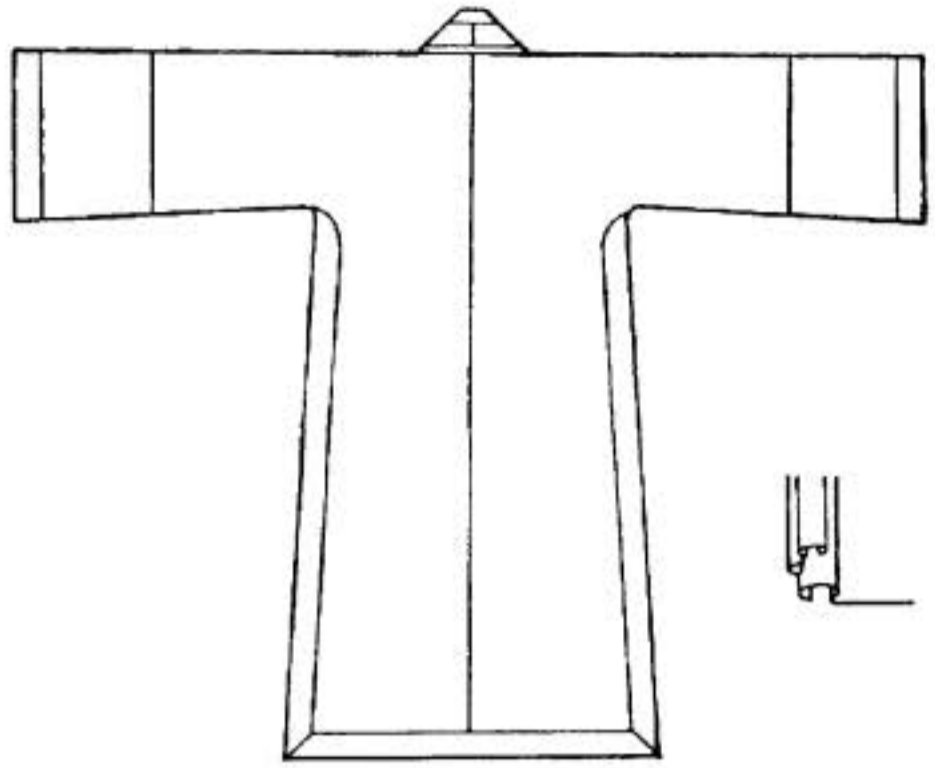


Hình cô gái thời Tống mặc “bối tử” cổ đứng, hai vạt đối xứng. (Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

Giới thiệu sơ lược trang phục và đồ trang sức thời cổ đại



Mặt trước của "bối tử" (Hoa Mai vè)



Mặt sau của "bối tử" (Tạng Nghênh Xuân vè)



Hiện vật được khai quật là bối tử của Nam giới
(Hình: Kim Bảo Nguyên)

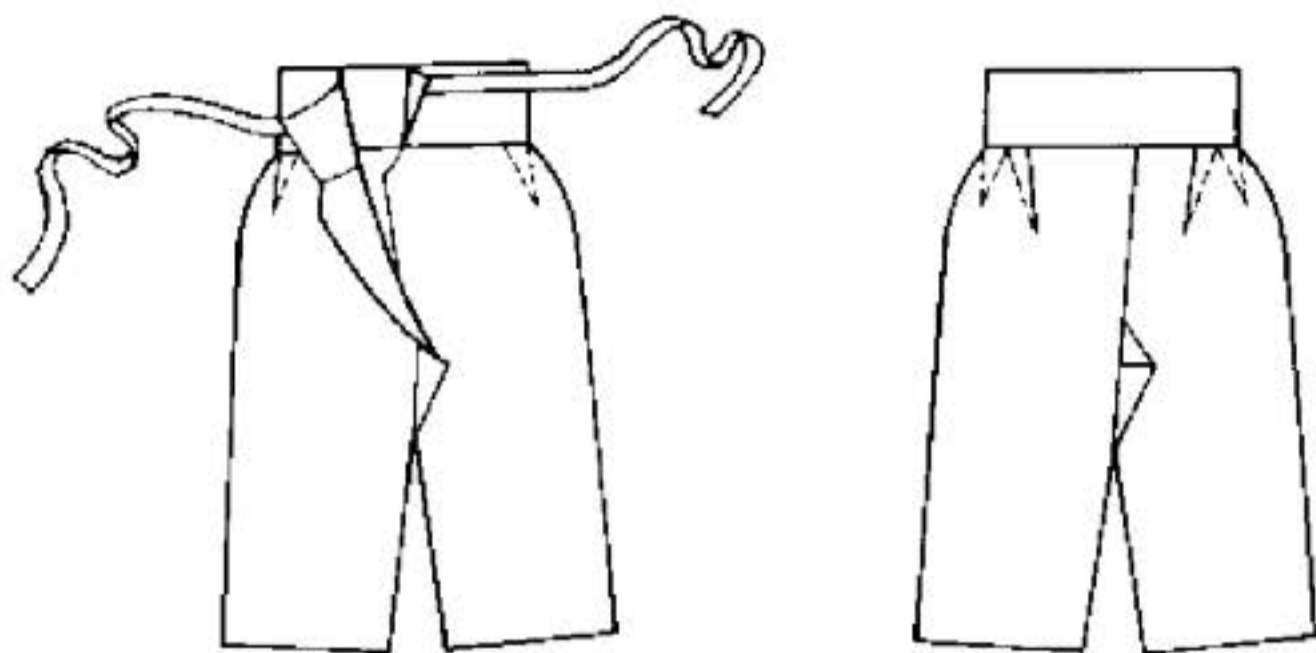




Bức tranh “Thính cảm đồ”(nghe đàn) do Huy Tông Triệu Cô vẽ. Trong tranh người gảy đàn chính mặc bối tử, có thể thấy đây là loại trang phục phổ biến.

Tuy kiểu trang phục thời Tống không chú trọng phân biệt giới tính, địa vị, nhưng chủ yếu chỉ tập trung ở tầng lớp trung lưu và thượng lưu, còn những người lao động chân tay vẫn mặc áo ngắn quần ngắn. “Bối tử” được ưa chuộng rộng rãi. Có thể nói “bối tử” có quan hệ mật thiết với văn hóa thời Tống. Về mặt tạo hình, trang phục này có kiểu dáng thẳng đứng, khiến cho ta có cảm giác người mặc bị quấn tròn như chiếc ống, không có đường gấp, khác biệt so với trang phục tay rộng cổ trễ thời Đường. Nếu so sánh giữa hai thời kì sẽ thấy, trang phục thời Đường cầu kì lộng lẫy, còn trang phục thời Tống kín đáo đơn giản. Yếu tố trang phục đã thể hiện tư tưởng xã hội thời Tống – nhấn mạnh trật tự luân lí làm người một cách nghiêm ngặt, ví dụ như quan hệ phục tùng và tôn sùng tuyệt đối giữa vua và tôi, giữa cha và con, giữa vợ và chồng, những ham muốn cá nhân đều bị cấm, trên thực tế, đó là cách nội hóa để tìm kiếm không gian tinh thần sâu xa hơn.

Cũng chính vì lẽ đó mà tinh thần mĩ học cổ điển Trung Quốc cho đến thời nhà Tống đã đạt đến đỉnh cao – trong kiến trúc chú trọng kiểu tường trắng ngói



Kiểu quần nữ thời Tống (trước và sau) vẽ theo hiện vật khảo cổ tìm thấy trong mộ ở Phúc Châu Hoàng (Trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn)



Trang phục ở nhà của phụ nữ thời Tống (Trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn)





Trang phục “thủy điển” của phụ nữ thời nhà Minh (Chu Tấn vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

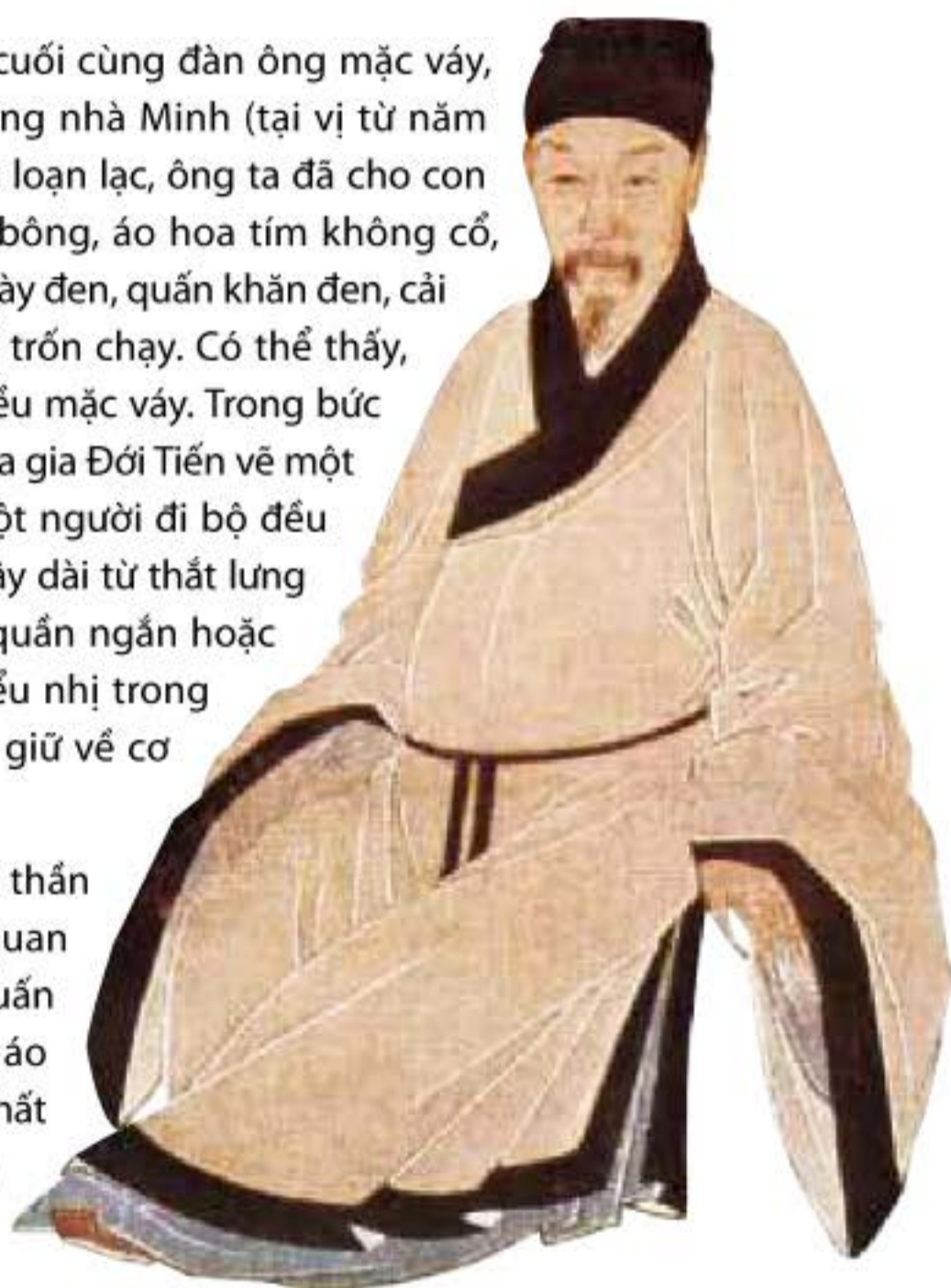
đen, trong sản xuất đồ gốm chú trọng kiểu gốm một màu đơn giản, trong hội họa chú trọng tranh phong cảnh thủy mặc mang phong cách chấm phá truyền thần. Ngay cả việc thưởng hoa cũng chỉ chú trọng đến mai, lan, trúc, cúc v.v... những loài tượng trưng cho phẩm chất cao quý của con người. Kiểu trang phục thời Tống đơn giản, phong cách lịch sự, người thời đó chỉ có nhu cầu ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, không chú trọng theo đuổi cái mới, để tránh bị lạc lõng với thời thế. Nhìn chung, trang phục thời Tống truyền tải vẻ đẹp đơn giản mà tinh tế.

Triều đại đàn ông mặc váy cuối cùng trong lịch sử

Triều đại nhà Minh là thời kì hưng thịnh tranh chân dung. Trong các tác phẩm truyền thần chân thực của những người thợ vẽ đã khắc họa chi tiết kiểu dáng trang phục của thời đó.

Thời nhà Minh là triều đại cuối cùng đàn ông mặc váy, Sùng Trinh vị hoàng đế cuối cùng nhà Minh (tại vị từ năm 1628 – 1644) trong lúc nước nhà loạn lạc, ông ta đã cho con trai mình mặc áo cánh đen vải bông, áo hoa tím không cổ, quần trắng, váy xanh, tất trắng, giày đen, quần khăn đen, cải trang giống như dân thường để trốn chạy. Có thể thấy, thời đó những người đàn ông đều mặc váy. Trong bức tranh “Thái bình lạc sự đồ” của họa gia Đới Tiến vẽ một người nông dân cưỡi trâu và một người đi bộ đều mặc váy ngắn, đó là kiểu váy quây dài từ thắt lưng xuống đầu gối. Bên trong mặc quần ngắn hoặc dài. Trang phục của nhân vật tiểu nhị trong kinh kịch ngày nay vẫn còn lưu giữ về cơ bản kiểu dáng trang phục này.

Trong các tác phẩm truyền thần thường thấy nhất là hình ảnh quan viên và nhân sĩ, đa số họ đều quần khăn vuông hoặc đội mũ, mặc áo dài rộng, có người còn cầm cây phất trần. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy trong mộ nhà Minh ở phía



Trang phục người thời Minh (Nguồn: Hoa Mai)





Phục sức Trung Quốc

tây Dương Châu một bộ trang phục nhân sĩ, bao gồm chiếc mũ kiểu chóp rủ dài xuống, áo khoác ngoài vạt lớn tay rộng cổ tròn có đường viền sẫm màu và đôi boots cao cổ. Thời nay có thể thấy những kiểu trang phục tương tự như vậy trên sân khấu kịch chèo và trong các vở kịch. Kiểu trang phục của các nhân vật nho nhã trong kịch đều có khởi nguồn từ hình ảnh các nho sinh thời Minh.

Trang phục phụ nữ đặc trưng nhất thời nhà Minh là kiểu áo sát nách, áo dài qua đầu gối hoặc dài bằng váy, thời đó gọi là “tì giáp”, ngoài ra trên mặt vải còn thêu hoặc in hoa, cổ áo được viền chỉ màu, phần vạt áo đối xứng được điểm xuyết bằng ngọc bội, trông rất tinh tế và trang nhã. Hình ảnh phụ nữ thời nhà Minh mặc “tì giáp” thường được thấy trên các bức tranh mỹ nữ. Thời đó quan niệm người con gái đẹp phải có thân hình mảnh mai, nên kiểu “tì giáp” rất phù hợp, nó tạo cho người mặc cảm giác thon thả mềm mại hơn. Những cô gái con nhà thường dân thời đó thường mặc áo vải thô hoa tím, chỉ được may áo khoác ngoài màu tím, xanh, hồng, không được thêu màu vàng, không được nhuộm đỏ thắm, đen và vàng, vì nếu làm như vậy là mạo phạm đến vương quyền.

So với trang phục thời Đường thì trang phục phụ nữ thời Minh không tinh tế bằng, thực tế còn có phần hơi đơn điệu, song không thô cứng như trang phục nữ thời Tống. Các cô gái thời Minh mặc trang phục không phóng khoáng tự do

như những cô gái thời Đường, họ mặc khá đơn giản, trang nhã với áo tay hẹp hoặc áo tay rộng kết hợp với váy dài có in nhiều loại hình khác nhau, phù hợp với nhiều dáng người, dây lưng thường được tết hình cánh bướm, hai đầu dây thả dài qua đầu gối. Thông thường, cạnh dây lưng bên phải có buộc thêm một chùm dải lụa, ở giữa kết hình cánh bướm hoặc bát bảo. Giữa hình tết có gắn miếng bội ngọc, có người còn khoác thêm dải lụa trên cánh tay, những cô gái trẻ thì thường cài trâm trên đầu. Nhìn tổng thể có thể thấy họ rất cầu kì nhưng không xa hoa rườm rà, mà rất tinh tế, trang nhã.

Về chính thể, trang phục thời Minh khá giống với trang phục thời Tống, chỉ khác ở chỗ, các cung nữ, a hoàn trẻ tuổi thường mặc thêm một loại váy nhỏ và ngắn, có lẽ là mặc như vậy để tiện làm việc hoặc đi lại hoạt động. Do mặc thêm một lớp váy này bên ngoài nên trang phục cũng dày thêm. Chúng ta có thể thấy trên các bức tranh thời Minh, hình ảnh những cô gái mặc váy rủ xuống mềm mại với những nếp gấp tự nhiên, khi cử



Áo yếm thời Minh (Cao Xuân Minh vẽ, trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc”)



Tranh thanh niên đi chơi tết ở Dương Liễu Thiên Tân mặc những bộ trang phục nam giới thời nhà Minh. (Nguồn: Vương Thụ Thôn)

[Tập tục ngồi quỳ] Thời xưa thường ngồi theo kiểu quỳ hai đầu gối trên chiếu, mông dè lên hai gót chân. Nếu như muốn đáp lễ người đối diện, chỉ cần gập thẳng người xuống, mông hơi nhích lên hoặc đặt úp bàn tay xuống chiếu, khi đó mông vẫn dè lên gót chân. Nếu ngồi trên chiếu thì không được duỗi hai chân ra, làm như thế sẽ bị cho là thất lễ. Sự hình thành tập tục này được cho là ít liên quan đến trang phục.

động càng thướt tha uyển chuyển, khi kết hợp với các kiểu tóc tết thì trông sẽ càng thanh tú xinh đẹp hơn.

Trang phục nữ thời Minh với phong cách thanh tao tinh tế, không chỉ kế thừa những tinh hoa của trang phục thời Đường, mà còn kết hợp khéo léo những nét đẹp của các loại trang phục nữ thời cổ đại Trung Quốc. Cũng chính vì lẽ đó mà từ thời nhà Minh cho đến ngày nay, những kiểu trang phục không xác định được nguồn gốc như “trang phục nữ thời cổ đại”, “trang phục nữ trong thần thoại” đã xuất hiện vào thời đại nào đều được mọi người gọi là trang phục thời nhà Minh.

Hí khúc và tiểu thuyết thời nhà Minh phát triển rực rỡ đã kéo theo sự phát triển của phường in ấn, hiệu sách, trào lưu vẽ khắc tranh trên gỗ cũng nở rộ, nhờ thế mà nhiều hình ảnh trang phục bình dân muôn màu muôn vẻ thời đó đã được ghi lại, như trang phục của nhân sĩ, thực nữ, a hoàn, bà lão, vũ nữ, thôn nữ, phu xe, ăn mày, ngư ông, nông dân, thương nhân v.v... Ngoài ra còn có những vị hảo hán rừng xanh, trẻ chăn trâu. Tuy những câu chuyện trong tranh không phải đều xảy ra ở thời nhà Minh, nhưng do những người thợ thời đó khắc lại nên không thể tránh khỏi việc trang phục các nhân vật trong tranh chịu ảnh hưởng của trang phục thời kì đó.





Phục sức Trung Quốc

Trang phục người Minh mặc và hình ảnh trong tranh vẽ thời nhà Minh có quan hệ mật thiết với nhau, tranh vẽ ghi lại kiểu dáng trang phục, còn trang phục giúp cho hình ảnh trong tranh phong phú hơn.

Trang phục kết hợp Mãn Hán

Ngày nay khi nhắc đến trang phục thời nhà Thanh, hình ảnh đầu tiên mà mọi người nghĩ đến là áo khoác của nam giới và váy của nữ giới - mới đầu những trang phục này đều rất rộng, nhưng sau này dần dần được thu gọn lại, bên ngoài còn khoác thêm áo sát nách. Thực ra, trang phục này chưa đủ để đại diện cho phục sức của triều đại nhà Thanh với hơn 200 năm lịch sử.

Sau khi triều đại nhà Thanh do người Mãn từ Đông Bắc giành chính quyền lập nên, họ đã nắm giữ triều chính nên môi trường sinh hoạt và phương thức sản xuất đều có thay đổi lớn. Trang phục truyền thống của người Mãn cũng khác biệt so với trang phục người Hán. Vì muốn xóa bỏ hoàn toàn ý thức dân tộc của người Hán nên người Mãn đã nghiêm cấm người Hán mặc áo truyền thống của họ, ép buộc người Hán từ bỏ áo cánh, váy, quần v.v... và phải mặc áo khoác không cổ và quần dài của người Mãn. Trong đó, điều khiến người Hán phản cảm nhất là tục cạo trọc nửa đầu phía trước và nửa phía sau để tóc dài tết đuôi sam của người Mãn. Nhiều người Hán đã bị giết chết do họ vẫn duy trì tập tục từ thời nhà Minh, đó là tục quấn khăn vuông và không cạo tóc. Điều đó đã gây nên sự phẫn nộ đối với người Hán, có nơi đã xảy ra bạo loạn; có người còn phản đối bằng cách cạo trọc tóc làm hòa thượng, có người tuy cạo tóc nhưng vẽ hình khăn vuông thời nhà Minh trên đầu để tỏ lòng nhớ về triều đình trước, có người đặt tên "thủ phát" (giữ tóc), "thủ phát" (tóc trên đầu), dùng cách chơi chữ để tỏ ý không phục. Trước tình hình phản đối dữ dội của nhân dân như vậy, triều đình nhà Thanh phải đưa ra các chính sách thỏa hiệp như đàn ông, quan viên, thanh niên, nho sinh, kĩ nữ phải mặc trang phục người Mãn; còn phụ nữ, trẻ nhỏ, nha dịch, hòa thượng, đạo sĩ và những người tham gia các buổi diễn kịch, ma chay, cưới xin đều có thể mặc



Phụ nữ dân tộc Mãn không mặc váy mà mặc áo khoác, loại áo khoác này là trang phục mặc hàng ngày phổ biến nhất của họ. (Chu Tấn vẽ, trong cuốn "Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc" của Cao Xuân Minh)

trang phục người Hán, nhờ đó đã tháo bỏ được mâu thuẫn do văn hóa khác biệt gây ra. Đến giữa thời nhà Thanh, kiểu tóc, trang phục và giày của phụ nữ Hán và phụ nữ Mãn đã có sự khác biệt rõ rệt.

Phụ nữ người Mãn không mặc váy mà thường mặc áo bào trong sinh hoạt hàng ngày, áo bào được mặc kết hợp với quần dài. Những người phụ nữ quý tộc thường mặc áo bào có tay áo hình móng ngựa và đeo vô số các phụ kiện khác vào những buổi lễ long trọng. Áo bào bao gồm loại áo lót mặc trong và áo khoác bên ngoài. Áo lót mặc bên trong có cổ tròn, khuy cài về bên phải, thân áo thẳng



Áo cánh có đường viền cổ và thêu hình mây uốn lượn trên vai
(Ảnh: Kim Bảo Nguyên)

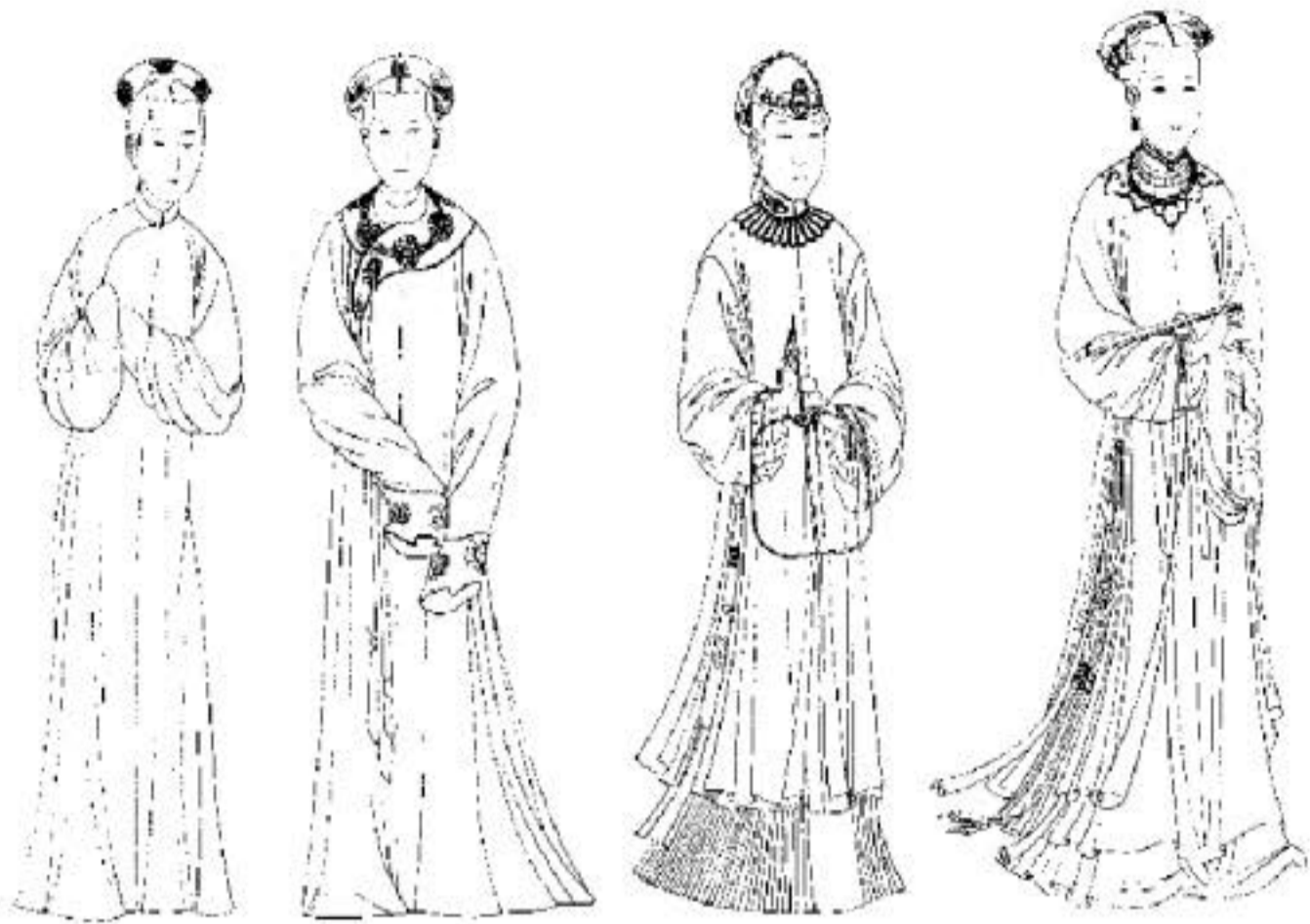


Váy thời nhà Thanh (Ảnh: Chu Tố Di)





Phục sức Trung Quốc



Trang phục khác nhau của các cô gái trong cung thời đầu nhà Thanh. Hai người bên trái mặc qipao, hai người bên phải mặc váy dài bên ngoài khoác thêm áo dài sát nách. (Trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn).










dài chùm kín chân, trên vạt áo có năm khuy. Loại áo này chia làm hai loại gồm áo có tay và áo không tay. Áo lót thường được may bằng vải nhung, vải dệt hoa, vải lụa, ngoài ra còn có các phụ kiện trang trí thêm ở quanh thân áo. Áo khoác có hai đường xẻ dài hai bên từ eo xuống, phía trên trang trí hình mây uốn lượn, đường viền được khảm và thêu hoa văn tinh xảo. Áo khoác được mặc trong các nghi lễ chính thức. Do kiểu áo này không có cổ, nên khi mặc thường phải quấn thêm chiếc khăn nhỏ. Ban đầu áo khoác được may khá rộng, sau này thu gọn lại. Đến cuối thời nhà Thanh, phần nách áo không còn thấy rõ, về cơ bản áo có hình dáng vuông thẳng, cổ áo, tay áo và vạt áo đều có viền hoa rộng, độ dài áo không thay đổi.



Qipao cuối thời nhà Thanh. (Ảnh: Chu Tố Di)

Kiểu thoa son của phụ nữ qua các thời đại

(Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

Hán	
Nguy	
Đường	
Đường	
Đường	
Tống	
Minh	
Thanh	
Thanh	

Phụ nữ Mãn thường quấn tóc thành hình hai sừng nhọn, hay còn gọi là “tóc hai búi”. Trên tóc thường cài bông hoa tươi lớn, có người còn cài bông tua rủ xuống, trông rất đẹp và độc đáo. Phụ nữ Mãn không có tục bó chân, họ đi loại giày khác đặc biệt, đế giày bằng gỗ được đóng ở giữa, đế cao khoảng 3 - 4cm đến 15cm, có loại “đế hình chậu hoa” và loại “đế hình móng ngựa”.

Vào đầu thời nhà Thanh, phụ nữ Hán vẫn giữ truyền thống mặc áo cánh và váy, bên trong mặc quần dài. Những người có địa vị thấp chỉ mặc áo và quần, bên ngoài không mặc váy dài. Thông thường, người thời đó mặc trang phục rườm rà với nhiều lớp, bên trong mặc yếm, áo lót, bên ngoài mặc áo cánh, áo sát nách, và áo khoác v.v... Áo yếm được đeo bằng dây chuyền bạc, dùng để che ngực. Áo lót may bằng lụa hoặc vải mềm, có màu phấn hồng, màu hồng đào, màu xanh v.v... Áo cánh mặc khi mát trời. Những người có tiền thì thường mặc thêm áo khoác có thêu chỉ ngũ sắc xen lẫn những đường kim tuyến, ngoài ra còn gắn thêm những viên đá quý.





Hình ảnh người phụ nữ dân tộc Hán mặc áo bào không tay thời nhà Thanh.
(Tranh gỗ ở Dương Liễu Thanh Thiên Tân, Vương Thụ Thôn sưu tầm)

Váy của phụ nữ dân tộc Hán có kiểu dáng đa dạng, màu sắc phong phú. Đầu thời nhà Thanh từng nở rộ trào lưu “váy nguyệt hoa”, loại váy này có kiểu dùng tới 10 tấm vải xếp tròn lại thành 10 đường gấp với 10 màu khác nhau, trên vải vẽ hoa văn tinh tế, màu sắc nhã nhặn, có kiểu xếp xen kẽ 5 màu vải khác nhau, chân váy xòe tròn trông giống như vầng trăng đang tỏa sáng. Ngoài ra còn thịnh hành kiểu “váy đen” có vẽ hoa màu đen nhỏ trên nền vải sáng màu, trông rất tinh tế. Từ thời Khang Hy đến thời Càn Long còn thịnh hành kiểu váy đuôi phượng, trên váy đính những dải lụa nhỏ dài nhiều màu sắc, mỗi dải lụa có hoa văn khác

nhau, hai bên mép dải lụa viền chỉ màu vàng hoặc đính đăng ten, trông rất sắc sỡ lộng lẫy. Loại váy này chủ yếu dành cho con gái nhà quyền quý, ngoài ra những gia đình dân thường cũng may váy cưới kiểu như vậy cho con gái. Từ giữa thời nhà Thanh trở về sau, dựa trên cơ sở ban đầu mọi người đã có nhiều ý tưởng sáng tạo nghệ thuật tạo ra kiểu váy nghệ thuật xếp li nhỏ, có những chiếc váy xếp tới 300 li. Trên thân váy thêu nhiều hoa văn, mỗi khi cử động, chiếc váy bỗng bồng bênh như sóng lượn trông rất đẹp. Sau này, ở giữa những nếp gấp được đính lại với nhau, giúp cho chiếc váy có thể xòe ra hoặc cụp vào, trông giống như vẩy cá, vì thế được gọi là “váy nàng tiên cá”. Cuối thời nhà Thanh, trên những chiếc váy kiểu này còn được đính thêm dây lụa, phần đầu dây nhỏ và nhọn dùng để buộc những chiếc chuông vàng, bạc hoặc đồng. Không những giúp cho chiếc váy càng trở nên lộng lẫy khác lạ, mà mỗi khi bước đi chuông sẽ tạo nên tiếng kêu leng keng.



Hình ảnh người phụ nữ Hán mặc trang phục thời nhà Thanh (Tranh gỗ ở Dương Liễu Thiên Tân, Vương Thụ Thôn sưu tầm)

Thời kì này, phục nữ còn chuộng đeo “vân kiên”, đây là một món đồ trang sức rất đẹp dùng để khoác trên vai, nó có bốn góc hình mây uốn lượn ở phía trước và sau hai vai, trông giống như vật “như ý” – vật đem lại may mắn của Trung Quốc. Đường viền của “vân kiên” thường được trang trí thêm những dải tua rua. Món đồ trang sức này xuất hiện sớm nhất là vào thời nhà Đường, nhưng được sử dụng phổ biến nhất là vào thời nhà Thanh, nó không thể thiếu trong các dịp đại lễ hoặc trong lễ cưới thời đó.

Giữa thời nhà Thanh trở về sau, phụ nữ Mãn Hán thường mặc đồ khá giống nhau, dưới con mắt của những người phương Tây tới Trung Quốc khi đó thì trang phục của hai dân tộc giống nhau ở chỗ đó đều là những bộ trang phục rộng thùng thình được khoác lên những người phụ nữ phương Đông có thân hình nhỏ bé, vai xuôi, eo nhỏ, ngực phẳng.





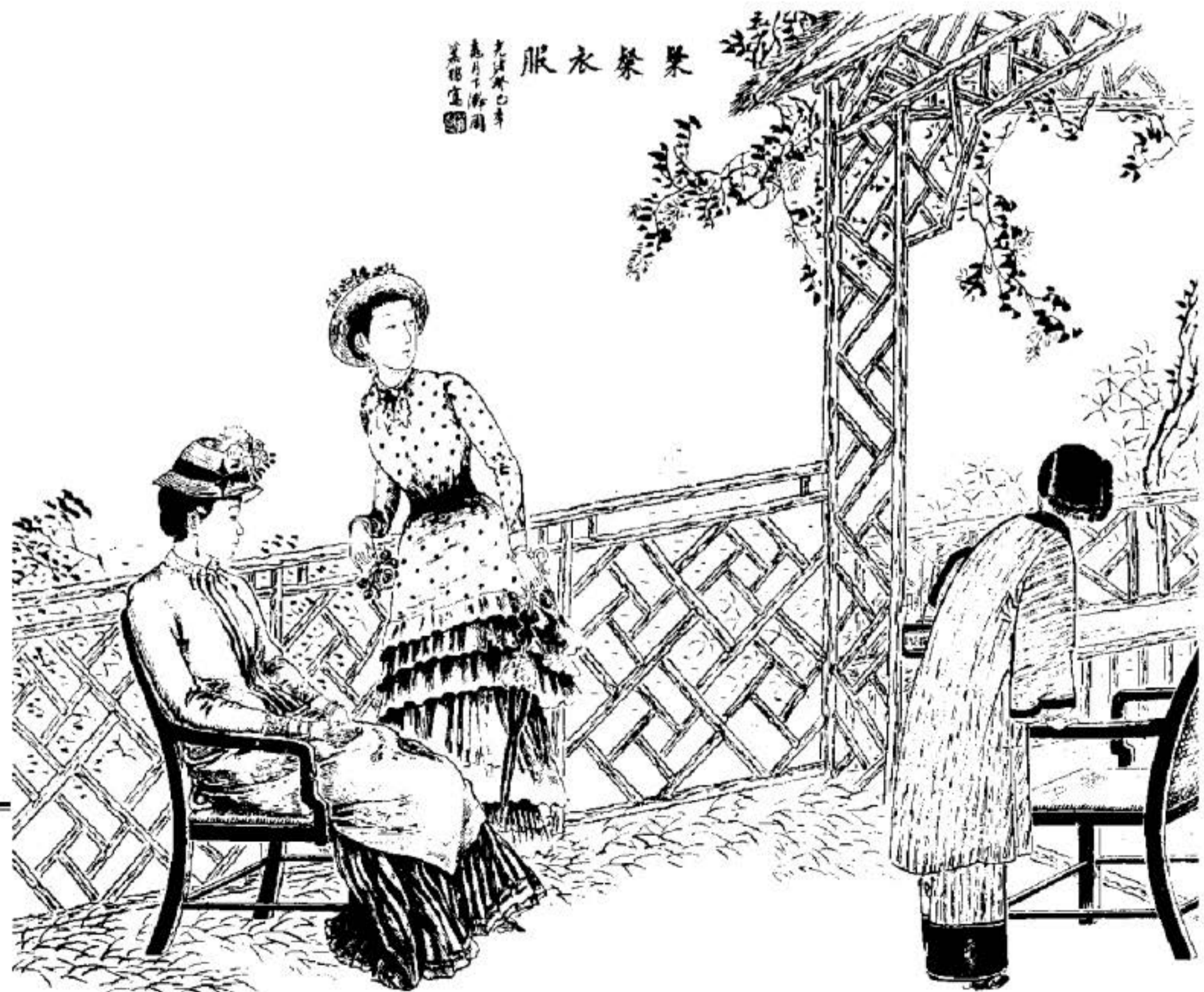
Phục sức Trung Quốc

Đầu thời nhà Thanh, phụ nữ Hán để kiểu tóc búi thấp sát xuống dưới, trông khá giống với kiểu tóc thời nhà Minh. Giữa thời nhà Thanh, cung nữ rất chuộng kiểu tóc búi cao. Cuối thời nhà Thanh, kiểu tóc búi tròn sau gáy thịnh hành trở lại, còn những cô gái chưa chồng thường tết một bím dài sau lưng hoặc tết hai bím hoặc cuộn thành hai búi cao ở hai bên. Sau đó bắt đầu xuất hiện kiểu tóc để mái bằng trước trán, điều đặc biệt là già trẻ, thiếu nữ, thiếu phụ đều có thể để kiểu tóc này.

Phụ nữ Hán rất thích cài hoa trên đầu, phổ biến nhất là hoa tươi và lông chim bó cá. Mùa đông, nhất là vào dịp tết truyền thống của người Trung Quốc,

Cuối thế kỉ XIX, một số tiểu thư con nhà quan đi du học ở phương Tây, khi trở về họ mang theo phong cách thời trang Âu Mỹ.
(Ngô Hựu Như vẽ "trang phục dự tiệc")

光緒二十六年
歲次丁未
吳錫寧
服衣祭樂





Bên phải là thường dân mặc trang phục truyền thống thời nhà Thanh, bên trái là người đàn ông đội mũ phớt phương Tây – hình ảnh “con người theo trào lưu mới” chịu ảnh hưởng văn minh phương Tây vào cuối thời nhà Thanh. (Tranh vẽ thanh niên ở Dương Liễu Thiên Tân, Vương Thụ Thôn sưu tầm)

[Mũ thời nhà Thanh]

Thời nhà Thanh có quy định đội các loại mũ khác nhau trong những buổi lễ tế, thiết triều, lễ tiệc v.v... Các kiểu mũ đều được chia thành hai loại: mũ mùa đông và mũ mùa hè. Mũ mùa đông có hình tròn, được làm từ lông chồn, da rái cá, da cáo v.v... vành mũ được gập lên. Mũ mùa hè có chóp nhọn, được đan từ tre trúc, cối, hoặc mây v.v... bên ngoài có màu trắng, hoặc xanh nhạt hoặc vàng. Các loại mũ dùng khi tế lễ, thiết triều hoặc trong ngày thường khác nhau ở chóp mũ: loại thứ nhất có ba tầng chóp mũ, tầng trên cùng gắn đá nhọn, giữa gắn ngọc, đệm ở dưới cùng là miếng kim loại. Loại thứ hai đơn giản hơn, chỉ có viên ngọc và miếng kim loại. Loại thứ ba, trên chóp mũ gắn một hình tròn được tết từ sợi len đỏ.

phụ nữ già trẻ đều thích cài hoa lụa màu đỏ hoặc màu hồng, những bông hoa này thường được làm theo một kiểu nhất định, đây là vật mang lại may mắn. Phụ nữ phương Bắc thích cài hai chiếc trâm bạc trên búi tóc, mùa đông họ thích đội mũ da hoặc mũ lông để chống lạnh và trang trí. Phụ nữ phương Nam thì thích cài lược gỗ có hoa văn tinh tế, họ thường đội khăn tránh nắng hoặc tránh gió, mùa đông họ dùng khăn len hoặc khăn lụa màu đen quấn quanh đầu và buộc lại sau gáy để giữ ấm.

Các cô bé người dân tộc Hán tầm 4, 5 tuổi bắt đầu bị bó chân. Ngoài những người phụ nữ lao động nặng nhọc ra, con gái nhà quyền quý mà có chân to sẽ rất khó lấy chồng. Hủ tục bó chân bắt nguồn từ thời nhà Hán, và kéo dài mãi về sau này, người xưa cho rằng người con gái đẹp thì phải có đôi bàn chân thon nhỏ. Cho đến cuối thời nhà Thanh, do phong trào những người trí





Phục sức Trung Quốc

thức ở khắp mọi nơi đấu tranh giành quyền bình đẳng cho nữ giới, giải phóng phụ nữ và thành lập “Hội những người không bó chân”, vì thế mà đôi chân của người phụ nữ mới dần dần được giải phóng.

Có thể do người Mãn từ lâu đã quen với cuộc sống du mục, nên những người Mãn thời nhà Thanh đều thích mang trên người những vật dụng hàng ngày, đàn ông thường đeo trên dây lưng những thứ như hộp đựng kính, quạt, hộp thuốc lá hoặc tẩu thuốc, đá mối lửa, túi tiền, túi thơm, dao nhỏ v.v... còn phụ nữ không chỉ thích đeo dây lưng mà còn trang trí trên vạt áo những món đồ như kẹp, nhíp v.v... nhiều đến hơn chục món. Ngoài ra còn cài thêm hoa tươi hoặc khăn tay. Không chỉ có vậy, những món đồ trang sức khác cũng rất phong phú, ví dụ như hoa tai, vòng tay, vòng cổ, nhẫn v.v., kể cả những người nghèo cũng mang đồ trang sức bằng bạc.

QUAN PHỤC TRONG TRIỀU





[Mũ miện]

Mũ miện là các loại mũ dùng trong nghi lễ của hoàng đế, chư hầu, khanh thần và đại thần. Trong tất các loại mũ đó thì kiểu quan là trang trọng nhất, chỉ dùng khi tế lễ trang trọng. Thời Đông Hán có quy định rõ ràng về mũ miện, và được duy trì cho đến khi triều Minh diệt vong mới bị hủy bỏ.



Long bào Hoàng đế

Trong lịch sử Trung Quốc có lưu truyền câu chuyện “Hoàng bào gia thân”, truyền rằng vào năm 959, có một vị vua băng hà, sau đó con trai còn nhỏ của ông lên kế vị, đến năm thứ hai, tướng Triệu Khuông Dận là người nắm quyền binh đã được thuộc hạ khoác hoàng bào và tôn xưng làm hoàng đế, lập nên nước Tống. Vì sao “hoàng bào” lại tượng trưng cho quyền lực của hoàng đế? Điều này có lẽ được bắt nguồn từ thời nhà Hán.

Người Trung Quốc có quan niệm ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ tương sinh tương khắc với nhau. Màu trắng tượng trưng cho kim loại, màu xanh tượng trưng cho cây cối, màu đen tượng trưng cho nước, màu đỏ tượng trưng cho lửa, màu vàng tượng trưng cho đất. Thời nhà Chu trang phục màu đỏ tượng trưng cho địa vị cao nhất, nhà Tần (221 – 206 TCN) lại coi trọng trang phục màu đen, hoàng đế và quan quân đều mặc trang phục màu đen. Sau khi nhà Hán lật đổ nhà Tần, trang phục màu vàng dần dần được cho là màu cao sang, chỉ hoàng đế được mặc màu vàng. Đến thời nhà Đường, triều đình ban lệnh, chỉ trừ hoàng đế, còn tất cả quan quân quần thần đều không được mặc màu vàng. Từ đó, quy định này đã được duy trì cho đến triều đại cuối cùng của xã hội phong kiến Trung Quốc. Phổ Nghi (1906 – 1967) là vị vua cuối cùng thời nhà Thanh, năm ông 11 tuổi, có một lần nhìn thấy trong tay áo người em trai 8 tuổi có miếng lụa vàng liến túm lấy tay áo và hỏi: “Sao người dám mặc màu vàng?” có thể thấy điều đó giống như Hoàng đế bị giành mất quyền lực vậy.

Hoàng hậu thời kì Ngũ Đại mặc áo bào dài tay rộng, đội mũ hình chim phượng. (Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

Trong suy nghĩ của họ khi đó, màu vàng có nghĩa là quyền uy độc tôn thiên hạ.

Miến và long bào là những phục sức quan trọng của hoàng đế cổ đại Trung Quốc. Những phục sức này thể hiện phong cách thẩm mỹ đặc trưng của người Trung Quốc. Trong xã hội Trung Quốc cổ đại đều có quy định chặt chẽ, những người thuộc tầng lớp nào sẽ mặc trang phục của tầng lớp đó. Trong những nghi lễ quan trọng, hoàng đế thường đội "miễn".

Miến bao gồm mũ, thắt lưng và giày. Mũ là loại trên đỉnh có gắn một miếng gỗ gọi là "miễn bản", phía trước tròn, phía sau vuông, tượng trưng cho trời và đất, khi đội lên đầu, phía sau sẽ cao hơn một tấc nên hơi nghiêng về phía trước, ngụ ý hoàng đế luôn luôn trân trọng và tôn trọng thần dân. Phía trước và sau mũ đều có đính những chuỗi ngọc rủ xuống, thông thường trước và sau mỗi phía là 12 chuỗi, tùy theo từng nghi lễ có mức độ quan trọng khác nhau mà chia thành các loại mũ có 9, 7, 5 hoặc 3 chuỗi. Mỗi chuỗi xâu 9 hoặc 12 viên ngọc ngũ sắc, ngoài ra hai bên còn có hai dải lụa màu dài, phía dưới mỗi bên



Trang phục của Hoàng đế thời Hán (Cao Xuân Minh vẽ)



Trang phục của Hoàng đế thời Tống (Hoa Mai vẽ dựa theo bức "Lịch đại đế hậu đồ" (Hoàng đế, hoàng hậu các triều đại) còn lưu giữ ở điện Nam Huân)





Phục sức Trung Quốc

có đính một viên ngọc tròn, nhằm nhắc nhở quân vương cẩn trọng, điều này cũng giống như miễn bản đều có hàm ý chính trị. Sau khi đội mũ lên, phải cố định trên đầu bằng một cây trâm cài qua một lỗ nhỏ bên này xuyên qua búi tóc sang một lỗ nhỏ đối xứng.

Cách mặc trang phục của người Trung Quốc thể hiện sự phân biệt trời đất theo một trình tự cố định. Trang phục của hoàng đế thường là trên màu đen dưới màu hồng. Mũ có hai màu, phía trên tượng trưng bầu trời lúc bình minh, phía dưới tượng trưng mặt đất lúc hoàng hôn. Trên áo của hoàng đế thêu hình rồng uốn lượn, ngoài ra còn thêu 12 loại hoa văn tiêu biểu nhất như hình động vật, mặt trăng, mặt trời, trang phục của các chư hầu cũng có thể thêu những hình này nhưng khác nhau tùy theo cấp bậc và tính chất nghi lễ.

Dây lưng là phụ kiện thắt ngang lưng, đầu dây rủ xuống trước bụng, thường được gọi là "tế tất". Dây lưng có nguồn gốc từ thời con người đi săn bắt thú phải dùng dây che trước bụng và bộ phận sinh dục, sau này nó trở thành phụ kiện trang trí quan trọng. "Tế tất" của hoàng đế thường có màu ngọc.



Hoàng đế và hoàng hậu thời nhà Thanh (Viện bảo tàng Cố Cung Bắc Kinh "Tượng hoàng đế và hoàng hậu nhà Thanh")



Giày có nhiều kiểu loại, có loại giày vải lụa, đế gỗ hai tầng; có loại đế một tầng, giày mùa hè tết bằng sợi đay, giày mùa đông làm bằng da thú. Tùy thuộc vào quy định từng lễ nghi, mà hoàng đế sẽ đi giày có màu đỏ, trắng hay đen.

Trang phục của các vị hoàng đế Trung Quốc có đặc trưng là thêu rồng, thời Minh Thanh có quy định thêu áo bào 9 con rồng – trước và sau hai vai, trước và sau hai cánh tay thêu đối xứng tổng cộng 8 con rồng, sau đó thêu 1 con ở vạt trước tượng trưng cho uy quyền của hoàng đế.

Quá trình thay đổi quan phục

Qua trang phục có thể biết địa vị xã hội của mỗi người, đặc biệt là trong xã hội phong kiến có sự phân chia đẳng cấp rõ ràng, được thể hiện một cách rõ rệt nhất là hình ảnh rồng. Thời Trung Quốc cổ đại, chuẩn mực trang phục không chỉ thể hiện tập tục dân gian, mà còn là một phần quy định của nhà nước. Lịch sử các triều đại đều có những quy định cụ thể về kiểu dáng, hoa văn, màu sắc, chất liệu của trang phục, phân biệt rõ ràng trang phục của hoàng tộc, văn võ bá quan và dân thường, nếu vi phạm sẽ bị phạt nặng. Tuy quy định này cùng với

những cách hạn định trang phục của các tầng lớp xã hội và để cao địa vị quan lại nhằm giữ trật tự trong xã hội, nhưng về khách quan lại giúp trang phục Trung Quốc phong phú đa dạng hơn.



Khi nhắc đến quan phục thời cổ đại Trung Quốc, người người đều nghĩ đến hình ảnh viên quan huyện xấu xí đầu đội mũ cánh chuồn – trên người khoác áo cổ tròn, hai cánh chuồn trên mũ trông giống như hai cánh tiến vàng, lưng đeo dây ngọc, chân đi giày đen đế trắng. Thực ra, quan phục thời Trung Quốc cổ đại rất phong phú, mỗi triều đại đều có quy định riêng, thậm chí trong cùng một thời đại không chỉ có duy nhất một kiểu quan phục mà còn thay đổi nhiều kiểu dáng khác nhau.

Từ thời Đông Hán (25 – 220), áo bào được coi là áo thiết triều, trước đây quy định quan phục gồm áo và mũ. Quan văn thường đội mũ “tiến hiến”,

Tranh tết hình viên quan thời cổ đại đầu đội mũ cánh chuồn. (Vương Thụ Thôn sưu tầm)





Hình Nguyên Lại Triều (Nhật Bản). Qua đó có thể thấy trang phục của tầng lớp nhân sĩ thượng lưu của Nhật Bản thời phong kiến khá tương đồng với trang phục Trung Quốc.

dưới mũ có khăn vấn (một loại khăn vấn đầu); quan võ đội mũ “võ biện”, dưới mũ cũng có khăn vấn. Thời Tần Hán, đàn ông không phân biệt sang hèn đều quấn khăn trên đầu, chỉ khác ở chỗ quan thường quấn khăn và đội thêm mũ, còn thường dân không đội mũ. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, quan quân thường đội mũ lông, loại mũ này được tết từ những dây lụa màu đen, sau đó phết nước sơn cho lông mũ dựng cao song vẫn nhìn thấy thấp thoáng chóp mũ ở bên trong. Thời Hán, các loại mũ đều có hình dáng phía trước cao hơn phía sau. Sau này dần dần thay đổi, đến thời Ngụy Tấn, loại mũ “núi cao” chỉ dùng cho những người thấp hèn, về sau đỉnh mũ có dạng bằng hoặc phía

sau cao hơn phía trước, đến thời nhà Minh gần như không còn dấu vết của kiểu mũ thời nhà Hán.

Quan quân và binh sĩ thời Đường đều vấn khăn. Ban đầu chỉ dùng khăn quấn trên đầu nên trông khá thấp. Sau này ngoài khăn quấn còn đội thêm vật làm bằng gỗ trấu, dây đay, song mây, da thuộc v.v... trông giống như búi tóc giả được đội cố định bên ngoài khăn vấn. Từ giữa thời Đường về sau, dần dần hình thành mũ, nhưng vẫn gọi là “phộc tử”. Kiểu mũ này có vành tròn rộng, hai bên có gắn đôi cánh cứng và hơi vênh, phần tiếp giáp giữa thân mũ và cánh cong như dây cung nên có độ đàn hồi, loại mũ này còn có tên gọi “mũ vành cứng”.

Mũ cánh chuẩn thẳng là kiểu mũ đặc trưng độc nhất của quan thời nhà Tống, hai bên vành mũ có hai cánh chuẩn dài. Vì sao cánh chuẩn lại phải dài như vậy, có cách lí giải rằng dài như vậy để tránh việc các quan khi thiết triều thì thăm to nhỏ với nhau.

Mũ quan cánh chuẩn thời nhà Minh được biến tấu từ mũ thời Đường Tống, kiểu dáng hơi khác nhau ở chỗ ban đầu dùng khăn quấn, sau này định hình thành mũ. “Mũ cánh chuẩn” đã trở thành danh từ chỉ chức vị quan lại trong tiếng Hán. Kiểu dáng áo bào trong cung thời Đường, Tống và Minh thay đổi rất lớn, chức quan cao hay thấp thường được phân biệt dựa theo quy định màu áo rõ ràng, tuy qua mỗi thời đều có sự điều chỉnh nhưng vẫn duy trì đến

tận thời nhà Minh, sang thời nhà Thanh không tồn tại nữa.

Nữ hoàng đế Võ Tắc Thiên thời Đường từng ban tặng áo bào cho văn võ bá quan, áo quan văn thêu cẩm, áo quan võ thêu thú. Đến thời nhà Minh, áo bào cũng được mô phỏng theo, ban đầu vạt áo trước có gắn thêm ô vuông họa tiết để phân biệt chức quan cao hay thấp. Trang phục của quan thời Minh có cổ áo tròn, tay rộng một mét, màu áo chia 3 loại, quan nhất phẩm đến tứ phẩm mặc áo đỏ, quan ngũ phẩm đến thất phẩm mặc áo đen, quan bát phẩm cửu phẩm mặc áo xanh lục; những người chưa làm quan và dưới chức bát cửu phẩm mặc áo giống nhau. Các quan mặc thường phục có cổ tròn và thắt dây lưng. Những kiểu trang phục này ảnh hưởng trực tiếp đến tạo hình trang phục nhân vật quan lại trong Kinh kịch.



Khăn quần đầu thường được làm bằng vải lụa đen, từ trên xuống dưới là quá trình thay đổi từ khăn vải mềm chuyển sang kiểu mũ cứng, chủ yếu bao gồm ba bốn loại. (Nguồn: trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn)



Phục sức quan lại thời Đường. Kiểu áo mũ giày đều hơi khác nhau. (Nguồn: trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn)





Hình ô vuông họa tiết gắn trên áo của quan văn thời Minh, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới lần lượt như sau:

- Nhất phẩm hạc tiên
- Nhị phẩm gà cảnh
- Tam phẩm chim công
- Tứ phẩm chim nhạn
- Ngũ phẩm chim bạch nhàn
- Lục phẩm chim vạc
- Thất phẩm uyên ương
- Bát phẩm hoàng anh
- Cửu phẩm chim cú
- Tạp quan chim khách
- Phong kiến quan hải trãi



Trang phục quan văn nhất phẩm thời Minh.
(Cao Xuân Minh vẽ)

Ở vương họa tiết gắn trên áo của quan võ thời Minh, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới lần lượt như sau:

- Nhất phẩm sư tử
- Nhị phẩm sư tử
- Tam phẩm hổ
- Tứ phẩm báo
- Ngũ phẩm gấu đen
- Lục phẩm beo
- Thất phẩm beo
- Bát phẩm tê giác
- Cửu phẩm hải mã





Các kiểu mũ quan cổ đại điển hình. (Nguồn: trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc” của Thẩm Thung Văn)

Đối với những vị hoàng đế thời kì đầu nhà Thanh đặc biệt coi trọng lễ nghi triều đình, trang phục của bá quan thể hiện địa vị rất quan trọng. Đây là thời kì có nhiều quy định về trang phục nhất trong lịch sử Trung Quốc, tất cả màu sắc, hoa văn và kiểu dáng đều được đưa vào quy định nghiêm ngặt và có hình vẽ kèm theo, đòi hỏi con cháu hậu thế cũng phải “duy trì mãi mãi”. Trang phục trong cung thời Thanh rất chú trọng đến đường nét hoa văn thêu tỉ mỉ trên áo và những đồ trang sức đồng bộ đi kèm.

Áo khoác và áo tay móng ngựa là điểm nhấn chủ yếu của trang phục trong cung nhà Thanh, trang phục thiết triều và trang phục thường ngày đều trực tiếp chịu ảnh hưởng từ trang phục của thời nhà Minh trước đó – đó là trên áo đều có gắn ô vuông họa tiết, áo quan văn thêu các loài cầm, áo quan võ thêu các loài thú, hình các loài cầm thú khác nhau thể hiện chức quan cao thấp khác nhau, vị trí và quyền lực cũng khác nhau. Song khác với thời nhà Minh ở chỗ, bên ngoài ô vuông còn có viền đăng ten giúp cho họa tiết càng thêm nổi bật, ngoài ra trên hai vạt trước của áo khoác ngoài cũng được gắn thêm hai miếng ô vuông khác nhau. Mũ cánh chuồn thời nhà Minh đến thời nhà Thanh được đổi thành mũ cánh hoa, cấp bậc cao thấp được phân biệt bởi số lượng họa tiết trên lông chim công ít hay nhiều. Trang phục thiết triều và trang phục thường ngày của bá quan bao gồm áo lót, áo sát nách, áo khoác v.v... ba lớp trong và ba lớp ngoài, ngoài ra còn kèm theo các loại vòng hạt, dây lưng, dây lụa, túi thơm v.v., vòng hạt thường làm bằng mã não, san

hồ, ngọc thạch, gỗ đàn; dây lụa có màu vàng, xanh ngọc hoặc xanh thẫm; tất cả đều được quy định chi tiết cụ thể nhằm phân biệt cấp bậc cao thấp.

Trang phục của những người phụ nữ nhà quan cũng rất tinh tế, trên áo có các đường viền “tam tương tam cổn”, “ngũ tương ngũ cổn”, “thất tương thất cổn”, thậm chí có loại “thập bát tương thập bát cổn”. Ngoài đường viền còn thêu hoa và khảm ngọc nhiều màu trên cổ tay áo, đường viền chân váy, đường viền vạt áo. Những đường gấp khúc được khâu móc lại. Ngay cả tất và giày cũng được thêu dày đặc các loại hoa văn. Từ đó có thể thấy tư tưởng sống và đặc quyền đòi hỏi hưởng thụ của tầng lớp thống trị xã hội phong kiến Trung Quốc.

Tuy trang phục cổ đại Trung Quốc được chú trọng nhiều, nhưng thể hiện quyền lực rõ nhất lại là ô vuông họa tiết. Hoa văn trên ô vuông mang nhiều ý nghĩa thú vị, ô vuông trên áo quan văn thường thêu hoa văn động vật có trong thế giới hiện thực, như hạc tiên, gà cảnh, chim công, chim nhạn, chim bạch nhàn, hoàng anh, uyên ương v.v... hoặc thêu hoa văn động vật không có thực, như chim khách, hình dạng hơi giống uyên ương và chim công. Ô vuông trên áo quan võ cũng rất đa dạng, thường thêu các loài động vật có thực như sư tử, hổ, báo v.v... và cả những loài động vật không có thực, động vật khác nhau tượng trưng cho quyền lực khác nhau.



Viên quan thời nhà Minh, đầu đội mũ cánh chuồn, thắt đai ngọc, trên đai đeo thẻ bài ngà hoặc tua rua, trước ngực và sau lưng đều có miếng vải họa tiết giống với hình da trăn. (Nguồn: trong cuốn “Lịch sử phục sức cổ đại Trung Quốc” của Châu Dương Bảo)





Tranh tết miêu tả trang phục các bậc quan lại khác nhau trong triều đình nhà Thanh. (Vương Thụ Thôn sưu tầm)

Quân phục thời cổ đại

Trong thần thoại truyền thuyết Trung Quốc, “chiến thần” được Si Long phát minh (vào khoảng 5000 năm trước) chính là loại áo giáp mặc khi giao chiến. Đó cũng chính là thời kì các bộ lạc ở Trung Quốc liên kết thành lập nhà nước, xã hội biến động, chiến tranh liên miên. Áo giáp xuất hiện nhằm phục vụ chiến tranh. Trong thời kì xã hội thị tộc, công cụ phòng vệ được làm từ song mây và dây đay nhằm chống đỡ mũi tên và búa rừu của quân đối phương.

Ban đầu áo giáp được làm đơn giản, chỉ để che đầu, ngực v.v... sau này áo giáp chủ yếu bao gồm thân áo, tay áo và váy. Từ những cổ vật được khai quật cho thấy thời Yên Thương đã có mũ đồng; thời Chu đã có mũ đồng và áo giáp làm bằng da trâu hoặc da tê giác che trước ngực. Trên văn tự ghi chép còn lưu lại cho thấy, thời Chu đã



Áo giáp thời nhà Tống (Lý Lăng vẽ dựa theo “Tượng công thần Lăng Yên Cát”)

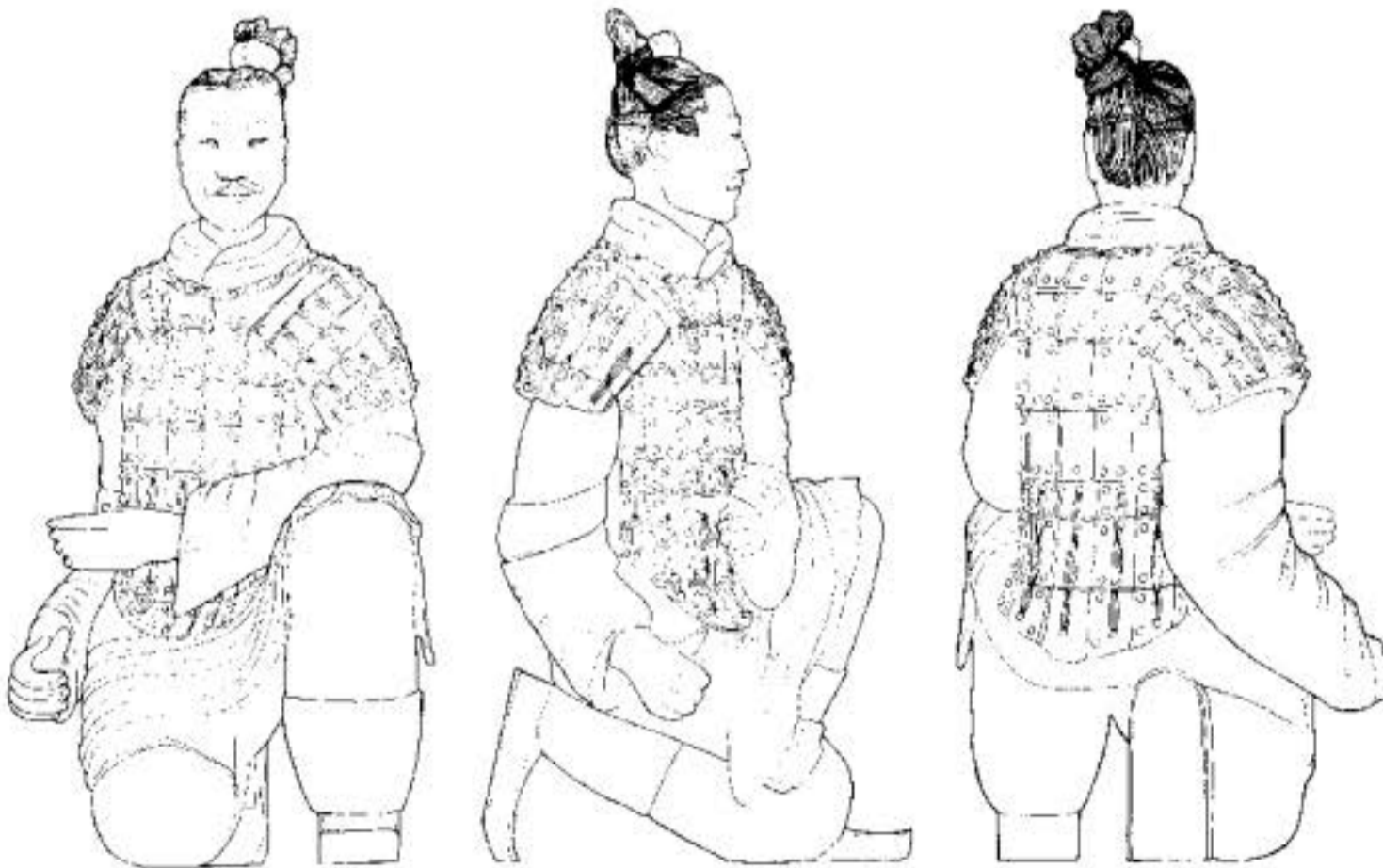


Áo giáp binh sĩ thời Tần. (Chu Tấn vẽ)

có viên quan chuyên phụ trách việc chế tạo áo giáp. Áo giáp thời kì này gồm bảy miếng kim loại bằng đồng ghép thành, trên áo được sơn màu trắng, đỏ, đen.v.v... Khi mặc áo giáp, thường phải mặc thêm áo khoác bên ngoài để thể hiện lễ nghi trang nghiêm trong quân đội, khi ra trận chỉ mặc áo giáp.

Thời Chiến Quốc các nước chư hầu tranh bá, xưng hùng, khoa học kĩ thuật và

văn hóa phát triển khá nhanh, kĩ thuật chế tạo đồ dùng quân sự cũng phát triển. Trong “Khảo công kí – Hàm nhân” – đã ghi lại chi tiết trình tự và kĩ thuật



Tượng lính bộ binh được khai quật trong hầm mộ tượng binh mã của lăng mộ Tần Thủy Hoàng.

(Nguồn: trong cuốn “Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc” của Thẩm Thung Văn)

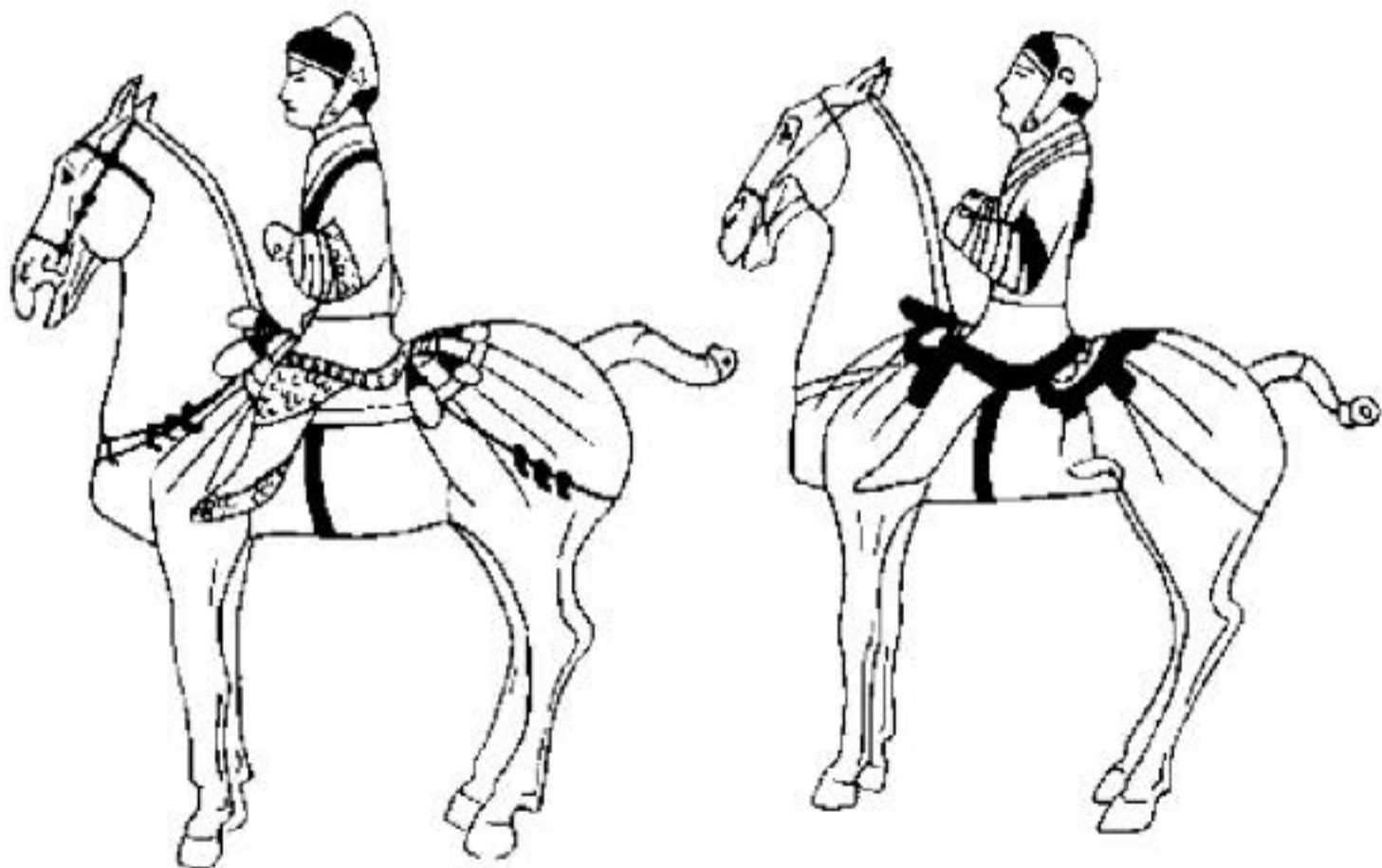




chế tạo áo da, kích thước, kiểu dáng và tỉ lệ, cho thấy các nước chư hầu thời đó đã rất coi trọng áo giáp. Từ những cổ vật khai quật được có thể thấy, áo giáp sắt ra đời từ giữa thời Chiến Quốc, đây là một loại áo giáp che ngực đơn giản được làm từ những miếng sắt luyện thành những sợi nhỏ mảnh như lá liễu và vảy cá, đồng thời còn xuất hiện loại mũ sắt đi kèm.

Dựa theo tư liệu cổ vật khai quật được ở hầm tượng binh mã trong lăng Tần Thủy Hoàng và áo giáp trong các hầm mộ có thể thấy, áo giáp và mũ làm bằng sắt thời Tần đã chiếm tỉ lệ đáng kể, ngoài ra còn dùng số lượng lớn áo giáp làm bằng da, cho thấy thời Tần là khoảng thời gian quá độ chuyển đổi chất liệu áo giáp từ thời Chiến Quốc sang thời nhà Hán, đây cũng là thời kì then chốt chuyển tiếp trong lịch sử phát triển áo giáp thời cổ đại Trung Quốc. Áo da chuyển thành áo sắt là do từ thời Chiến Quốc đến thời nhà Hán vũ khí bằng đồng được chuyển thành vũ khí sắt sắc nhọn.

Số lượng lớn tượng binh mã trong lăng Tần Thủy Hoàng là những tư liệu khá hoàn chỉnh về kiểu dáng áo giáp Trung Quốc. Tượng binh mã thời Tần bao gồm tượng bộ binh, quân bị, kị sĩ, xạ thủ v.v..., áo giáp trên người họ thể hiện chế độ cấp bậc nghiêm ngặt, quan quân và kị sĩ đội mũ, lính thường không đội mũ. Tuy không phải là đồ vật thật, nhưng những tượng đất được nặn rất chi tiết tinh xảo, nhờ đó có thể thấy rõ kết cấu của áo giáp. Trên tượng binh mã thường thấy nhất là kiểu áo giáp của lính thường có đặc điểm xếp lớp từ trên xuống dưới, trước bụng xếp lớp từ dưới lên trên, để dễ cử động. Từ



đường chính giữa bụng, các miếng sắt xếp lớp từ giữa sang hai bên, phần tay áo cũng tương tự như vậy. Những miếng sắt xếp quanh cổ áo, bụng và vai đều được xếp nối tiếp nhau, trên từng miếng đều có hai hoặc ba hoặc bốn móc sắt, nhiều nhất không quá sáu móc. Áo có chiều dài vạt trước và vạt sau bằng nhau, vạt dưới thường có hình tròn, không trang trí. Cho tới nay, tất cả những tư liệu áo giáp phát hiện được từ thời Tần đều có kiểu dáng giống nhau, thậm chí, những miếng sắt cùng vị trí trên áo cũng khá giống nhau, cho thấy kiểu dáng và kích thước áo giáp thời kì này có xu hướng thống nhất trong bối cảnh Tần Thủy Hoàng thống nhất đơn vị đo lường, đồng thời cũng cho thấy áo giáp không phải do dân thường mà là do quan phủ chế tạo.



Áo giáp tướng quân thời Hán. (Khâu Trấn Á vẽ, trong cuốn “Trang phục qua các thời đại lịch sử Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)





Phục sức Trung Quốc

Thời nhà Tần, áo giáp ngày càng được hoàn thiện hơn, sự thay đổi này hoàn toàn không ngẫu nhiên, mà do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, do thời đó chiến tranh giữa các nước liên miên giúp cho trình độ chế tạo và chất lượng áo giáp được nâng cao; thứ hai, áo giáp trải qua hơn 2000 năm phát triển từ cuối thời kì xã hội nguyên thủy cho tới thời nhà Tần, kĩ thuật chế tạo áo giáp da đã đạt đến trình độ tương đối hoàn thiện, và đã dần dần giảm bớt nhiều công đoạn so với áo giáp thời nhà Hán, thời nhà Tần có thể được coi là giai đoạn áo giáp da phát triển cao nhất, đồng thời, áo giáp sắt cũng có nhiều cải tiến phát triển.

Thời Tây Hán, do binh khí được chế tạo ngày càng tinh xảo, hiệu quả ngày càng cao, báo hiệu sự xuất hiện của thời kì đồ sắt, áo giáp sắt được chế tạo ngày càng nhiều, đây là quân bị chủ yếu trong quân đội, quân trang thời nhà Hán có nhiều đặc điểm tương đồng với quân trang thời nhà Tần, trong quân đội không phân chia sang hèn đều được mặc thiên y (một loại áo lót được mặc trong cùng) và quần. Quân trang thời Hán có màu đỏ và màu đỏ thẫm.

Do chiến tranh liên miên, quân trang thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều đã có sự phát triển lớn dựa trên cơ sở ban đầu, áo giáp sắt, mũ sắt đều được chế tạo tinh xảo hơn. Trình độ luyện sắt nâng cao, thép được dùng nhiều để chế tạo vũ khí, thế nên vũ khí ngày càng sắc bén, áo giáp và mũ giáp cũng ngày càng chắc chắn hơn. Áo giáp sắt tương đối đặc trưng là kiểu áo giáp tay ống, áo giáp không tay và áo giáp minh quang. Áo giáp tay ống thường được

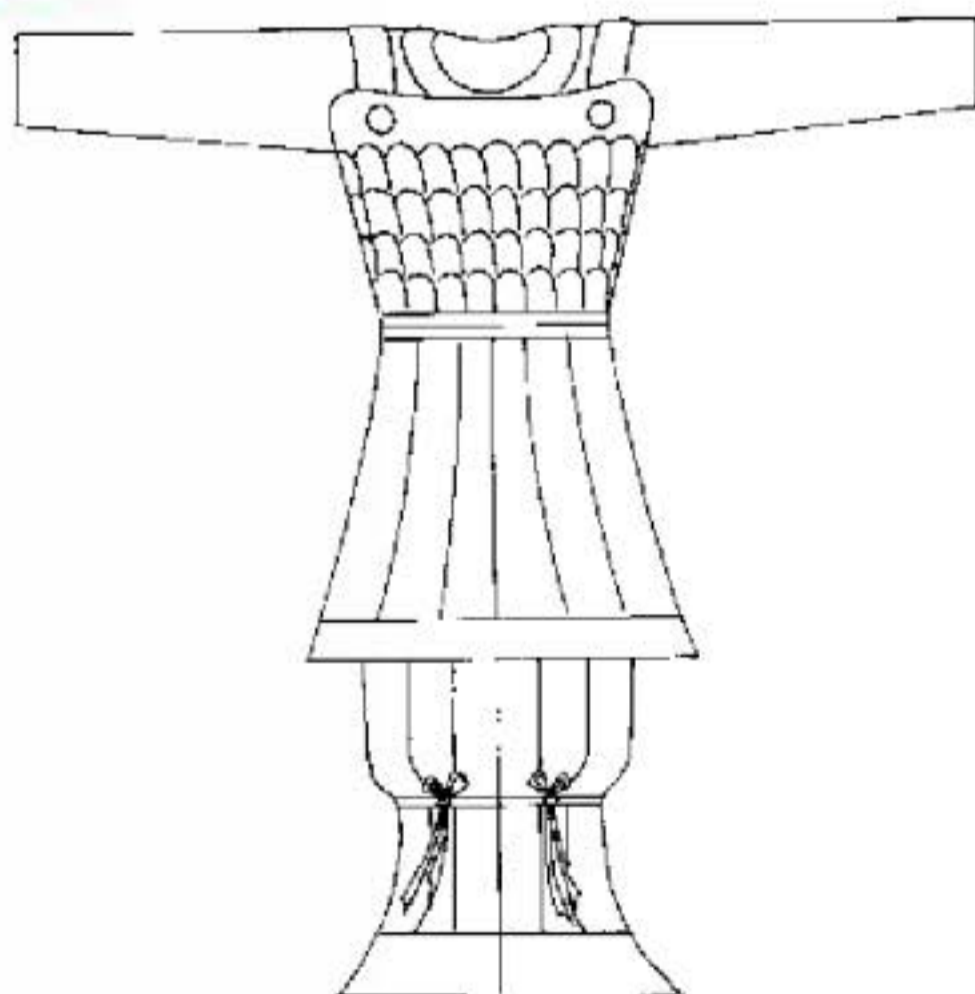


Áo giáp võ sĩ thời Tống. (Khâu Trấn Á vẽ)

chế tạo từ những miếng sắt nhỏ xếp lớp như vẩy cá hoặc xếp nối nhau như hoa văn trên mai rùa, trên vai đeo tay ống. Mũ chiến đi kèm có đỉnh gắn dây tua dài, hai bên mũ che kín bảo vệ tai. Áo giáp không tay tương đối giống áo sắt nách (một loại áo dân thường hay mặc thời đó), được chế tạo chủ yếu bằng kim loại, cũng có loại làm từ da thú. Loại áo này bao gồm hai mảnh kim loại lớn ở phía trước và phía sau để che chắn trước ngực và sau lưng, chiều dài qua bụng, phía dưới có hai mảnh kim loại lớn che hai bên hông. Khi mặc áo giáp không tay, ngoài mũ giáp đội trên đầu ra, còn phải mặc thêm khố.



Áo giáp tướng quân thời Minh. (Cao Xuân Minh vẽ theo tranh khắc trên đá của Kiều Hạ Nguyên)



Áo giáp không tay. (Hoa Mai vẽ)





Một loại áo giáp trong phục trang Kinh kịch. Đây là bức tranh vẽ tướng quân tay đeo giáp sắt hình vây cá, sau lưng cắm cờ (gồm bốn lá cờ), đầu đội mũ sắt gắn lông chim. (Tranh thanh niên Dương Liễu Thiên Tàn, nguồn: Vương Thụ Thôn)

Áo giáp minh quang là loại áo có miếng kim loại tròn che chắn trước ngực và sau lưng, kèm theo dây lưng da và quần ống túm. Sau này, loại áo giáp minh quang được dùng khá phổ biến và dần dần thay thế kiểu áo giáp không tay. Ngoài mục đích bảo vệ binh sĩ, áo giáp còn giúp bảo vệ ngựa chiến, vì vậy thông thường ngựa chiến cũng được đeo áo giáp. Trong sách sử có ghi: “Binh sĩ mang áo giáp 12 vạn, ngựa chiến mang áo giáp 8000 con”. Qua đó cho thấy người và ngựa đều mang áo giáp. Trong sách sử cũng có ghi chép về áo giáp của phụ nữ thời kì đó: “Khi khởi giá, thái hậu mặc áo giáp cưỡi ngựa, xe kéo hai bên”.

Thời nhà Tùy sử dụng áo giáp không tay và áo giáp minh quang phổ biến nhất. Kiểu dáng của áo giáp không tay có cải tiến so với trước đây, hình vây cá trên thân áo được làm nhỏ hơn, áo dài hơn che kín bụng, thay thế váy da thuộc trước đây, vạt phía dưới áo có hình vòng cung, hình lá sen, giúp che phần bụng dưới. Áo giáp minh quang về cơ bản vẫn giống trước đây, chỉ khác ở chỗ hai vạt che chắn hai bên hông dài hơn.

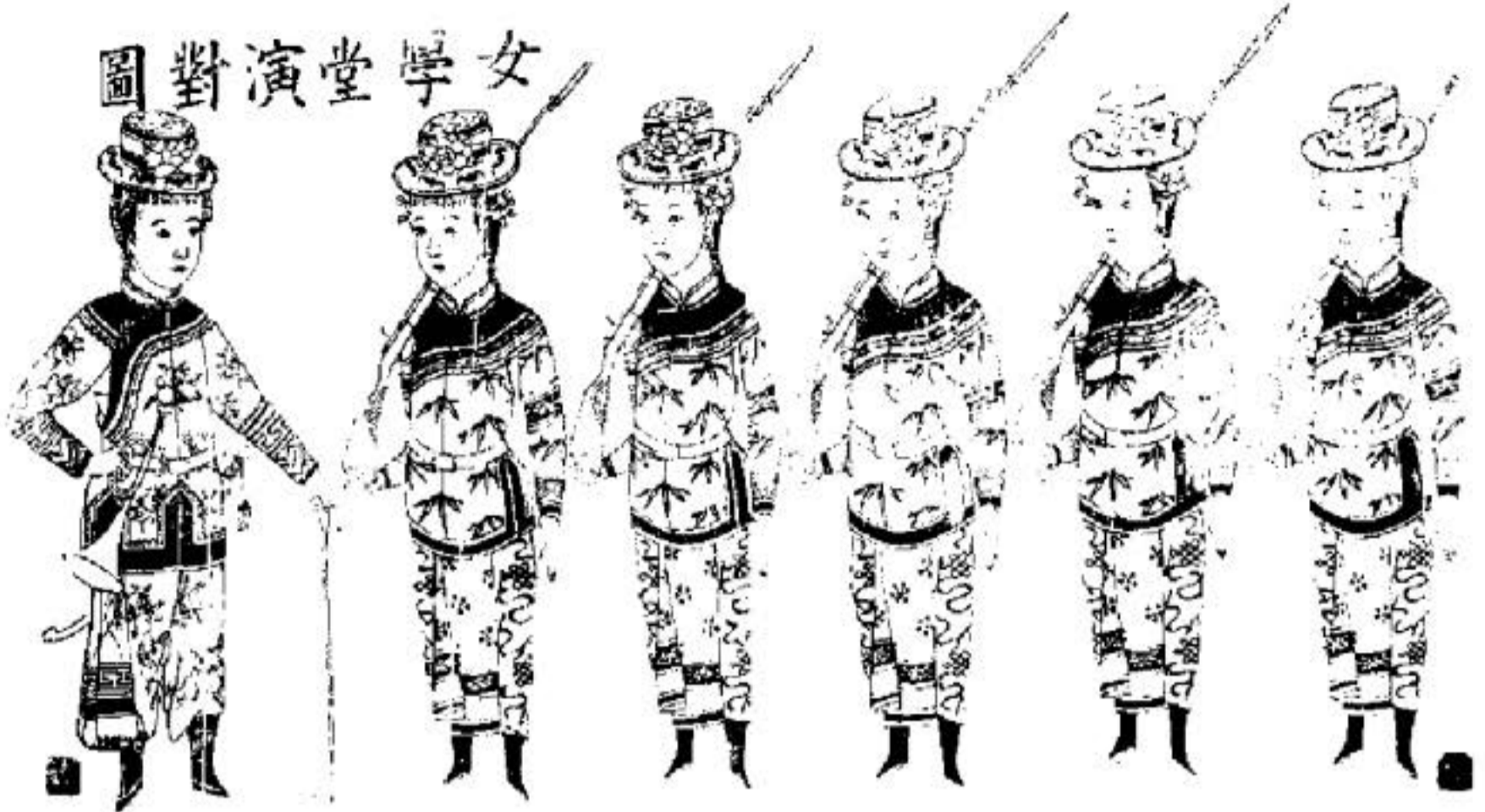
Thời nhà Đường đã tiến hành hàng loạt thay đổi về quy định phục sức, nên hình dạng và cấu tạo quân trang cũng khá hoàn thiện và mang phong

cách thời Đường rõ rệt. “Giáp chi chế thập hữu tam”, nghĩa là áo giáp có 13 loại được dùng chính thức trong quân đội, bao gồm áo giáp đồng, gỗ, da, vải v.v... Dùng cho chiến đấu chủ yếu là áo sắt và áo da. Ngoài ra, còn có một loại áo giáp vải lụa, kiểu dáng đơn giản mà đẹp, nhưng khả năng phòng vệ kém, không thể dùng trong chiến đấu mà chỉ có thể dùng trong nghi lễ quân đội thông thường. Mũ chiến, áo giáp và boots da thời Đường được chế tạo công phu tinh xảo và trạm trổ hình đầu thú, vẽ hoa văn v.v... Trong đó, có loại áo giáp được thiết kế thêm hai miếng sắt tròn đặt hai bên ngực áo, có loại lại đặt thêm một miếng ở trước bụng. Những miếng sắt trên áo xếp thành lớp để người mặc dễ cử động, áo có kết cấu đối xứng hai bên, tròn vuông lớn nhỏ tương ứng, cho thấy kết cấu tổng thể khá hài hòa. Đặc biệt là thời kì nhà Đường hưng thịnh, đất nước phát triển, thiên hạ thái bình, đa số quân trang không còn tính chiến đấu, mà được may sang trọng chủ yếu dùng khi cử hành đại lễ, không chỉ áo giáp sắt được sơn màu, mà ngay cả áo lót của binh sĩ cũng được thêu hình cầm thú.



Tranh “Sân tuần lộc” do Lang Thế Ninh vẽ, miêu tả cảnh những người quý tộc thời Mãn Thanh mặc đồ đi săn tuần lộc. “Sân tuần lộc” là một thú vui săn bắn giải trí trong cuộc sống của hoàng đế triều Thanh. Tranh được vẽ vào năm 1741.





Tranh “Nữ sinh diễn tập” ở Võ Cường Hà Bắc vào đầu thời nhà Thanh, miêu tả nữ sinh được chiêu nhận tham gia lớp tập trận cuối năm, các cô gái ăn mặc gọn gàng, lưng thắt dây đai, vai đeo súng trường. (Nguồn: Vương Thụy Thôn sưu tầm)

Thời Trung Quốc cổ đại, thông thường chế tạo càng nhiều lớp sắt trên áo giáp càng tăng sức phòng vệ. Cho nên, áo giáp sắt ngày càng có xu hướng được chế tạo rất nặng. Quân trang thời Tống thường có một loại dùng cho chiến trận và một loại dùng khi cử hành đại lễ. Trong “Tống sử” có ghi: một bộ áo giáp gồm có 1825 miếng sắt, dùng sợi da để dính kết các bộ phận lại với nhau, thông thường một bộ áo giáp nặng khoảng 25 kg. Thời đó còn có loại áo giáp giấy, khá nhẹ, được làm từ loại giấy rất mềm xếp dày khoảng 10cm, xung quanh có đính 4 chiếc đinh, đạn không xuyên thủng. Còn loại trang phục dùng khi cử hành đại lễ có lớp vải lụa vàng bên ngoài, trong lót vải thường, trên bề mặt vải thêu họa tiết lá cây màu xanh và đường viền màu đỏ, chân váy may bằng vải đen, thắt lưng da màu đỏ, váy dài quá đầu gối, trước ngực áo vẽ hình mặt người, dải lụa nhiều màu được quấn từ phía sau lưng tới trước ngực. Thời nhà Tống còn xuất hiện một kiểu áo giáp đặc biệt – áo giáp giấy. Do thiếu tư liệu nên ngày nay chúng ta không biết được kỹ thuật chế tạo loại áo giáp đặc biệt này, có thể loại áo này được may bằng loại giấy đặc biệt làm từ kén tằm nên khá nhẹ và sức phòng vệ cũng cao. Sách sử thời đó có ghi lại chuyện dùng áo giáp giấy thay thế cho áo giáp sắt.

Đến thời nhà Minh, quân đội được trang bị số lượng lớn áo bông,

loại áo này khá phù hợp với chiến trường đầy súng đạn thời đó. Kiểu quân trang này được may từ loại bông đã được trần nhiều lần, áo có hình tròn gắn đinh sắt. Tuy không có tác dụng chống rét nhưng dễ dàng vận động khi chiến đấu và có thể phòng tránh lửa.

Quân trang thời nhà Thanh thay đổi nhiều nhất trong lịch sử quân trang cổ đại Trung Quốc. Một là do dân tộc Mãn thống trị nên họ muốn thay đổi quân trang của dân tộc Hán, hai là sự xuất hiện pháo và súng hỏa tiễn đã dẫn đến sự thay đổi quân trang. Áo giáp thời kì này được chia thành hai loại: áo giáp và váy giáp. Áo giáp có phần vai áo bảo vệ vai và nách; phía trước ngực và sau lưng đều có miếng kim loại bảo vệ ngực, phía dưới có miếng kim loại bảo vệ bụng, miếng kim loại này được gọi là “tiển đàng”. Bên trái thắt lưng có “tả đàng”, bên phải là chỗ đeo cung tên. Váy giáp bao gồm hai mảnh kim loại che hai bên hông, khi mặc dùng dây lưng thắt ngang eo. Ở giữa hai mảnh là miếng vải dài che kín xuống đầu gối, trên có in có hình đầu hổ. Mũ chiến đấu thường được làm bằng sắt hoặc da thuộc, mặt ngoài quét sơn. Trước sau và hai bên mũ đều có đường gờ, phía trước mũ có một phần nhô ra che kín lông mày, trên đỉnh mũ gắn ống đồng hoặc ống sắt dựng thẳng đứng, chiếc ống này dùng để cắm lông chim hoặc tua rua màu đỏ hoặc cờ đuôi cá. Phía sau



“Lính nhí cưỡi ngựa” là hoạt động văn hóa nổi tiếng của dân tộc Choang ở Đức Bảo Quảng Tây, các em nhỏ đội mũ sắt giống như thời xưa. (Ảnh: Trần Nhất Niên)





Phục sức Trung Quốc

mũ gắn những dải lụa nhiều màu để bảo vệ cổ và tai, phía trên thêu nhiều hoa văn và phủ đầu đinh bằng đồng hoặc sắt. Đến cuối thời nhà Thanh, các loại quân phục của lính thủy, lính bộ, cảnh vệ v.v... đều chịu ảnh hưởng quân phục của phương Tây.



Binh sĩ mặc áo giáp thời nhà Đường (Vẽ theo tranh bích họa thời Đường ở Đôn Hoàng, trong cuốn "Nghiên cứu phục sức cổ đại Trung Quốc" của Thẩm Thung Văn)

TRUYỀN KÌ VỀ TỖ LỰA





Như chúng ta đều biết, tơ lụa là phát minh đặc biệt của người Trung Quốc cổ đại. Trong khoảng thời gian khá dài, Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới sản xuất và sử dụng tơ lụa.

Trong thần thoại Trung Quốc truyền rằng, vua Huỳnh Đế có vợ là nguyên phi “Luy Tổ”, bà được công nhận là tổ nghề nuôi tằm, bà đã phát minh ra cách nuôi tằm để lấy tơ dệt thành lụa. Hoàng đế phong bà là “Thần tằm”. Theo tư liệu khảo cổ, thời gian người Trung Quốc cổ đại biết dùng tơ tằm sớm hơn nhiều so với thời trong truyền thuyết “Luy Tổ”. Thời Chiến Quốc (khoảng 313 – 238 TCN) trong “Tâm phú” (thơ về con tằm) của Tuân Tử đã ghi lại truyền thuyết về “cô gái đầu ngựa” như sau: Cha của cô gái bị cướp bắt đi, chỉ còn lại con ngựa của cha cô. Mẹ cô gái nói ai có thể tìm được người cha thì sẽ gả cô gái cho người đó. Con ngựa nghe xong liền chạy đi tìm và đưa người cha trở về. Nhưng khi đó người mẹ lại quên lời hứa sẽ gả con gái.

Con ngựa buồn bã cả ngày hí vang, không chịu ăn uống. Cha của cô gái sau khi biết chuyện vô cùng tức giận, cho rằng con ngựa thật ngông cuồng, trong cơn thịnh nộ ông đã chém chết và lột da ngựa phơi ở trong sân nhà. Một hôm, cô gái ra sân chơi, miếng da ngựa cuốn lấy cô gái bay lên cây dâu, và biến thành con tằm, từ đó cô gái được dân gian gọi là “thần tằm”. Ảnh hưởng của truyền thuyết thần tằm đã lan rộng đến vùng Đông Nam Á, Nhật Bản v.v... ở những nơi đó đều có tục cúng tế “cô gái đầu ngựa”.

Ngoài truyền thuyết thần thoại, còn có tài liệu ghi chép chính xác hơn thời gian sử dụng tơ lụa. Năm 1958, trong khu di chỉ văn hóa thời đồ đá mới ở Lương Chử (được lấy tên Lương Chử do di chỉ này được phát hiện ở trấn Lương Chử Dư Hàng Triết Giang vào năm 1936. Đây là một nhánh văn minh cổ đại quan trọng trong lưu vực Thái Hồ ở vùng hạ lưu Trường Giang Trung Quốc, cách đây khoảng 5250 – 4150 năm) các nhà nghiên cứu đã khai quật được một số cổ vật có niên đại từ 4700 năm trước, những cổ vật này bao gồm vải lụa, dây lụa, dây lưng v.v... được đựng trong rương, qua thẩm định cho thấy đây là các sản phẩm tơ tằm.

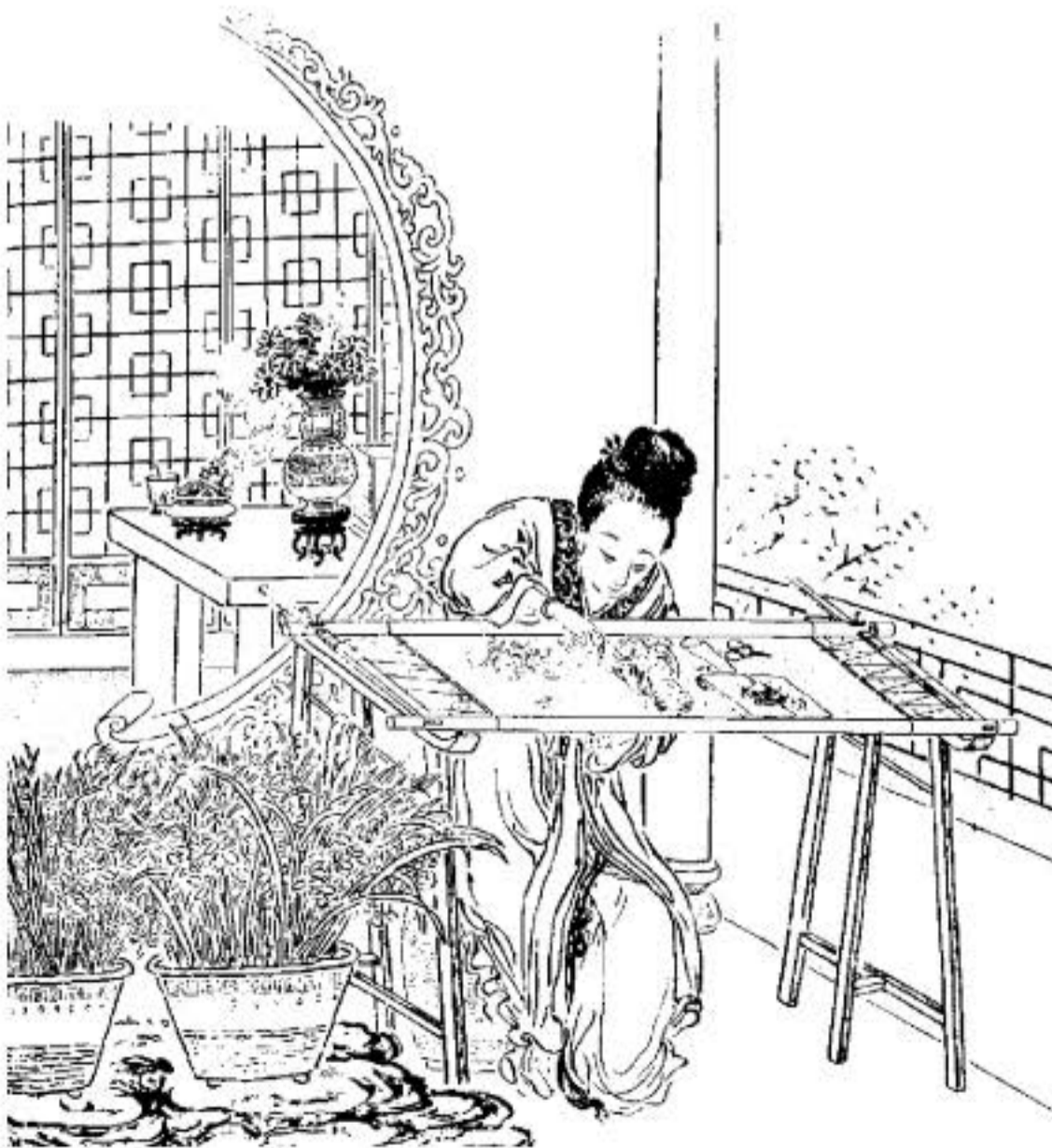
Mặc dù những vật phẩm này đã bị các bon hóa, nhưng vẫn có thể thấy rõ đường dệt. Mỗi dải lụa có 16 sợi tơ, chiều rộng khoảng 5mm, những sợi tơ có đường kính khoảng 3mm, ba sợi nhỏ se thành sợi lớn, điều đó cho thấy kĩ thuật dệt lụa thời kì đó đã đạt đến trình độ nhất định.



Tranh tường trong hang đá Du Lâm ở Tây An tỉnh Cam Túc, tranh vẽ Công chúa Hối Hột mặc trang phục và vấn tóc kiểu dân tộc Hối Hột. (Trương Đại Thiên vẽ lại, Hoa Mai sưu tầm)

3000 năm trước, trên giáp cốt thời nhà Thương đã xuất hiện những chữ như “tằm, tang, tơ, bạch” v.v... Những binh khí và be rượu bằng đồng được tìm thấy trong mộ Yên Khư An Dương Hà Nam có cùng niên đại với giáp cốt văn, dấu vết những hoa văn trạm trổ ở trên bề mặt đều rất rõ, những dấu tích tơ lụa còn lưu lại cho thấy thời nhà Thương đã dệt được những tấm lụa có họa tiết hình lục lăng, đến thời nhà Chu đã có thể dệt được gấm hoa nhiều màu. Năm 1959, gốm sứ đen được tìm thấy trong di chỉ trấn Mai Yển ở Ngô Giang Giang Tô, trên bình gốm có hình con tằm, được vẽ rất chân thực, điều đó cho thấy con tằm đã rất quen thuộc đối với con người thời đó. “Thượng thư” là một tài liệu lịch sử quan trọng nằm trong bộ kinh điển Nho gia, trong đó tập trung ghi chép lại các vấn đề về ngôn ngữ, văn tự, văn học, triết học, tư tưởng văn hóa, thần thoại, đời sống xã hội thời cổ đại Trung Quốc. Trong “Thượng thư” cũng có nhắc đến tơ lụa trong phần miêu tả cống vật của các địa phương như tơ, lụa màu, tơ tằm, lụa đen, lụa trắng v.v...

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nông nghiệp phát triển hơn trước. Đặc trưng phương thức làm kinh tế chủ yếu của thời kì này là đàn ông làm ruộng, đàn



Tranh vẽ người phụ nữ thời cổ đại đang ngồi thêu. (Ngô Hữu Như vẽ trong “Thái nữ la”)





Tranh “dệt tơ” miêu tả cảnh nông dân nuôi tằm dệt tơ ở vùng Giang Chiết vào thời Tống. (Nguồn: Vương Thụ Thôn)

bà dệt vải. Trồng dâu tằm, trồng đay, làm nghề dệt vải là những nghề điển hình trong xã hội thời đó. Do thời kì đó rất chú trọng việc nuôi tằm, nên tơ tằm có chất lượng cao, tằm nhả tơ vừa mảnh lại vừa đều, chất lượng có thể sánh ngang với thời nay. Gấm dệt từ thời nhà Hán được tìm thấy vào năm 1972 khi khai quật mộ Mã Vương Đồi thời Tây Hán ở Trường Sa Hồ Nam, loại gấm này được dệt khá công phu, có khoảng 14, 15 sợi tơ nhỏ se thành một sợi lớn, 4, 5 sợi tơ này lại se thành sợi tơ lớn hơn, tức là có khoảng 54 sợi tơ nhỏ se thành một sợi tơ lớn. Với trình độ dệt lụa cao như vậy, cùng với sự phát triển ngành nhuộm và thêu đã giúp cho lụa càng đẹp và phong phú hơn.

Trong tiến trình lịch sử văn hóa, tơ lụa dần dần trở thành tượng trưng cho một kiểu phong cách văn hóa, tượng trưng cho khí chất tinh thần mĩ học phương Đông. Có thể nói rằng, nhờ có tơ lụa mà phục sức Trung Quốc mới thể hiện được vẻ đẹp lộng lẫy và huyền bí; nhờ có tơ lụa mà các nhân vật trong tranh Trung Quốc mới thể hiện được vẻ đẹp qua từng sợi tơ tằm.

Dựa vào tình hình phát triển của văn hóa đồ đồng có thể thấy giữa Trung Quốc và các nước Trung Á, Tây Á đã bắt đầu có sự giao lưu văn hóa từ khoảng

2000 năm trước công nguyên. Trong tiến trình lịch sử, nhờ sự giao lưu qua lại giữa các dân tộc và các khu vực, mà văn hóa phục sức càng phong phú đa dạng. Trong đó, khai thông con đường tơ lụa đã có tác dụng quan trọng mà không gì có thể thay thế được.

Từ thế kỉ V TCN, sản phẩm dệt của Trung Quốc đã được chuyển đến phương Tây. Tơ lụa đẹp và độc đáo của Trung Quốc được người phương Tây gọi là sản phẩm chỉ có ở trên thiên đường. Người Hy Lạp, người La Mã gọi Trung Quốc là Serica, gọi người Trung Quốc là Seris, hai từ này đều được chuyển từ chữ Serge (tơ lụa). Dựa theo sử sách phương Tây ghi lại, Đại đế Gaius của thành La Mã cổ (100 – 44 TCN) mặc áo bào lụa Trung Quốc đi xem kịch, khiến cho mọi người không xem kịch mà chỉ ngưỡng mộ nhìn ngắm bộ trang phục của hoàng đế. Tơ lụa Trung Quốc đã xuất hiện ở Ấn Độ từ rất sớm, vào khoảng thế kỉ IV TCN trong sách sử Ấn Độ có ghi: “tơ lụa Trung Quốc bó thành cuộn”. Sau thế kỉ II, trong bộ luật ở Ấn Độ đã có quy định trừng phạt tội trộm tơ lụa.

Năm 138 – 119 TCN, Hán Vũ Đế đã từng hai lần phái Trương Khiên (? – 114 TCN) đưa người đi sứ ở Tây Vực (các vùng phía tây Ngọc Môn Quan, bao



Hồ Polo nằm cạnh con đường tơ lụa, cách Đôn Hoàng hơn 50 km về phía Tây Bắc. Hồ nước này vốn rất rộng lớn, sau này nước hồ cạn dần, một phần biến thành đầm lầy và một phần khô cạn, nơi đây có những cánh đồng dâu tằm rộng lớn. (Nguồn: Imaginechina)





Cô gái dân tộc Duy Ngô Nhĩ thời nay ở thung lũng Tháp Li Mộc Tân Cương mặc trang phục làm bằng tơ lụa, đây là sản phẩm nổi tiếng của địa phương. (Ảnh Tống Thổ Cảnh trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

gồm Tân Cương và Tiểu Á), những sứ giả này mang theo số lượng lớn những sản phẩm của vùng Trung Nguyên như tơ lụa, đồ gốm v.v... đi qua các nước Đại Uyển, Khang Cư, Đại Nguyệt Thị, Đại Hạ, An Tức v.v... Trên đường đi, họ lấy tơ lụa làm lễ vật hoặc đổi lấy lương thực, đồng thời, những nước này cũng lấy những hương liệu và đồ len của bản địa trao tặng hoặc xuất sang Trung Quốc. Do đó, hình thành nên con đường vận chuyển và buôn bán tơ lụa. Từ thời Hán đến thời Đường, trên con đường này luôn vang tiếng chuông lạc đà của các đoàn thương gia qua lại không ngớt, “con đường tơ lụa” cũng từ đó mà trở nên sầm uất.

Ngay từ thời đế quốc La Mã, lượng lớn tơ lụa từ Ba Tư đã được đưa đến thành La Mã, từ đó nước này bắt đầu thường xuyên nhập khẩu tơ lụa với số lượng lớn. Vào thế kỉ III SCN, giá tơ lụa ở La Mã đắt ngang vàng, ngay cả hoàng đế La Mã cũng không mặc trang phục lụa và cũng không cho phép hoàng hậu được mặc. Đến thế kỉ IV SCN, do kinh tế phát triển mạnh, ở kinh đô Constantinople bắt đầu thịnh hành trào lưu mặc đồ lụa, và dần dần phổ cập đến các tầng lớp dưới trong xã hội.

Thời kì hoàng đế Justinianus thống trị thành Byzantium, kĩ thuật nuôi tằm đã được truyền tới đây. Đến giữa thế kỉ VI SCN, nghề dệt lụa có nguồn gốc từ Trung Quốc với toàn bộ công đoạn từ sản xuất nguyên liệu đến dệt thành lụa đều được thành La Mã nắm bắt.

Con đường tơ lụa có điểm xuất phát từ kinh đô Trường An (kinh đô thời Hán Đường) chạy dài tới biển Ba Tư, con đường tơ lụa không chỉ kéo dài về phía Tây mà còn hướng tới các nước phía Đông lân cận như Nhật Bản. Năm 107 SCN, Nhật Hoàng thời bấy giờ đã phái một đoàn gồm 160 người tới Trung Quốc để học nghề thêu, may và dệt vải. Sau khi về nước, đoàn đã báo cáo lại kết quả học tập và dâng lên những sản phẩm tơ lụa Trung Quốc. Hơn 100 năm sau, Nhật Bản vẫn thường xuyên phái người sang Trung Quốc học kĩ thuật dệt lụa; đồng thời, số lượng lớn thợ dệt từ Trung Quốc sang Nhật Bản cũng đã góp phần thúc đẩy nghề dệt lụa ở Nhật Bản thời cổ đại phát triển mạnh. Năm 457 SCN, thiên hoàng Yuryaku khởi xướng kĩ thuật dệt lụa và ban chiếu lệnh hoàng hậu, phi tần và cung nữ đều nuôi tằm, để thực hiện giấc

mộng biển Nhật Bản thành “vương quốc phục trang”. Trước khi băng hà, thiên hoàng còn ra chiếu, trong đó có đoạn “những trang phục trong triều đình và dân gian chưa được lộng lẫy đẹp đẽ... là điều di hận duy nhất”. Vào khoảng thế kỉ VII – VIII, trên áo bào của Thiên Hoàng Nhật Bản có gắn dải lụa đỏ thêu 12 dấu ấn tròn hình mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, núi, rồng, lửa v.v., rất giống với áo bào của hoàng đế Trung Quốc.

Trong cuốn “Các bài giảng về văn hóa phục sức” xuất bản ở Nhật Bản đã mô tả phục sức thời kì Phi Đế (552 – 645), thời kì Nại Lương (673 – 794) và thời kì Bình An (794 – 1192) được mô phỏng theo phục sức thời Tùy Đường. Trang phục Nhật Bản trong giai đoạn này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của trang phục thời nhà Đường, hoa văn trên vải lụa của người Nhật chủ yếu cải tiến theo kiểu hoa văn Trung Quốc, ví dụ như chim hạc, gợn sóng, mai rùa, chim phượng, kì lân v.v... là những hoa văn trên vải lụa được quan lại trong cung thời Bình An ưa chuộng sử dụng. Khi Nhật Bản cho người đi sứ sang Trung Quốc, cũng mang theo bạc, tơ, bông, vải tới trao đổi buôn bán với người Trung Quốc, điều đó đã góp phần thúc đẩy giao lưu phục sức giữa hai nước.

Nói đến con đường tơ lụa, cũng không thể không nhắc đến con đường tơ lụa trên biển. Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì đây là tuyến đường thương mại từ Trung Quốc qua Đông Nam Á theo đường biển tới châu Phi, nó xuất hiện từ trước thời Đông Hán, đến thời Nguyên Minh con đường này trở nên sầm uất. Đế quốc La Mã thời đó thường mang ngà voi, sừng tê giác, đồi mồi làm tặng vật cho triều đình Đông Hán, các nước như Ba Tư (nay là Iran), Thiên Trúc (Ấn Độ cổ), Sư tử quốc (nay là Sri Lanca) và



Nghề thêu ở Quảng Đông có lịch sử hơn 1000 năm, sau thời Minh Thanh nghề này càng trở nên thịnh hành. Trong cả nước, Cổ Cung là nơi còn giữ lại nhiều nhất những cổ vật tiêu biểu cho sản phẩm này, các đường nét hoa văn thêu trên lụa phong phú đa dạng hài hòa, màu sắc rực rỡ bắt mắt, các mũi thêu đều nhau, đường nét rõ ràng, chỉ thêu chủ yếu gồm 7 màu cơ bản, được pha trộn biến hóa tài tình giống như các tác phẩm hội họa của phương Tây. Ở đây là hình chụp một cô thợ đang thêu “rồng” trong xưởng thêu ở Triều Châu. (Ảnh: Hoàng Diễm Hống, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)





Phục sức Trung Quốc



Tơ lụa Trung Quốc. (Nguồn: Imaginechina)



Tiệm tơ lụa “Khiêm Tường Ích” nằm ở khu vực Tiên Môn phồn hoa của Bắc Kinh, đây là tiệm tơ lụa nổi tiếng có từ thế kỉ 19. (Nguồn: Imaginechina)



Một mẫu thiết kế được trình diễn trong buổi trình diễn thời trang với chủ đề tơ lụa. (Nguồn: Imaginechina)

Phù Nam nhập hàng tơ, lụa, bông, vải lĩnh của Trung Quốc, đồng thời cũng xuất sang Trung Quốc các sản phẩm như ngọc quý, lông chim chẻ, sừng tê giác, hương liệu, đồi mỗi, ngọc lưu li, khoáng chất, vải bông v.v... Trải qua các triều đại Đường, Tống, Nguyên và Minh, con đường tơ lụa trên biển ngày càng hưng thịnh. Trong đó tơ lụa, gấm vóc và các loại vải khác được sản xuất ở Nam Kinh, Tô Châu, Hàng Châu đã được xuất sang các nước khác như Triều Tiên, Nhật Bản, Philippin, Ấn Độ, Iran, Irac, Yemen, Saudi Arabia, Ai Cập, Monaco, Somalia, Tanzania v.v... Từ giữa thế kỉ XVI trở về sau, sau khi Tây Ban Nha xâm chiếm Philippin, nước cai trị dùng nước thuộc địa làm địa điểm để thu mua tơ lụa Trung Quốc, sau đó vận chuyển sang Mỹ, từ đó đã mở ra một tuyến đường biển từ Malaixia đến nước Mỹ, con đường này trở nên nổi tiếng nhờ buôn bán vận chuyển tơ lụa Trung Quốc.

Những con đường tơ lụa này đã giúp cho những sản phẩm tơ lụa mềm mại và nhiều màu sắc của Trung Quốc được bán sang các nước Trung Á, Tây Á, Nam Á và châu Âu; kĩ thuật nuôi tằm, kéo tơ, dệt vải của Trung Quốc đã được truyền bá ra hải ngoại, khiến cho phục sức Trung Quốc ảnh hưởng tới toàn thế giới. Đồng thời, thông qua con đường tơ lụa mà phục sức của các nước khác cũng ảnh hưởng nhiều đến phục sức Trung Quốc.

Trung Quốc và Trung Á, Tây Á luôn giữ được mối quan hệ kinh tế và trao



Tô Châu là quê hương tơ lụa. Phụ nữ Tô Châu có truyền thống giỏi thêu thùa. Vị trí địa lí thuận lợi, vải vóc phong phú, mũi thêu đa dạng và kĩ thuật thêu điêu luyện đã giúp cho Tô Châu trở thành nơi có sản phẩm thêu đặc trưng cho nghệ thuật thêu Trung Quốc. Trong nghệ thuật thêu, hình ảnh hoa mẫu đơn tượng trưng cho giàu sang phú quý là họa tiết truyền thống thường thấy trên các sản phẩm thêu ở Trung Quốc. (Nguồn: Imaginechina)

đổi nhân công qua lại trong khoảng thời gian khá dài, nên dấu tích giao lưu văn hóa được thể hiện rõ trên từng họa tiết và kiểu dáng các bộ trang phục. Trên các cổ vật thời Hán được phát hiện ở Nặc Âm Ô La Nội Mông Cổ còn thêu hình thú mang đôi cánh, cho thấy thời kì đó đã chịu ảnh hưởng văn hóa Tây Á. Trên những miếng vải in hoa được tìm thấy trong mộ cổ thời Đông Hán ở Dân Phong Tân Cương vừa có hình bồ tát mang phong cách Gandhara, lại vừa có họa tiết rồng truyền thống của dân tộc Hán vùng Trung Nguyên, ở giữa còn lưu lại rất rõ vết tích một chiếc đuôi và một chân sau của con sư tử - chứng tỏ người Trung Nguyên đã từng đi qua con đường tơ lụa thì mới có nhận thức về loại mãnh thú





Thành Đô Tứ Xuyên là một trong những nơi có nghề thêu nổi tiếng ở Trung Quốc, từ thời Hán, nghề thêu nơi đây đã rất phát triển, kĩ thuật thêu độc đáo, vải thêu chủ yếu bao gồm lụa màu và xa tanh, sản phẩm chủ yếu gồm chăn, gối, trang phục, giày, bình phong v.v... Trong hình là người thợ thêu Thành Đô đang thêu hoa. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Họa tiết thêu trên gối. (Hình: Lỗ Trung Dân) .

này. Ngoài ra, trên những đồ thêu và đồ đan len được tìm thấy ở di chỉ Ni Nhã Tân Cương còn có họa tiết trái nho đặc trưng của vùng Tây Vực, hình ngựa đầu người trong thần thoại Hy Lạp, và cả hình ảnh võ sĩ Trung Nguyên, đã cho thấy dấu vết giao lưu văn hóa còn lưu lại trên phục sức.

Họa tiết thêu xuất hiện sớm nhất là hình cây kim ngân, họa tiết này rất được ưa chuộng ở Hy Lạp và La Mã. Sau khi Phật giáo được du nhập vào Trung Quốc, nhờ kết hợp giữa các thủ pháp đối xứng, cân bằng, động và tĩnh v.v... nên họa tiết cây kim ngân được thêu thành các loại hoa văn như hình sóng lượn, hình tròn, hình vuông, hình lục lăng, hình trái tim, hình mai rùa v.v., hoặc cách điệu thành hình chim bồ câu, chim công kết hợp với dây leo hoặc hoa sen tạo thành hình những họa tiết mang phong cách tự do phóng khoáng, đó cũng là những họa tiết điển hình trong nghệ thuật thêu của Trung Quốc. Những họa tiết đôi ngọc châu, đôi chim, đôi sư tử trong chữ "đồng" vừa vận dụng họa tiết triều đại Sasanian Ba Tư, lại vừa giữ được thủ pháp thêu chữ Hán truyền thống.

Các kiểu dáng trang phục cho thấy ngay từ thời thịnh Đường đã có sự giao lưu văn hóa. Các thương nhân ở Tây Á, Đông Âu và các thương nhân dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc Trung Quốc đã mang âm nhạc, nhạc cụ, tạp kĩ và những phương thức sinh hoạt khác du nhập vào Trung Nguyên qua con đường tơ lụa. Trong câu chuyện về Đường Huyền Tông (712 – 755) và Dương Quý Phi (719 – 756) từng nhắc đến “Khúc Nghê Thường”, trong đó miêu tả áo lông mà vũ nữ mặc chính là kiểu trang phục đặc trưng ở Thiên Trúc (Ấn Độ cổ), được kết hợp với trang phục truyền thống của Trung Quốc. Ngoài ra còn có những trang phục được du nhập hoàn toàn từ những nước lân cận qua các vũ điệu như “vũ điệu hổ đặng” của Thạch Quốc ở Tây Vực (nay là thủ đô Tashkent của Uzbekistan) , “vũ điệu hổ hoàn” của nước Thái (nay là phía bắc Samarqand). Lúc mới du nhập, những trang phục này còn giữ phong cách ban đầu, sau các vũ điệu dần dần ảnh hưởng đến trang phục vũ đạo và trang phục thường ngày của người dân thời Đường. Thời Tùy Đường, trang



“Tây lan khả phổ” là một loại khăn phủ thêu họa tiết đặc trưng của dân tộc Thổ Gia, “tây lan” có nghĩa là khăn phủ, “khả phổ” có nghĩa là hoa. Đây là sản phẩm thêu tay dân gian truyền thống của dân tộc Thổ Gia. Những cô gái dân tộc Thổ Gia từ nhỏ đã được học thêu, đến khi trưởng thành đi lấy chồng, họ phải tự chuẩn bị những tấm khăn phủ thêu hoa văn làm của hồi môn. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

phục của phụ nữ chịu ảnh hưởng của trang phục dân tộc Tây Bắc, đó là kiểu khăn lớn che kín từ đầu đến chân được cải tiến thành mạng che quần quanh vành mũ.

Sau khi tơ lụa xuất hiện nghề thêu ra đời và trở thành loại hình nghệ thuật thủ công phát triển khắp mọi nơi, các vùng miền và các dân tộc khác nhau tạo nên những kĩ thuật thêu khác biệt. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, kĩ thuật thêu dần trở nên thuần thực, điều này có thể thấy được qua số lượng lớn những cổ vật được tìm thấy trong gần 100 trống lại đây. Sản phẩm thêu thời kì này thường có những họa tiết cách điệu về hình ảnh các con vật như rồng, chim phượng, hổ v.v... ngoài ra còn thêu hoa cỏ và hình vuông, hình tròn xen ở giữa, hình rồng bay phượng múa, rồng cuốn hổ phủ. Những hình thêu này đều có kết cấu bố cục chặt chẽ thống nhất và hài hòa, màu sắc sinh động, hình ảnh tươi vui.





Nghệ thuật thêu dân gian truyền thống của dân tộc Mèo là loại nghệ thuật thêu độc đáo của Trung Hoa. Chủ yếu thêu hoa và chim trên trang phục và các tấm khăn phủ trong nhà theo phong cách truyền thống. (Ảnh: Vương Miêu, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

Sau thời Tần Hán, kĩ thuật thêu tương đối phát triển. Đáng được nhắc đến là Lâm Tri Tế Quận (nay là Lâm Tri Sơn Đông), đây là nơi may trang phục cho triều đình nhà Hán, thợ may có hơn 1000 người, mỗi năm tiêu tốn rất nhiều tiền của. Không chỉ trong hoàng cung "thêu áo lính và áo len đan cho chó ngựa", mà ngay cả trang phục của những người giàu cũng "thêu chỉ ngũ sắc", đồ dùng trong nhà cũng được phủ khăn thêu. Đến cuối thời Hán và thời lục triều, Trung Quốc bắt đầu bước vào thời kì "tượng giáo di tăng" (tạc nhiều tượng Phật), trào lưu thêu hình Phật cũng trở nên nở rộ. Những hình thêu này có thể tìm thấy trong các viện bảo tàng ở Anh và Nhật Bản. Kĩ thuật thêu tinh tế, màu sắc hài hòa, hoa văn rõ nét, đây được coi là một trong những thành tựu đặc biệt của kĩ thuật thêu truyền thống Trung Quốc cổ đại. Một thành tựu khác trong kĩ thuật thêu thời nhà Đường là cách thêu "bình kim tú", vừa truyền thống lại vừa mới lạ, mũi thêu biến hóa đa dạng, thợ thêu có thể tự do sáng tạo, nên kĩ thuật thêu này đã mang đến luồng gió mới cho lịch sử phát triển nghề thêu và được lưu truyền đến ngày nay.

Thời Tống là thời kì kĩ thuật thêu Trung Quốc đạt đến đỉnh cao, chất lượng tất cả các sản phẩm thêu đều đạt đến trình độ xưa nay chưa từng có, đặc biệt là kĩ thuật thêu độc đáo mà sau này không còn nữa. Thời Đường Tống có xu hướng thêu tinh xảo, điều này chủ yếu là do hoàn cảnh xã hội quyết định. Trong xã hội phong kiến, đàn ông đi cày phụ nữ dệt vải, vì vậy phụ nữ đều phải học “nữ công”, thêu cũng là một trong những yêu cầu cơ bản, chính vì vậy, thêu không chỉ là một phần công việc của người phụ nữ lao động, mà còn là một hoạt động tinh thần nhằm tiêu khiển, thể hiện tính sáng tạo của phụ nữ thuộc tầng lớp quý tộc. Sản phẩm thêu được chia thành hai loại rõ ràng, một loại dùng trong sinh hoạt hàng ngày và một loại có tính nghệ thuật. Văn nhân cũng tích cực tham gia sáng tạo nghệ thuật thêu và góp phần hình thành nên trào lưu kết hợp giữa vẽ và thêu, họa sĩ vẽ, sau đó nghệ nhân thêu trên mẫu vẽ, nhờ vậy mà tác phẩm thêu càng trở nên tinh tế hơn.

Thời Minh, kĩ thuật thêu thủ công đạt đến trình độ cao nên số lượng sản phẩm tăng cao chưa từng thấy, xuất hiện những thợ thêu và gia đình thêu nổi tiếng, nhu cầu sử dụng sản phẩm thêu ngày càng tăng, chất lượng hàng thêu và vải thêu đều được nâng cao, kĩ thuật thêu ngày càng trở nên thuần thục. Thời nhà Minh và thời nhà Thanh là giai đoạn nghề thêu phát triển

nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trong hơn 200 năm dưới triều nhà Thanh, một số trường phái thêu có tính chất địa phương phát triển nhiều như năm sau cơn mưa, nổi tiếng có hàng thêu Tô Châu, Quảng Đông, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Bắc Kinh, Sơn Đông v.v... đồng thời do chịu ảnh hưởng của văn hóa bên ngoài, nên sản phẩm thêu thể hiện bản sắc văn hóa giao thoa Đông Tây.

Đến nay, cho dù xu hướng thời đại không ngừng thay đổi, phương thức sản xuất bằng máy móc thay thế ngành thủ công truyền thống, nhưng nghề thêu ở các nước trên thế giới vẫn là di sản văn hóa truyền thống được kế thừa và lưu giữ. Ở Trung Quốc, không chỉ có nhiều địa phương nổi tiếng bởi



Tấm lót giày thêu thủ công.
(Nguồn: Imaginechina)





Phục sức Trung Quốc

nghề thêu, mà một số dân tộc thiểu số như dân tộc Duy Ngô Nhĩ, dân tộc Di, dân tộc Thái, dân tộc Bố Y, dân tộc Ka-zắc-stan, dân tộc Dao, dân tộc Mèo, dân tộc Thổ Gia, dân tộc Cảnh Pha, dân tộc Động, dân tộc Bạch, dân tộc Choang, dân tộc Mông Cổ, dân tộc Tạng v.v... đều có nghề thêu mang nét đặc trưng của dân tộc mình. Công nghệ thêu không chỉ được áp dụng trên phục sức và đồ gia dụng, mà còn được kết hợp khéo léo trong hội họa và thư pháp, đây được coi là sản phẩm nghệ thuật đặc biệt, thể hiện sinh động bản sắc văn hóa Trung Hoa.



"Đàn phượng triều dương" (chim phượng và mặt trời) là họa tiết truyền thống Trung Quốc, họa tiết này thường được thêu trên vải lụa, tượng trưng cho may mắn và hạnh phúc. Đây là bức tranh gỗ nổi tiếng ở Tô Châu Giang Tô. (Vương Thụ Thôn sưu tầm)

NHỮNG TRUYỀN THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC PHỤC SỨC





Phục sức và truyền thuyết thần thoại

Trang phục của các dân tộc thiểu số Trung Quốc có màu sắc sặc sỡ, đường nét tinh tế, phụ kiện phong phú và nổi tiếng, sự chú trọng từng chi tiết trên phục sức luôn liên quan tới lịch sử nguồn gốc của dân tộc đó. Những họa tiết, hoa văn và phụ kiện được lưu truyền qua nhiều thế hệ, nó không chỉ đơn thuần là những sản phẩm tinh xảo mà còn là sự kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, nhờ vậy mà chúng ta có thể thấy được toàn cảnh xã hội cũng như những tập tục ẩn sau đó. Ngày nay, vẫn còn không ít dân tộc thiểu số ở những vùng núi xa xôi còn giữ lại phục sức truyền thống của họ, thể hiện nét đẹp văn hóa nguyên sơ khác xa so với văn hóa thương mại thành thị.

Người dân tộc Đức Ngang từ xa xưa đã xuất hiện ở vùng biên phía Tây Nam Trung Quốc. Vật gây chú ý nhất trên trang phục của người phụ nữ dân tộc Đức Ngang là dây lưng dài quấn khoảng chục vòng hoặc hơn chục vòng quanh eo. Truyền rằng tổ tiên người Đức Ngang sinh ra từ trái hồ lô, những người đàn ông đều có khuôn mặt giống hệt nhau, còn những người phụ nữ sau khi ra khỏi trái hồ lô thì bay ngập bầu trời. Lúc này thần linh biến đổi khuôn mặt của những người đàn ông trở nên khác nhau, giúp những người đàn ông bắt những người phụ nữ lại và dùng dây quấn quanh người họ, vì vậy mà những người phụ nữ không thể bay đi. Từ đó, những người phụ nữ ở lại sống chung với những người đàn ông rồi sinh con đẻ cái, con người ngày càng trở nên đông đúc.

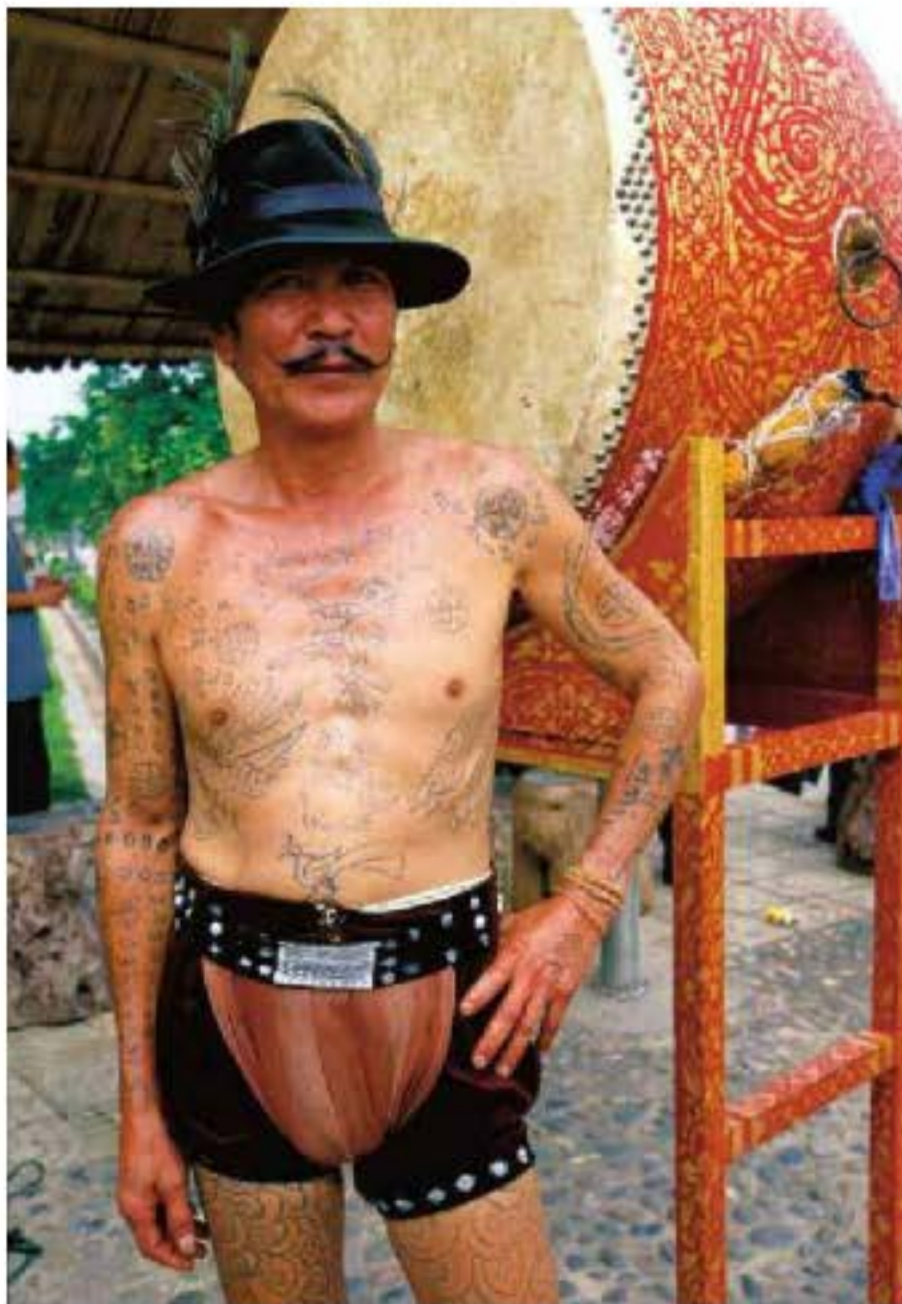
Dây lưng được làm từ mây tre, cũng có loại nửa trước dùng dây đay, nửa sau dùng sợi bạc xoắn. Dây lưng có thể dài ngắn rộng hẹp khác nhau và thường được sơn màu đỏ, vàng, đen, xanh v.v... phía trên khắc hoa văn hoặc bọc vỏ bạc, dây lưng có nhiều phụ kiện kèm theo sẽ được gia công tỉ mỉ hơn và càng trở nên sang trọng hơn. Những sợi dây lưng được làm tinh tế khéo léo thể hiện tình cảm chân thành của những chàng trai đối với người mình yêu; những người phụ nữ đã có gia đình mang càng nhiều dây lưng thì chất liệu cũng càng quý giá, dây lưng thể hiện khả năng



Trang phục truyền thống
Phượng Hoàng của phụ nữ
dân tộc Xa (Lý Lăng vẽ)



Một nhánh của dân tộc Mèo sống ở đặc khu Lưu Chi Quế Châu-Mèo Trường Giác, tổng số dân khoảng 6000 người, đây là một trong những dân tộc thiểu số có số dân ít nhất ở Trung Quốc. Họ thường sinh sống ở trên núi Đại Thanh cao 1600m so với mực nước biển, cuộc sống nguyên thủy cách biệt với thế giới bên ngoài. Phụ nữ nơi này thường đeo đồ trang sức khá nặng và lớn trên đầu, tóc quấn quanh một miếng gỗ cong giống như sừng bò dài khoảng 0,5 – 0,6m, nặng 3 – 6 kg đặt trên đỉnh đầu, sau đó dùng tóc giả quấn bên ngoài thành hình số 8, cao khoảng 15cm, hai bên rủ xuống qua tai gần chạm tới vai. Nó tượng trưng cho sự sùng bái thiên nhiên của dân tộc này. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Săm mình là một đặc trưng văn hóa quan trọng của thổ dân, những hình xăm đều có quan hệ mật thiết với việc sùng bái thần linh. Đây là hình ảnh người đàn ông dân tộc Thái với hình xăm đầy trên người. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")





Dây lưng của phụ nữ dân tộc Đức Ngang.
(Lý Lăng vẽ).

kinh tế của người chồng và vị trí cao của người vợ trong gia đình.

Dây lưng của người phụ nữ dân tộc Di rất đặc biệt, không mềm mại tinh xảo mà rất thô cứng. Trên trang phục truyền thống của người phụ nữ dân tộc Di có một vòng đai lưng to màu đen, dây lưng này thường được làm từ vỏ cây du. Tương truyền, người dân tộc Di cổ xưa khi gặp kẻ thù, phụ nữ và đàn ông đều cùng ra trận, những người phụ nữ anh dũng thiện chiến, khi ra trận họ thường dùng dây đai vỏ sấu quấn quanh người thay cho áo giáp. Sau này, những người phụ nữ không tham gia chiến trận, nhưng vẫn giữ thói quen đeo dây đai màu đen như một vật trang sức, vừa để bảo vệ vừa mang lại may mắn.

Các cô gái dân tộc Ngõa cũng rất chú trọng tới dây lưng, trước đây dây lưng của họ thường được làm từ trúc, mây, chỉ những cô gái nhà giàu mới dùng dây lưng làm bằng chuỗi hạt hoặc tre sơn đen, sang trọng hơn thì có loại dây làm bằng bạc trên có hoa văn. Ngoài ra họ còn thường đeo vòng bạc trên cổ tay và cánh tay, trên đùi và bắp chân đeo vòng trúc hoặc vòng mây.

Dây lưng bạc của người phụ nữ dân tộc Thái rất quý giá, thường là dây lưng của mẹ truyền cho con gái từ đời này sang đời khác. Trong sinh hoạt thường ngày, dây lưng được coi là vật đính ước, nếu như cô gái trao tặng dây lưng cho ai thì có nghĩa là cô gái đã yêu chàng trai đó.

Dân tộc Mông Cổ ở phương Bắc cũng có dây lưng rất độc đáo. Vào mỗi mùa lễ hội trên thảo nguyên, người Mông Cổ thường tổ chức đua ngựa, đấu vật v.v... các chàng trai đều đeo dây lưng bằng vải hoặc da to bản. Trong trang phục thường ngày, dây lưng cũng là vật không thể thiếu được, có loại dây làm bằng da, có loại làm bằng vải bông hoặc vải lụa, dài khoảng 3 - 4m. Vì người Mông Cổ chủ yếu sống bằng nghề chăn nuôi, hơn nữa lại sống trên vùng đất lạnh đầy gió

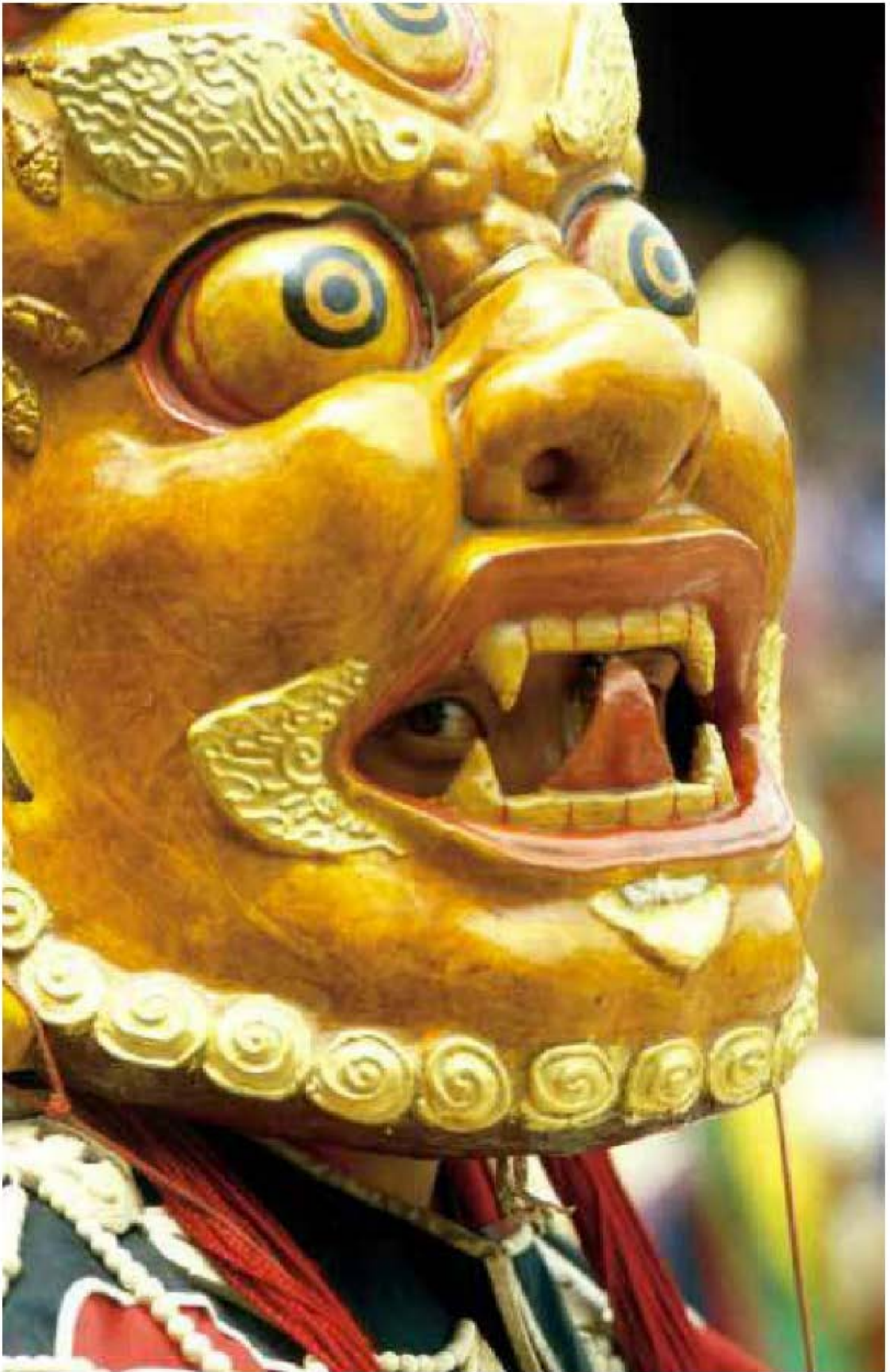
cát nên dây lưng không chỉ có tác dụng phòng tránh gió lạnh mà khi cưỡi ngựa sẽ giúp giữ thẳng lưng. Đàn ông mang dây lưng cưỡi ngựa sẽ dễ dàng hơn, giúp kéo cao vạt áo, ngoài ra còn có thể đeo dao, mỗi lửa và bao đựng thuốc lá trên dây lưng. Phụ nữ khi mang dây lưng thường kéo vạt áo xuống để tà áo phẳng, giúp lộ eo thon.

Dây lưng của người dân tộc Ngạc Ôn Khắc lại mang ý nghĩa văn hóa độc đáo riêng, nếu người đàn ông không mang dây lưng sẽ bị coi là hành vi thất lễ với người khác, phụ nữ thông thường có thể được phép không mang dây lưng, nhưng bắt buộc phải mang khi lao động. Người dân tộc Uy – cu chủ yếu sống bằng nghề chăn nuôi, họ cũng rất chú trọng đến dây lưng. Đàn ông thường mang dây lưng màu đỏ và xanh, ngoài ra trên dây lưng còn đeo dao, mỗi lửa, đá đánh lửa, bình rượu, túi thuốc hoặc bao thuốc lá v.v... Phụ nữ thường mang dây lưng màu đỏ, xanh và tím, trên dây lưng còn thắt thêm khăn tay có màu sắc sặc sỡ. Người dân tộc Nga sống ở vùng Tây Bắc Trung Quốc thích mang dây lưng nhỏ và được làm bằng da thuộc hoặc vải, nhưng chủ yếu là loại dây lưng bện từ sợi bông, bên trái có khuy móc, đầu dây rủ xuống tự nhiên. Người dân tộc Khương thêu hoa đào rất giỏi, họ thường tự tay chọn vải may dây lưng và thêu lên đó nhiều loại hoa đào với màu sắc sặc sỡ.

Dây lưng với nhiều kiểu dáng khác nhau thể hiện nét văn hóa phong phú và hiệu quả trang sức đặc biệt đã thu hút sự chú ý của những nhà nghiên cứu và các nhà thiết kế thời trang hiện đại. Lăn theo nguồn gốc có thể thấy dây lưng mang ý nghĩa sùng bái siêu nhiên; song dưới con mắt của những người luôn đòi hỏi sự thay đổi và chú trọng đến vẻ đẹp thời trang thời nay, dây lưng đã trở thành một vật thịnh hành không thể thiếu được.

Nếu đi qua tỉnh Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tây v.v... sẽ nhìn thấy những cô gái dân tộc Xa và sẽ bị thu hút bởi kiểu “mũ phượng hoàng” kì lạ của họ. “Mũ phượng hoàng” là kiểu khăn màu đỏ quấn tròn hình quả cân từ phía sau gáy vòng tới trán, tóc bên trong được bện với những sợi dây màu đỏ. Những người phụ nữ đã kết hôn sẽ để kiểu tóc khác, tóc phía sau được chải thành hình chiếc ống dài, dùng dây màu đỏ buộc tròn lại, sau đó đội mũ hình mào gà lên nửa đầu phía sau. Ngoài ra còn có ống trúc nhỏ dài khoảng 5cm hoặc nhỏ hơn đặt trên đỉnh đầu, sau đó quấn túm tóc đã buộc dây đỏ quanh ống trúc theo hình xoắn ốc. Khi chải tóc, phải dùng dầu chè hoặc nước thoa lên, như vậy tóc càng bóng, cao và bóng hơn.







Vải nhuộm thường dùng để may trang phục của phụ nữ dân tộc thiểu số ở Quế Châu, vải có nền trắng in hoa văn màu xanh. Trong hình là mẫu vải in hình chim công và các hoa văn tinh tế. (Ảnh: Hà Hoài Ba, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

“Mũ phượng hoàng” của cô dâu thường được làm từ ống trúc nhỏ và nhọn, sau đó bọc vải màu vàng bên ngoài, phía trên trang trí những dải lụa đỏ, chuông bạc, phía sau có bốn miếng vải đỏ dài xuống đến thắt lưng, phía trước có một hàng hình nhân bằng bạc rủ xuống trước trán để che mặt, giúp cho cô dâu càng trở nên xinh đẹp và huyền bí hơn. Trong những ngày hội lớn, người dân tộc Xa thường mặc “trang phục phượng hoàng” để tỏ lòng nhớ tới tổ tiên và mong cầu được tổ tiên che chở, đây là kiểu trang phục thể hiện sự sùng bái tổ tiên. Phục sức của người Trung Quốc hay của toàn nhân loại đều phản ánh quan niệm văn hóa sùng bái nguyên thủy qua tổng thể hoặc chỉ qua một vài chi tiết nhỏ trên trang phục.

Tương truyền tổ tiên của người Xa là Bàn Hồ Vương, do có công đuổi giặc ngoại xâm nên ông được thủ lĩnh bộ tộc gả cho cô công chúa thứ ba. Ngày cưới của Bàn Hồ Vương, mẹ cô dâu đưa cho con gái một chiếc mũ phượng hoàng và một bộ trang phục phượng hoàng có đính châu báu, coi đó như là lời chúc phúc cho con gái. Sau này công chúa sinh được ba người con trai và một người con gái, cuộc sống vô cùng hạnh phúc. Khi con gái của bà đi lấy chồng, chim phượng hoàng từ trên núi bay xuống (nay là núi Phượng Hoàng ở Quảng Đông), cắp theo một bộ trang phục phượng hoàng ngũ sắc rực rỡ. Từ đó về sau, phụ nữ dân tộc Xa cho rằng trang phục phượng hoàng đẹp nhất, nó mang ý nghĩa thần bí và tượng trưng cho sự may mắn.





Phục sức Trung Quốc

Trang phục phượng hoàng ngày nay được thêu họa tiết màu đỏ, hồng đào hoặc vàng, những bộ trang phục rực rỡ như lông chim phượng hoàng còn được thêu chỉ kim tuyến lấp lánh. Mũ phượng hoàng tượng trưng cho sự cao quý. Vì trong truyền thuyết, phượng hoàng là loài chim rất am hiểu âm nhạc nên được coi là nhà soạn nhạc trong thế giới thần tiên, nên trên bộ trang phục này còn đính rất nhiều phụ kiện bằng bạc tạo tiếng kêu leng keng giống như tiếng chim phượng hoàng vậy.

Người dân tộc Di sinh sống ở Đại Tiểu Lương Sơn Xuyên Điển có bộ trang phục áo giáp da truyền thống độc đáo có lịch sử lâu đời. Người Di tôn sùng áo giáp da, họ tin rằng áo giáp da có thể bảo vệ họ và gia đình bình an. Tương truyền rằng, người dân tộc Di cổ xưa dùng da tê giác và da voi làm áo giáp, nay là những chiếc áo được lót bằng da bò, trên bề mặt sơn và vẽ hoa văn màu sắc, thường vẽ hình động vật như rồng uốn lượn, bốn phía là mũi tên, bao quanh là mây hồng. Nó mang ngụ ý: rồng là con vật được thần linh phái xuống trần gian giúp đỡ những người mặc áo giáp bình an trước ngọn giáo mũi kiếm và chiến thẳng kẻ thù. Áo giáp cổ xưa của người Di được chia thành hai loại: áo giáp màu đen và áo giáp màu đỏ. Người Di cũng rất hay dùng đồ vật có màu đen, đỏ và vàng, màu đen tượng trưng sự tôn quý trang trọng, màu đỏ tượng trưng sự dũng cảm nhiệt tình, màu vàng tượng trưng sự quang minh cao đẹp. Người Di tôn sùng màu đen, lửa và vũ lực, điều này đều được thể hiện trên áo giáp da.

Những cô gái dân tộc Thái thường thêu hình chim công trên trang phục, ngoài việc thể hiện tình cảm nhớ về tổ tiên, họ còn tin rằng chim công là vật mang lại may mắn cho người Thái. Trong một truyện thơ của người Thái kể về một cô công chúa chim công xinh đẹp dịu hiền, một hôm nàng bay xuống hồ tắm, một chàng hoàng tử thẩm yêu nàng đã lấy váy chim công của nàng giấu đi với hi vọng công chúa sẽ ở lại. Rồi công chúa ở lại và họ yêu nhau, trở thành vợ chồng, sống rất hạnh phúc. Sau khi nhà vua cha của công chúa biết tin liền sai lính đến trừng phạt, hoàng tử dẫn quân đi đánh. Nhưng vua cha của hoàng tử tin vào lời gièm pha nên muốn giết công chúa, công chúa cầu xin được mặc bộ váy chim công để múa một lần trước khi chết, nhân cơ hội đó nàng đã bay đi mất. Hoàng tử cầu xin thần linh giúp đỡ, vượt qua núi cao biển rộng để được đoàn tụ với công chúa. Để tưởng nhớ đến đôi uyên ương hạnh phúc này, vào những ngày lễ lớn người Thái thường mặc váy chim công, hoặc trang phục có



Đây là trang phục thường thấy của người Mèo, chiếc mũ bạc có hình hai chiếc sừng, dài nhất cũng khoảng bằng nửa chiều cao người đội, mũ trạm trổ tinh tế, mang đậm chất sùng bái thần linh. (Ảnh: Trần Nhất Niền, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

thêu hình chim công và cùng nhau nhảy múa, để tỏ ước nguyện được thành đôi hạnh phúc.

Người dân tộc Dao sống ở Quảng Tây, đàn ông đều mặc quần trắng, trên đầu gối khâu năm hoặc bảy miếng vải đỏ thẳng dọc xuống, có loại thêu bằng chỉ đỏ, sau đó thêu thêm những hoa văn nhỏ có nhiều hình dạng khác nhau. Kiểu quần trắng thêu chỉ đỏ hoặc khâu vải đỏ này cũng có nguồn gốc từ câu chuyện tưởng nhớ đến tổ tiên. Từ xa xưa, tổ tiên người Dao sống cuộc sống yên bình, bỗng nhiên xuất hiện một con quỷ dữ bắt họ phải phục tùng và cống nạp thức ăn và những cô gái cho nó. Trong bộ lạc có một chàng trai khôi ngô dũng mãnh đã dẫn già trẻ gái trai đi tìm giết quỷ dữ và truy đuổi nó vào tận núi sâu. Khi mọi người tới nơi thì chàng trai đã chết, trong tay anh vẫn còn nắm chặt tóc của con quỷ, trên quần áo còn vết máu do bị móng vuốt của quỷ cào rách. Để tưởng niệm người anh hùng này, đồng thời cũng để khích lệ bản thân mình, mọi người đã may quần trắng và





thêu lên đó những đường thẳng màu đỏ tượng trưng cho vết máu do bị con quỷ cào rách trên quần áo chàng trai đó.

Những chiếc mũ kì lạ

Dân tộc Ngạc Luân Xuân sống ở vùng núi Hưng An Trung Quốc từ xa xưa đã có truyền thống may trang phục từ da và lông động vật. Trang phục của họ chủ yếu làm bằng da hươu bào, trang phục thu đông thường được may từ da và lông hươu bào săn bắt vào mùa thu hoặc mùa đông, vì khi đó lông hươu bào dài và dày, da cũng dày và chắc chắn, giữ ấm rất tốt; trang phục mùa hè thường được may từ da và lông hươu bào được săn bắt vào mùa hè, vì khi đó da và lông hươu bào mềm mại và ngắn.

Trang phục làm từ da hươu bào của người Ngạc Luân Xuân bao gồm áo khoác, áo cánh, quần, boots, áo lót, găng tay, váy và túi v.v... đều được làm từ da hươu bào. Trong số đó, đặc biệt nhất là mũ đầu hươu bào. Loại mũ này được làm hoàn toàn từ bộ da và lông trên đầu con hươu bào, cách làm truyền thống là cắt đầu hươu bào phơi khô, sau đó bôi gan thú đã tán nhuyễn như hồ hoặc gỗ mục trộn nước, quấy tròn lại, để qua một hai ngày, mỡ trên da thú mềm và lên men, sau đó bỏ lớp gỗ mục ra, vò nhiều lần cho da thật mềm. Phần hốc mắt được khâu hai miếng da màu đen trông giống như đôi mắt, sau đó cắt bỏ hai tai, thay vào đó là đôi tai giả làm từ da hươu bào. Như vậy, đã hoàn thành chiếc mũ đầu hươu bào tuyệt đẹp. Loại mũ này bắt buộc phải dùng tai giả là vì khi đi săn, chiếc mũ trở thành vật ngụy trang, thợ săn ẩn mình trong lùm cây, chỉ có chiếc mũ lộ ra ngoài, những con hươu bào không để phòng vì nhầm tưởng đó là đồng loại, nó sẽ xuất

hiện gần tầm ngắm của thợ săn, giúp cho việc bắt chúng trở nên dễ dàng; nếu trên mũ để tai thật của hươu, những người thợ săn khác sẽ lầm tưởng hươu thật và bắn nhầm.

Khăn quấn đầu của nam nữ thanh niên dân tộc Mèo ở vùng Tây Nam Hồ Nam và phía đông Quý Châu, chiều ngang khoảng 4,5m, chiều dài khoảng hơn 10m, khăn được quấn tầng tầng lớp lớp quanh đầu, càng cao càng đẹp và càng lạ. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")





Ở vùng Trung Nguyên có truyền thống người lớn thường mặc cho trẻ trang phục giống con hổ, ví dụ như mũ, giày, tất, găng tay, gối, đồ chơi đều có hình hổ. Em bé trong hình đội mũ hình con hổ. (Chụp năm 1950, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

Dân tộc Ta-hua sinh sống ở vùng Đông Bắc Trung Quốc cũng rất ưa chuộng loại mũ làm từ da đầu động vật, nhưng họ không chỉ dùng da đầu hươu bào mà còn dùng da cáo và da sói. Ở vùng Đông Bắc Trung Quốc còn có dân tộc Ngạc Ôn Khắc sống quần tụ ở những vùng rừng núi rậm rạp, thảo nguyên và khu vực lòng chảo gần sông Ngạch Nhĩ Cổ Nạp, họ cũng chuộng đội mũ đầu thú được làm từ da đầu hươu bào và nai. Dùng đầu thú làm mũ là một nét văn hóa đặc thù của dân du mục Đông Bắc, nó gắn liền với nghề săn bắn của họ.

Mũ đội trên đầu có vị trí cao nhất trong tổng thể một bộ trang phục, vì vậy nó được chú trọng đặc biệt. Sách sử thường ghi chép lại nguồn gốc của dân tộc, trí tuệ của loài người, khí hậu các vùng miền, hoặc ghi lại vị trí xã hội và điều kiện kinh tế v.v... tất cả đều được thể hiện qua trang phục. Nhìn một cách tổng thể có thể thấy, con người luôn phát huy khả năng thẩm mỹ của mình qua chiếc mũ của họ, bất luận thể hiện điều gì cũng đều không thể thiếu được tiêu chuẩn đầu tiên là phải đẹp.





[Giày da]

Khi mùa đông giá rét, người Trung Quốc cổ đại thường đi giày da, những cổ vật được cho là xuất hiện sớm nhất được tìm thấy trong mộ cổ thời Chiến Quốc ở Trường Sa Hồ Nam. Giày làm bằng da thuộc, đế giày làm bằng da cứng, miếng da thuộc được cắt thành nhiều miếng theo hình bàn chân, bốn phía khâu thành những đường dài, mặt giày khâu thành hình vuông, sau đó khâu từng miếng da lại thành thân giày, công đoạn cuối cùng là đóng đế giày.



Kiểu mũ độc đáo của phụ nữ dân tộc Dao ở Qua Sơn Quảng Tây. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

Mũ nữ trắng của người Uy-cu có hình dạng như chiếc kèn, "miệng kèn" loe ra tạo thành vành mũ tròn, phía trên có hai vòng dây bện màu đen, "thân kèn" dựng đứng tạo thành chóp mũ dài và nhọn, trên thân mũ thêu các loại hoa văn, ngoài ra còn gắn những chùm tua rua màu đỏ. Tương truyền rằng loại mũ này là để tưởng nhớ tới một vị nữ anh hùng trong lịch sử dân tộc Uy-cu, bà đã chiến đấu với quỷ dữ đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ dân làng, những chùm dây tua rua tượng trưng cho dòng máu đỏ của vị nữ anh hùng đó.

Những cô gái người dân tộc Di sống tập trung ở khu vực ven sông Hồng tỉnh Vân Nam luôn đội một kiểu mũ mào gà. Chiếc mũ này cũng gắn liền với một truyền thuyết. Tương truyền rằng, xưa có một đôi nam nữ yêu nhau vì muốn đi tìm hạnh phúc và giải phóng dân làng khỏi cuộc sống tối tăm nên đã đi tìm đánh quỷ dữ, nhưng không may họ bị rơi vào tay quỷ. Sau này cô gái trốn thoát ra ngoài, nhờ già làng bày mưu, cô nhờ gà trống gáy gọi mặt trời lên xua đuổi quỷ dữ, nhờ đó mà cô gái cứu sống được người yêu, dân làng được bình yên. Mọi người cho rằng, gà trống đã mang lại ánh sáng, may mắn, bình an và hạnh phúc cho nhân gian. Để ghi nhớ công ơn của gà trống, dân làng đã làm chiếc mũ mào gà đội trên đầu cô gái. Ngoài dân tộc Di, thiếu nữ các dân tộc khác như dân tộc Ha-ni, dân tộc Bạch ở

Vân Nam cũng đều thích đội kiểu mũ này, các loại mũ kiểu này có kiểu dáng khá giống nhau.

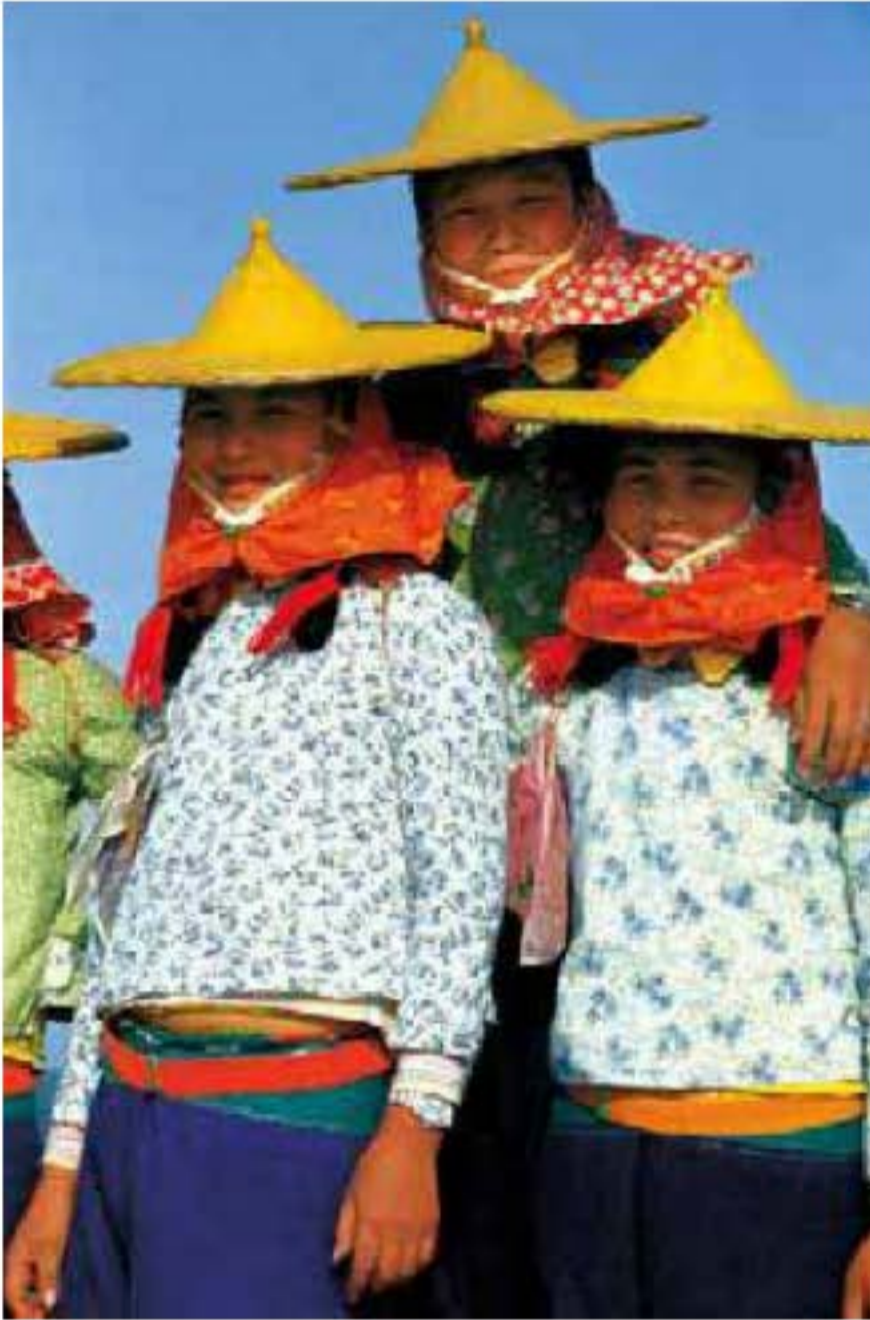
Mũ của người Kha Nhĩ Khắc Tư cũng gắn liền với một truyền thuyết. Thời xa xưa, có một vị đại vương dũng cảm và thông minh, khi xung trận ông phát hiện binh lính hai bên hỗn loạn khó phân biệt ta và thù. Thế nên, ông đã ra lệnh, trong vòng 40 ngày làm ra một loại mũ thống nhất cho toàn quân. Loại mũ này vừa phải giống ngôi sao có thể phát sáng lại giống như sườn núi có cỏ xanh bao phủ, vừa có thể tránh mưa tuyết lại có thể che gió bụi. 39 ngày trôi qua, vẫn chưa ai thiết kế được loại mũ vừa lòng đại vương và dân chúng. Đến ngày thứ 40, cô con gái thông minh và xinh đẹp của một vị mưu thần đã thiết kế ra một loại mũ nỉ trắng đặc biệt, đại vương vô cùng hài lòng, ông cho toàn bộ binh lính đội, từ đó nó được lưu truyền đến ngày nay. Loại mũ này được làm từ lông cừu, đỉnh mũ bằng hoặc nhọn, vành mũ tròn được chia thành hai phần trước và sau đều nhau, có thể dựng lên, giúp tránh mưa; nếu kéo vành trước xuống sẽ che nắng; kéo hai vành mũ xuống sẽ che được gió bụi. Người Kha Nhĩ Khắc Tư coi đây là mũ thánh, nên những lúc bình thường không đội mũ sẽ được treo trên cao hoặc để ở chỗ ít bị chạm tới, không được phép vút mũ lung tung, càng không thể lấy chân đạp lên, không được lấy mũ ra làm trò cười, vì như vậy sẽ không may mắn.

Phụ nữ quý tộc Mông Cổ thời cổ đại thường mang loại mũ cao và lớn, sau này nó được dùng phổ biến hơn, vào dịp lễ hội lớn những người phụ nữ bình



Mũ của đàn ông dân tộc Hà Nhi Vân Nam.
(Ảnh: Ngô Gia Lâm, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")





Phụ nữ ở Huệ An Phúc Kiến đấu đội nón lá và khăn hoa, trên nón sơn màu vàng, nón có tác dụng che mưa che nắng. Khăn hoa có hình vuông, thường được làm từ vải nền trắng in hoa nhỏ màu xanh lá hoặc xanh lam, hoặc vải nền xanh in hoa nhỏ màu trắng, khăn được gấp thành hình tam giác quấn lên đầu, dùng để che gió bụi, giữ ấm hoặc giữ mát và giữ tóc không bị rối. (Ảnh: Vương Miêu, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

thường cũng được đội. Loại mũ này được làm từ vỏ cây song tử điệp, mũ cao khoảng 30 – 50 cm, đỉnh chia bốn cạnh, bên ngoài được bọc lụa nhiều màu, ngoài ra còn trang trí khảm trai, hổ phách, lông chim công hoặc lông gà rừng v.v... Những phụ kiện trang trí trên mũ có thể thêm bớt tùy ý, nhưng không thể thiếu lông chim. Ngoài ra, các cô gái còn dùng thêm dải khăn dài khoảng 1m hoặc dải lụa quấn quanh mũ. Tùy tuổi tác và địa phương từng vùng mà cách quấn dải khăn này cũng có sự khác biệt.

Các dân tộc theo đạo Isalamabad và đạo chính giáo Cơ Đốc đều rất chú trọng đến mũ, thậm chí hàng ngày họ không thể rời khỏi chiếc mũ, vì quan niệm đạo giáo, không đội mũ đi ra ngoài là tội bất kính đối với trời, không đội mũ mà xuất hiện trước mặt người lớn tuổi là bất kính với họ. Người dân tộc Bạch chuộng loại mũ

tròn nhỏ làm từ vải trắng, không có vành, loại mũ này và mũ vải đen đều được gọi là "mũ lễ", tức là mũ dùng khi làm lễ. Do liên quan đến việc người Bạch theo các giáo phái khác nhau, nên mũ có kiểu 5 góc, 6 góc, 8 góc khác nhau, thậm chí còn có loại mũ tròn cứng. Màu sắc khăn quấn và mũ của phụ nữ cũng khác nhau tùy theo tuổi tác, địa phương và giáo phái. Từ đó có thể thấy, các loại mũ luôn có liên quan tới tín ngưỡng tôn giáo.

Đa số người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương theo đạo Isalamabad, già trẻ gái trai đều đội mũ, mũ của họ phổ biến

hơn so với dân tộc Hồi. Mũ của người Duy Ngô Nhĩ rất đẹp, không chỉ có hoa văn tinh tế mà kiểu dáng cũng rất phong phú, ngoài ra còn có rất nhiều điều liên quan tới nó, ví dụ như tùy theo địa phương, giới tính, tuổi tác và từng hoàn cảnh mà dùng mũ hoa theo các kiểu loại khác nhau. Có thể nói rằng, mũ hoa của người Duy Ngô Nhĩ nổi tiếng như những bài hát những điệu múa của họ vậy, nó vừa là đồ dùng hàng ngày vừa là món đồ nghệ thuật. Nó có kiểu dáng đa dạng, hoa văn đẹp, có loại thêu hoa trắng tinh tế, có loại sặc sỡ nhiều màu, đan xen là những con chim nhỏ, có loại viền tròn bởi vô số những bông hoa nhỏ, có loại cầu kì hơn thì dùng chỉ kim tuyến thêu hoa văn lấp lánh.



Kiểu mũ mùa đông làm từ da thú của thợ săn dân tộc Mông Cổ. (Ảnh: Ngạc Bác, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")





Khăn choàng và khăn phủ lưng

“Khăn choàng hình sao và trăng” hay “khăn choàng bảy ngôi sao” là loại khăn choàng làm từ da cừu của phụ nữ dân tộc Nạp Tây. Loại khăn này được làm từ da cừu đen, mép ngoài được khâu vải nỉ đen viền rộng 6cm. Hai bên vai dùng sợi thêu thành hai hình tròn, tượng trưng cho mặt trăng và mặt trời. Phía dưới có 7 vòng tròn nhỏ xếp thành hàng, tượng trưng cho các vì sao. Sau đó dùng dây vải trắng buộc hình chữ thập trước ngực để giữ khăn choàng cố định.



Ngoài phụ nữ Nạp Tây, các dân tộc thiểu số khác cũng dùng nhiều kiểu khăn choàng khác nhau. Phụ nữ dân tộc Di sống ở phía Tây Nam Vân Nam cũng ưa dùng loại khăn đặc biệt “khăn phủ lưng”, có tác dụng tương tự khăn choàng: khi đi núi phải đeo gùi nặng sau lưng, dùng khăn phủ sẽ tránh bị thương ở lưng, đồng thời giữ ấm cho lưng; ngoài ra có thể dùng khăn lót khi mệt ngồi nghỉ. Khăn phủ lưng da cừu của người Nạp Tây khác với khăn phủ lưng của người Di ở chỗ khăn của họ khá nhỏ, chỉ với đường kính khoảng 25cm và dày 1cm, hơn nữa khăn không làm bằng da cừu mà làm từ miếng thảm tròn dệt từ lông cừu. Trên khăn có gắn hai dải dây thêu hoa dài gần 2m, hai dây được buộc lại trước ngực, “khăn phủ” được đeo sau lưng che phần eo và mông. Khăn phủ lưng có hai loại: Một loại truyền thống, bề mặt không có khăn vải bao phủ, trên miếng thảm lông cừu trắng thêu hai hình có họa tiết trống đồng giống nhau và hai hình chữ nhật nằm ngang. Những hình

Trang phục phụ nữ dân tộc
Độc Long. (Lý Lăng vẽ)



Khăn choàng thêu sắc sỡ thời nhà Thanh. (Ảnh: Chu Tố Đài)

này thường có màu đen, ở giữa có điểm xuyết màu đỏ vàng, kiểu dáng thô kệch. Một loại có khăn vải đen bao phủ bề mặt, phía trên thêu các họa tiết tinh tế đẹp mắt. Khi mang khăn phủ trên lưng có thể thấy màu sắc sắc sỡ hài hòa với trang phục trên người, tạo nên vẻ đẹp đặc biệt của bộ trang phục phụ nữ dân tộc Di ở Trấn Tây.

Có một truyền thuyết đẹp liên quan đến chiếc khăn phủ lưng như sau: Tương truyền rằng từ thời xa xưa, chiến tranh loạn lạc, các cô gái dân tộc Di bị quân lính đuổi bắt đã trốn vào động Thanh Hoa ở phía đông Đại Lí, đang lúc các cô gái hoảng loạn lo lắng thì trong động có những con nhện bò ra nhả tơ đan kín cửa động. Khi quân lính tới nơi thấy cửa động bị mạng nhện che kín, chúng cho rằng trong động không có người nên vội vã rút đi. Sau khi các cô gái thoát hiểm, để cảm ơn ân cứu mạng của nhện, các cô gái đã thêu hình những con nhện trên khăn phủ, đó chính là hai hình tròn có điểm xuyết những góc nhọn. Ngoài ra còn có cách giải thích khác, hai hình tròn là đôi mắt đang mở to, khi phủ khăn lên lưng, phía sau lưng như có thêm đôi mắt, khiến cho ma quỷ sợ mà tránh xa.





Tranh vẽ người phụ nữ thời nhà Minh khoác khăn choàng. (Trong bộ "Sáu mươi thiếu nữ" của họa gia Thù Anh người thời Minh)



Khăn choàng thêu truyền thống. (Trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Khăn choàng phủ lưng của phụ nữ dân tộc Nạp Tây.
(Ảnh: Lý Chí Hùng, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

Những người phụ nữ dân tộc Môn Ba sống ở huyện Mặc Thoát và vùng Môn Ngung Tây Tạng cũng có thói quen khoác ngoài áo một tấm da sơn dương hoặc da bò. Các thiếu nữ thường khoác khăn choàng làm bằng bộ da cừ non còn giữ nguyên đuôi và bốn chân, sau khi trưởng thành họ sẽ được khoác khăn choàng làm bằng tấm da sơn dương hoặc da bò. Trong ngày cưới, cô dâu cũng phải khoác khăn choàng làm bằng một bộ da cừ đẹp. Tương truyền rằng, khi được gả về Tây Tạng, công chúa Văn Thành thời nhà Đường (? – 680) từng khoác một tấm da thú, khi tới Môn Ngung, công chúa đã tặng tấm khăn da này cho những người phụ nữ Môn Ba. Điều đó cho thấy, đây là một truyền thuyết liên quan đến giao lưu văn hóa dân tộc. Tấm da cừ và da bò non khoác trên lưng chủ yếu có hai công dụng, một là vùng Môn Ngung khí hậu lạnh giá khắc nghiệt, khoác thêm tấm da sẽ giúp giữ ấm, tránh mưa gió; hai là vùng núi này có nhiều sườn núi dốc, đường đi nhỏ hẹp,



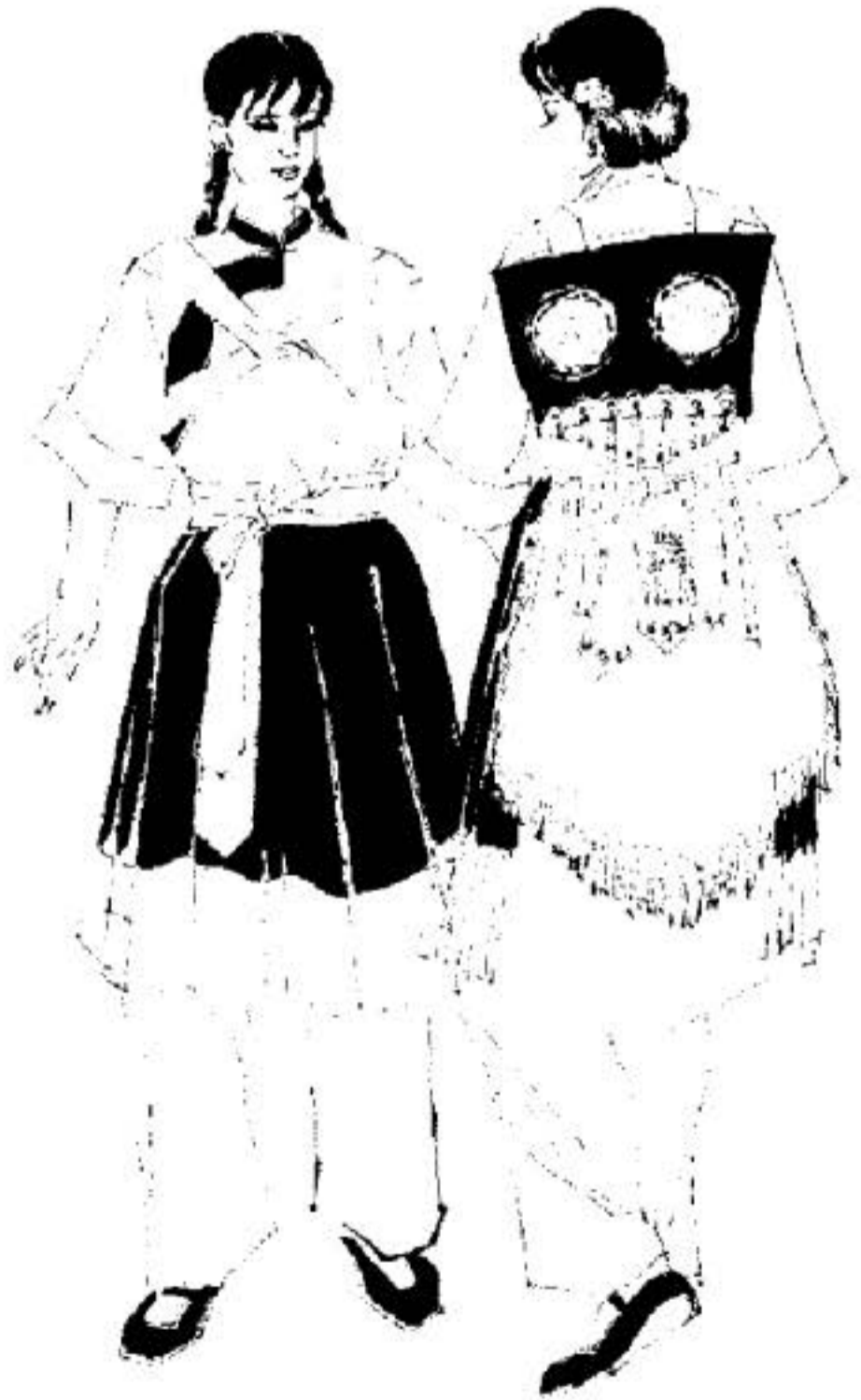


Phục sức Trung Quốc

khi phải mang vác đồ nặng trên lưng sẽ khó di chuyển, tấm da cừu sẽ giúp cho lưng không bị đau.

Nam nữ dân tộc Di ở Đại Liên Sơn và Tiểu Liên Sơn ở Xuyên Điển đều mặc trang phục “sát nhĩ ngôa”. “Sát nhĩ ngôa” lớn bằng chiếc áo khoác ngoài, được dệt từ lông cừu, có lớp lót dệt sợi đay bên trong, trang phục này có tác dụng rất lớn, đây là “áo che nắng, áo che mưa, chăn đắp ấm”. Người già thường mặc “sát nhĩ ngôa” màu đen và xanh, thanh niên thích những màu sắc sỡ hơn như màu đỏ, vàng, xanh, cam, phấn hồng v.v... Áo được phủ qua vai và buộc ở dưới cổ, hai vạt phía trước mở, phía dưới có tua rua, vì vậy đàn ông mặc “sát nhĩ ngôa” trông rất oai phong, nếu quần thêm khăn trên đầu trông càng oai phong dũng mãnh; phụ nữ mặc “sát nhĩ ngôa” màu sắc rực rỡ, trên đầu quấn khăn hoa, bên dưới để hai bím tóc nhỏ, trông rất đoan trang thanh thoát.

Tấm da cừu phủ vai của người Khương không có khuy cài phía trước, trông khá giống áo choàng. Đây là một phục sức mang tính dân tộc, nó có tên gọi tấm da “xuất phong”, bất luận già trẻ gái trai ai ai cũng có. Tấm da này có mặt da ngoài bóng và lớp lông ở bên trong, đường viền khâu hoa văn hoặc khâu đường thẳng đơn giản. “Xuất phong” có nghĩa là sợi lông dài ở mặt trong tấm da lộ ra ngoài đường viền vai, vạt trước và vạt dưới. Khi trời mát sẽ mặc lớp lông ở trong, trời mưa thì lộn ra ngoài, như thế sẽ giúp cho



Trang phục của phụ nữ dân tộc Nạp Tây Vân Nam. (Lý Lăng vẽ)

nước mưa chảy theo những sợi lông rơi xuống dưới (giống như “sát nhĩ ngōa” của người Di, “xuất phong” cũng có tác dụng như chiếc áo tơ). Người dân tộc Khương còn có một kiểu áo khoác dệt từ lông cừu màu nâu đen, dài khoảng 1.5m, khá dày và thô. Nó có tác dụng che mưa, giữ ấm như áo khoác, khi cần nó cũng được dùng như miếng đệm để ngồi hoặc làm chần đắp, hoặc phủ lưng khi mang vác đồ nặng.

Những người khoác khăn choàng đều toát lên phong thái phóng khoáng oai phong, nhất là khi khoác khăn vải đay hoa văn của dân tộc Độc Long, tiếng dân tộc gọi là “ước đa”, người Độc Long quen gọi là “thảm Độc Long”. Nó là phục sức đặc sắc nhất của người Độc Long, già trẻ gái trai Độc Long đều khoác khăn vải đay này. Kiểu khoác khá đơn giản, khăn được khoác xéo một bên vai, còn một bên vai để lộ, thông thường để lộ vai trái. Nhưng nếu chú ý sẽ thấy một điều rất thú vị: đàn ông thường khoác khăn luôn dưới nách bên trái sang vai bên phải, thắt nút trước ngực, còn phụ nữ thường khoác hai chiếc khăn vuông từ vai xéo xuống đầu gối, khăn hai bên trái phải đều được quấn quanh sườn và hướng về phía trước, một chiếc quấn từ trái sang phải, sau đó dùng dây thắt chặt, che kín phía trước và phía sau, một chiếc quấn từ phải sang trái thả tự do.

Loại khăn này có họa tiết lớn hoặc nhỏ, kết hợp hài hòa, màu sắc đơn giản đẹp mắt, nên nhiều dân tộc khác ở các khu vực lân cận cũng ưa dùng. Nhưng khi họ mang chiếc khăn này trên người, dường như vẫn luôn thiếu đi thần thái độc đáo rất riêng của người Độc Long. Nam nữ Độc Long đều để tóc dài, phía trước trán cắt tóc mái, tóc phía sau để dài phủ vai, hai bên để tóc mai, tai đeo bông tai tròn và to hoặc dùng đeo que trúc nhỏ. Con gái Độc Long trước đây thường sẫm mặt, ngoài ra họ còn dùng nhọ nổi trộn thành nước màu đen, sau đó vẽ hoa văn trên mặt.

Đa số các loại áo khoác đều là những sản phẩm được hình thành từ lao động sản xuất hoặc sinh hoạt hàng ngày, hơn nữa cho đến nay nó vẫn còn lưu giữ hai tác dụng quan trọng là trang trí và che mưa nắng. So với các loại trang phục khác thì áo khoác luôn thể hiện tính tự do phóng khoáng và nguyên thủy, mang vẻ đẹp chất phác và oai hùng. Đây có lẽ chính là điều mà trang phục hiện đại còn thiếu chăng?

Phục sức vùng cao nguyên Thanh Tạng

Vùng cao nguyên Thanh Tạng xa xưa là nguồn cội của các dân tộc thiểu số như dân tộc Tạng, dân tộc Môn Ba, dân tộc Lạc Ba v.v... Dãy núi Hymalaya





Phục sức Trung Quốc

hùng vĩ và dòng sông Nhã Lỗ Tạng Bồ rộng lớn đã tạo nên tính cách phóng khoáng hoang dại của các dân tộc này và cũng hình thành nên văn hóa phục sức của vùng cao nguyên Thanh Tạng khác lạ so với các dân tộc ở các khu vực khác.

Rất khó để khái quát phục sức của dân tộc Tạng qua một hai kiểu trang phục. Trên thực tế, trang phục ở vùng Thanh Tạng thiên hình vạn trạng với vô số kiểu dáng và chủng loại khác nhau.

Kiểu trang phục đặc sắc nhất của dân tộc Tạng là áo bào Tạng. Già trẻ gái trai đều mặc áo bào, thân áo dài có đường viền khảm bao quanh, áo không có túi cũng không có cúc, thường đường viền có màu đen, vào ngày lễ lớn phải mặc áo có đường viền màu sắc tươi sáng; phụ nữ thường mặc áo sắc sỡ hơn nam giới. Tiêu biểu nhất là áo có đường viền dẹt len, màu sắc và họa tiết tinh tế, đặc biệt là đường viền áo bào của dân du mục thường có màu xanh lam, xanh lá, tím, đen, cam, vàng, trắng sữa v.v... với các họa tiết sắc sỡ nhiều màu. Áo bào da của nữ thường có đường viền vai, vạt dưới và tay áo rộng khoảng 10cm với những họa tiết nhiều màu như vàng, đỏ, xanh, tím, hơn nữa còn phối thêm nhiều màu, đỏ phối với xanh lá, trắng phối với đen, đỏ phối với xanh lam, vàng phối với tím v.v... có lúc còn pha thêm chỉ kim tuyến, cách phối màu này giúp cho áo có màu sắc hài hòa thanh thoát và đầy sức cuốn hút.

Ở vùng Thanh Hải, các nơi như Cam Nam, Thiên Trúc ở Cam Túc và A Bội ở Tứ Xuyên v.v... thanh niên đều thích mặc trang phục làm từ da báo, sở thích này có liên quan đến đời sống của quân lính thời kì Thổ Phồn, khi đó da báo được dùng làm vật ban tặng cho những dũng sĩ và những người có công lao trên chiến trường, đuôi báo dùng để bêu riếu những kẻ yếu đuối và đào tẩu. Do khí hậu cao nguyên có đặc điểm buổi sáng và buổi tối lạnh, buổi trưa nóng, nên vào buổi trưa mọi người đều thích bỏ tay áo xuống cài vào thắt lưng, như vậy sẽ giúp giảm bớt nóng bức, điều hòa được thân nhiệt. Trước đây, đàn ông vùng cao nguyên thường để mình trần phía trên với hai cánh tay đen xạm rắn chắc. Cùng với mức sống được nâng cao và ảnh hưởng từ trang phục thành phố hiện đại, vào những ngày lễ lớn và những dịp giao lưu văn hóa, đàn ông dân tộc Tạng vẫn có thói quen mặc áo sơ mi trắng bên trong áo bào, còn phụ nữ thì mặc áo vải thô in hoa nhỏ để lộ một bên tay và vai, kiểu trang phục dân tộc Tạng điển hình này đã rất quen thuộc với mọi người.

Ngoài áo bào, ở La Sa, Nhật Ca Tắc và vùng đất Khang Ba rộng lớn còn có một kiểu trang phục "bang đơn" đặc trưng. Đây là kiểu trang phục có



Khăn quấn đầu của phụ nữ dân tộc Tạng ở vùng Ngọc Thụ Tạng Thanh Hải. (Ảnh: Địch Đông Phong, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Trang phục phụ nữ dân tộc Tạng ở vùng Lí Đường Mục Tứ Xuyên. (Ảnh: Lâm Tinh Hoa, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Thanh niên dân tộc Tạng ở Vân Nam đeo vòng đá ngọc thiên nhiên. (Ảnh: Tạ Quang Huy, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

dây lưng thắt giữa eo, váy quây may từ ba miếng vải thả dài từ trên xuống, mỗi miếng đều có đường sọc ngang nhiều màu sắc sỡ. Kiểu váy này được dệt từ len, đường sọc ngang với các loại màu đỏ, xanh lá, xanh lam, tím, trắng v.v... lớn hoặc nhỏ xếp theo quy luật nhất định. Kiểu váy này rực rỡ muôn màu giống như bảy sắc cầu vồng lấp lánh.

Người Tạng thường để tóc xõa ngang vai hoặc tết bím, người làm nông tết bím hai bên, dân du mục tết nhiều bím. Thông thường, phụ nữ dân tộc Tạng để tóc dài kín lưng, khuôn mặt đỏ hồng vì phơi nắng, mày rộng mắt to, mũi cao, phong thái rất lôi cuốn. Đàn ông trước đây cũng tết tóc và quấn tròn trên đầu hoặc quấn hình ngà voi, hình xương bò thả phía sau gáy, ngày nay họ thường cắt tóc ngắn. Kiểu tóc của người Tạng mang vẻ đẹp hoang sơ độc đáo của vùng cao nguyên Thanh Tạng.

Phục trang của người Tạng không thể thiếu các phụ kiện kèm theo, những phụ kiện này rất nhiều, thậm chí nhiều đến mức hoa mắt. Các phụ kiện đeo trên tai, ngực, eo, tay v.v... được làm từ vàng, bạc, ngọc trai, mã não, ngọc, đá, tơ, ngọc bích, san hô, hổ phách v.v... Các cô gái lần đầu mang "ba châu" phải cử hành lễ nghi rất nghiêm túc, đây là lễ công nhận cô gái đã trưởng thành và đến tuổi có thể lấy chồng. Người Tạng thường mang rất nhiều đồ trang sức liên quan đến Phật giáo như tràng hạt, vòng bạc





Kiểu đầu tóc tết của trẻ nhỏ Tây Tạng (Ảnh: Vương Miêu, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")



Trang sức của phụ nữ quý tộc A Lí Cựu Tây Tạng. (Ảnh: Lâm Nộ Hồng, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

và thẻ bạc, ngoài ra họ còn mang bên mình hộp bạc có tượng Phật hoặc tượng Bồ Tát để hộ thân. Người Tạng hay đeo trên dây lưng những đồ vật như dao vàng, hộp môi lửa và đồ trang sức bằng bạc, trong đó dao và móc câu là vật trang sức đặc biệt của thanh niên Tạng. Dao của người Tạng có lịch sử rất lâu đời, có loại dài hơn 1m, có loại ngắn khoảng 40 – 70cm, có loại nhỏ ngắn dưới 40cm. Dao được dùng vào rất nhiều việc, dao dài dùng để phòng thân, dao ngắn để cắt thịt bò, thịt cừu, thái rau, dao nhỏ dùng trên bàn ăn. Dao của người Tạng không chỉ sắc bén, mà còn được làm rất tinh xảo, chuôi dao thường làm bằng sừng bò hoặc xương thú hoặc gỗ quý, bên ngoài quấn dây bạc hoặc dây đồng, sau đó bọc vỏ đồng hoặc sắt, có loại còn khảm bạc; vỏ bao cũng được làm rất tinh xảo, thường làm bằng đồng vàng hoặc bạc trắng, trên trạm trổ hoa văn cát tường như rồng, phượng, hổ, sư tử và hoa cỏ, có loại còn được làm bằng da cá mập, trên khảm các loại đá quý, san hô và mã não, phổ biến nhất là loại dao có chuôi khảm một đoạn sừng bò Tây Tạng.

Ở vùng Nhật Ca Tắc, phụ nữ thường mang dao và móc câu bên người. Móc câu làm bằng bạc trắng, cũng có loại làm bằng đồng thau, móc bẹt và dài, hai đầu có hình như ý, có loại hình lục lăng. Bất kể là hình gì thì phía dưới móc câu đều có một khuyên tròn, vừa để trang trí vừa để treo đồ. Trên móc câu trạm trổ những hình ảnh thường thấy trong điển tích





Phục sức Trung Quốc

Phật giáo của người Tạng như bình ngọc, pháp luân và hươu; hoặc những hình truyền thống của dân tộc Hán như chim phượng, sư tử, rồng v.v... Trong số đó, đặc biệt có hình “bốn anh em” có nguồn gốc từ câu chuyện dân gian của người Tạng, chuyện kể về thời xa xưa, khi đó khí hậu vô cùng khắc nghiệt, voi, sư tử, thỏ và chim đều đói, chúng đã đoàn kết, đồng tâm hiệp lực và kiếm được trái cây ăn. Đây không chỉ là thu hoạch về vật chất mà quan trọng hơn là thu hoạch về tinh thần, đạo lý chung sống hòa thuận và cùng nhau sinh tồn được thể hiện qua hình ảnh những con vật đoàn kết và cùng nhau hái trái cây.

Dân tộc Môn Ba và dân tộc Lạc Ba đều sinh sống ở cao nguyên Thanh Tạng, tuy mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ và trang phục riêng, nhưng do họ đều sống ở phía nam chân núi Hymalaya, khá gần với khu vực của người Tạng, nên về mặt văn hóa cũng có không ít những điểm tương đồng với người Tạng. Họ không chỉ cùng mặc loại áo bào dài, mà đàn ông Môn Ba cũng đội mũ da, đeo dây lưng, phụ nữ cũng thả tóc hoặc tết bím, đeo tràng hạt và móc câu, họ đi giày boots cũng khá giống với giày boots của người Tạng. Nhưng nếu nhìn kĩ sẽ thấy, trang phục của người Môn Ba và Lạc Ba đều mang vẻ đặc biệt của riêng họ. Ví dụ, đàn ông hay phụ nữ Môn Ba đều mặc áo bào màu đỏ thẫm. Đàn ông đội mũ tròn màu nâu, đường viền màu cam, phía trước để khuyết một lỗ, họ thích mang khuyên tai lớn, chân đi giày boots da bò mềm màu đỏ và đen, đế giày boots thấp. Phụ nữ mặc váy quây tròn màu trắng bên ngoài áo bào, ngoài ra còn khoác thêm một miếng da cừu hoặc da bò. Mũ da gấu đặc trưng cho trang phục của đàn ông Lạc Ba, mũ tròn có vành được làm từ da gấu, trên vành mũ lồng một vòng tròn da gấu có lông chia ra tứ phía, phía sau mũ có một miếng da gấu hình thang rủ xuống che và bảo vệ gáy. Dưới vành mũ tròn được lồng một vòng da gấu có lông, loại mũ này nhìn từ xa giống như mớ tóc đen dày, mang vẻ đẹp hoang sơ.

Người Lạc Ba rất chú trọng trang sức, nếu mang ra cân, toàn bộ số trang sức của một người nặng khoảng vài kilôgam. Đàn ông thường mang thắt lưng, trên thắt lưng khảm bạc hoặc vỏ sò với nhiều hình thù khác nhau, có loại dây lưng làm từ chuỗi hạt, hai đầu dây lưng thả xuống thành nhiều chuỗi, tai cũng đeo chuỗi hạt, trên cổ và tay đeo rất nhiều vòng, trên người còn mang dao và cung tên, ngoài ra còn có các vật phẩm khác như tẩu thuốc, hộp thuốc v.v... Đồ trang sức của phụ nữ còn nhiều hơn gấp nhiều lần, họ thường đeo hơn chục vòng thậm chí mấy chục vòng đá trên cổ, thắt

lưng đeo vòng vỏ sò, chuông đồng, tiền xu, vòng sắt, miếng đồng, mối lửa, dao v.v... Những đồ vật này quý hiếm hay rẻ tiền, nhiều hay ít, sẽ trực tiếp phản ánh điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.

Phụ kiện

Văn hóa phục sức của các dân tộc thiểu số Trung Quốc thường sặc sỡ nhiều màu, kèm theo các phụ kiện được làm từ nhiều loại chất liệu khác nhau, gia công tỉ mỉ, kiểu dáng phong phú, đường nét tinh tế, bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau. Có thể nói đây là một kho báu phục sức.

Mặc dù phụ kiện của các dân tộc khác nhau, được làm từ nhiều chất liệu, hình dáng, hoa văn khác nhau, nhưng đa số những phụ kiện này đều được gắn ở cùng vị trí, ví dụ hoa cài đầu, dây chuyền đeo cổ, vòng đeo tai, vòng đeo tay, nhẫn đeo trên ngón tay v.v... Ngoài ra, các dân tộc đều tự tạo ra phụ kiện tượng trưng cho văn hóa và mang kiểu dáng độc đáo của dân tộc mình, có khi, chúng còn mang tính tượng trưng hơn cả trang phục hoặc bao hàm nội dung văn hóa dân tộc vô cùng phong phú. Những phụ kiện này như một phương thức đặc biệt miêu tả lịch sử dân tộc và ghi lại vinh quang, lý tưởng của một dân tộc.

Qua trang phục có thể thấy niềm đam mê màu sắc của dân tộc Thổ, họ sử dụng màu sắc rất phóng khoáng và mạnh mẽ, khiến chúng ta phải thán phục và mê đắm. Các màu như vàng nhạt, vàng thẫm, xanh non, xanh thẫm, xanh da trời, xanh đen, đỏ, hồng, lam, trắng v.v... đủ mọi sắc màu. Phụ nữ dân tộc Thổ rất chú trọng trang điểm trên đầu, người địa phương gọi là "nũ đạt". Trước đây, kiểu dáng "nũ đạt" mỗi nơi mỗi khác, sau này khi bước vào xã hội hiện đại, nó dần thay đổi và thống nhất thành một kiểu, chỉ phân biệt khác nhau giữa người chưa kết hôn và người đã kết hôn. Các cô gái thường tết ba bím tóc, những người phụ nữ đã có gia đình thường tết hai bím; đuôi bím tóc nối lại với nhau và được trang trí thêm san hô, đá xanh, vỏ ốc v.v... Phụ nữ dân tộc Thổ thường đeo hoa tai có khảm san hô đỏ, đá xanh hoặc hoa tai bằng vàng, bạc và đồng có khắc hoa văn, phía dưới gắn ngọc ngũ sắc và tua rua; trong đó đáng chú ý nhất là loại hoa tai bạc gắn những chuỗi đá ngũ sắc thả dài xuống, trông giống như đang đeo vô số chuỗi hạt trước ngực. Ngoài ra, phụ nữ dân tộc Thổ còn đeo khoảng hơn 20 chuỗi vòng ốc trên cổ, trên dây lưng còn đeo vô số phụ kiện như túi tiền, bao thuốc, chuông đồng, tua rua nhiều màu v.v..

Phụ nữ dân tộc Uy-cu khi trưởng thành bắt đầu được mang đồ trang sức trên đầu với hàm ý đã đến tuổi có thể tìm người yêu và kết hôn. Đồ





Phục sức Trung Quốc

trang sức trên đầu không thể thiếu được trong ngày cưới, đây là những trang sức tiêu biểu nhất của người Uy-cu. Cách trang điểm như sau, trước tiên chải tóc tết thành ba bím thả hai bên và sau gáy, sau đó dùng ba sợi dây khảm san hô, mã não, ngọc ngũ sắc, vỏ sò... buộc lên ba bím tóc, tổng trọng lượng khoảng 3.5 kg, chia thành ba đoạn, dùng vòng vàng nối lại, buộc ở vị trí ngang tai kéo dài xuống chấm gót chân. Trên đầu các thiếu nữ quấn dải lụa đỏ có đính các hạt san hô nhiều màu, viên phía dưới kết đá và san hô năm màu đỏ, vàng, trắng, xanh lá và xanh lam tạo thành những tua rua rủ xuống trước trán.

Phụ nữ dân tộc Ca-dắc cũng đeo dải lụa rủ tua rua trước trán, song không quấn trên đầu mà được gắn trên mũ. Loại mũ này dùng riêng cho cô dâu. Những cô gái chưa lấy chồng có một loại mũ nhỏ tròn cao và cứng, trên có gắn vải nhung màu đỏ, xanh hoặc vàng, đỉnh mũ thêu kim tuyến và cắm lông chim cú mèo. Người Ca-dắc cho rằng lông chim cú mèo tượng trưng cho sự dũng cảm và kiên định, cho nên họ rất thích dùng loại lông này làm vật trang trí. Ngoài ra còn có một loại mũ tròn làm từ vải lụa, hoặc vải bông, hoặc da rái cá hoặc da cừu, đỉnh mũ thêu hoa, vành mũ khảm hạt



Các loại hoa tai. (Ảnh: Trán Long Tiểu)



Kiểu mũ của phụ nữ dân tộc Ha Ni ở Tây Song Bản Na Vân Nam.
(Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

ngọc, mã não và lỗ khuyết bằng vàng hoặc bạc, lỗ khuyết dùng để cắm lông chim cú mèo.

Phụ kiện của phụ nữ dân tộc Lật Túc ở mỗi nơi đều khác nhau do khu vực sinh sống khác nhau. Ví dụ, ở vùng Nộ Giang Vân Nam, phụ nữ Lật Túc đã kết hôn thường đeo hoa tai đồng hoặc bạc to dài đến vai, trên đầu đội “nga lạc” (làm bằng san hô và xà cừ), trên cổ đeo chuỗi hạt nhiều màu hoặc chuỗi hạt mã não dài qua ngực. Phụ nữ Lật Túc ở vùng Lệ Giang lại thích đeo chuỗi hạt trên đầu và trên cổ. Phụ nữ Lật Túc ở Đức Hồng thường đeo khăn tay màu trắng, đỏ, vàng, trên đỉnh hạt, phía dưới gắn chuông bạc, quả cầu bạc và chuỗi hạt, phía dưới mỗi chuỗi hạt còn gắn tua rua hoặc quả cầu vải nhiều màu; trước ngực đeo vòng bạc, vòng hạt và khoảng chục sợi dây chuyền.

“Nga lạc” là phụ kiện đặc trưng của người Lật Túc, nó gắn liền với truyền thuyết sau: ngày xưa ngày xưa, có một đôi trai gái yêu nhau. Hàng ngày chàng trai vào rừng sâu săn bắn, do không có quần áo mặc nên bị cành cây





Phục sức Trung Quốc

đâm gậy thương tích khắp người. Cô gái thấy vậy vô cùng xót thương, liền trèo đèo vượt suối tìm được cây gai rừng, cô bóc lấy vỏ cây tước nhỏ và se thành sợi, thức qua bao đêm để dệt áo, cuối cùng cô đã dệt thành chiếc áo tặng cho chàng trai. Còn chàng trai vì muốn người yêu xinh đẹp hơn, nên đã dùng hạt ngọc và san hô tét thành “nga lặc” tặng cô. Từ đó, “nga lặc” trở thành vật trang sức đeo trên đầu các cô gái, cũng từ đó nó trở thành vật hẹn ước của các đôi nam nữ yêu nhau.

Trang sức bằng bạc của phụ nữ dân tộc Cảnh Pha vô cùng bắt mắt, nếu như có một cô gái Cảnh Pha từ đằng xa đi lại, điều thu hút chúng ta đầu tiên chính là những phụ kiện bằng bạc lấp lánh gắn trước ngực của họ. Do họ thích mặc áo ngắn màu đen cổ tròn, nên đồ trang sức bạc càng trở nên nổi bật. Ngoài phụ kiện gắn trước ngực, họ còn đeo rất nhiều dây chuyền, kiềng bạc, mỗi khi bước đi, không những bạc lấp lánh sáng mà còn phát ra âm thanh leng keng. Phụ nữ Cảnh Pha thường mặc váy quây màu đỏ và quần khăn trên đầu cũng màu đỏ, phối hợp ba màu đen trắng đỏ tạo nên sự tương phản rõ rệt.

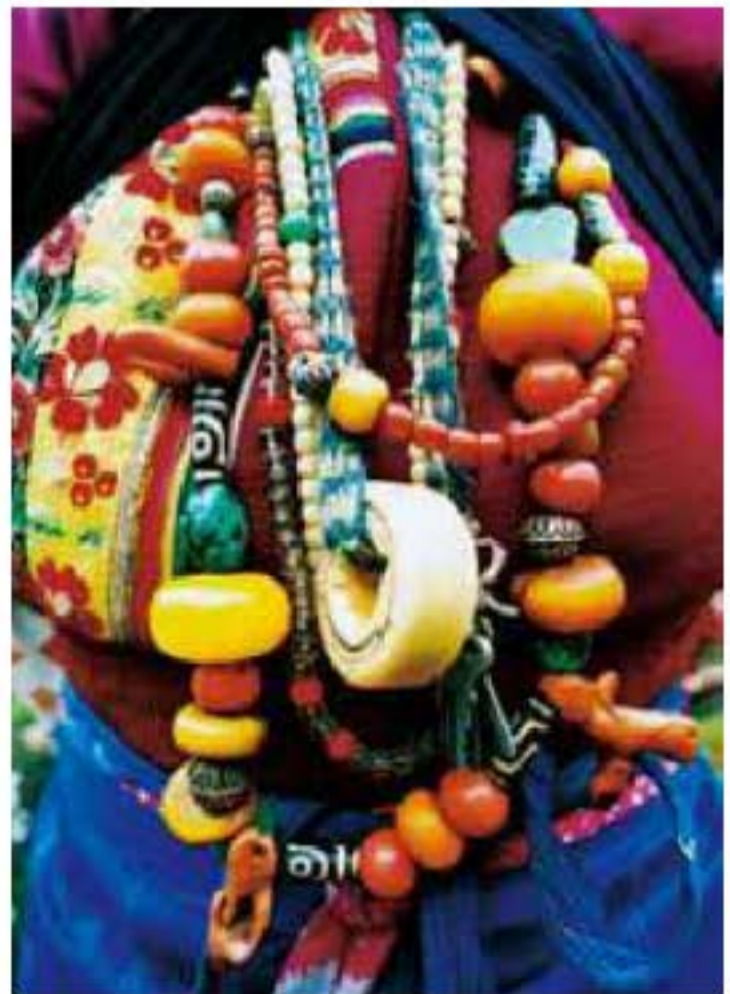
Phụ nữ dân tộc Nộ cũng thích gắn phụ kiện trước ngực,



Vòng và nhẫn của phụ nữ dân tộc Mông Cổ. (Ảnh: Đơn Hiếu Cương, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)



Trang sức của phụ nữ dân tộc Thái. (Ảnh: Lí Chí Hùng, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)



Trang sức ngày lễ của người Ni Nử Vân Nam. (Ảnh: Tào Quốc Trung, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)



Đồ trang sức của phụ nữ Quế Châu chủ yếu được làm bằng bạc, có thời còn thịnh hành kiểu chuỗi vòng đá tự nhiên đeo chung với vòng bạc. (Ảnh: Trần Nhất Niên, trong cuốn “Du lịch Trung Quốc”)

họ thường hay khâu chuỗi hạt san hô, mã não, vỏ sò, ngọc trai, tiền xu v.v... với các màu đỏ, xanh trắng xen kẽ nhau. Họ đeo những chuỗi hạt thẳng hoặc lệch trước ngực; trên đầu đeo chuỗi hạt màu đỏ, hoặc dùng dây mây đỏ quấn quanh đầu; họ thích đeo ống trúc hoặc vòng đồng lớn trên tai. Tuy những phụ kiện này được làm từ chất liệu giống như các dân tộc khác, song cách làm và cách đeo hoàn toàn mới lạ.

Nói về đồ trang sức, đeo với số lượng nhiều nhất có lẽ phải kể đến phụ nữ dân tộc Mèo. Đa số đồ trang sức của họ được làm bằng bạc. So với các dân tộc khác thì đồ bạc của dân tộc Mèo được coi là bạc nhất. Phụ nữ Mèo thường đeo đồ bạc hoặc có gắn bạc như: hoa cài bạc, sừng bạc, thắt lưng bạc, mũ bạc, lược bạc, trâm bạc, quạt bạc, vòng bạc, hoa tai bạc, áo khoác bạc, chuông bạc, nhẫn bạc v.v... Một người có thể mang tới 10 – 15 kg đồ trang sức bạc. Người Mèo cho rằng, đồ bạc không những thể hiện sự giàu có sung túc, không chỉ để làm đẹp mà quan trọng hơn cả là để tránh tà ma và cầu an lành.





Phục sức Trung Quốc



Các phụ kiện trang trí trên dây lưng truyền thống. (Ảnh: Lỗ Trung Dân)

Đồ bạc của người Mèo có lịch sử lâu đời, trình độ chế tác khá cao, cách tạo hình và hoa văn cũng rất phong phú. Ví dụ như vòng đeo tay, vòng đeo cổ; có loại rộng, có loại đặc, có loại hình hoa hình lục lăng hoặc hình trụ v.v... Trong số những đồ trang sức của người Mèo, gây chú ý nhất là kiểu tóc gắn sừng bạc, đây cũng có thể được coi là sản phẩm đặc trưng nhất của họ. Sừng bạc thịnh hành ở khu vực phía đông nam Quý Châu, khi trang điểm người Mèo thường cắm chiếc sừng bạc trên đầu. Chiếc sừng này được làm dày mỏng khác nhau, hai sừng cong cao vút giống như sừng trâu, trên sừng khắc vô số hoa văn, sừng cao và rộng khoảng 1m, nặng 1 kg, ở giữa gắn hoa và quạt bạc.

Ngoài ra còn một loại sừng gỗ, chủ yếu thịnh hành ở Quý Dương, Tất Tiết



Túi hoa là một loại phụ kiện khá phổ biến của cả nam và nữ. (Ảnh: Lỗ Trung Dân)



Các loại phụ kiện cài trên đầu. (Ảnh: Cao Xuân Minh)

Quế Châu v.v... nơi có người Mèo sinh sống. Sừng gỗ dài khoảng 50cm, hai đầu nhọn và cong, ở giữa có răng lược để giữ tóc giả cố định. Khi trang điểm, trước tiên vấn tóc cao lên đỉnh đầu, sau đó dùng tóc giả và sợi vải đen hoặc dây lụa quấn sừng gỗ cố định trên đỉnh đầu. Kiểu tóc này trông rất giống sừng bò, nó mang hàm ý sừng bái thần linh. Người Mèo thờ thần bò, họ cho rằng bò là thần trên trời được giáng xuống trần gian giúp nông dân cày cấy, giúp dân làng ấm no hạnh phúc. Do đó, hàng năm họ đều làm sinh nhật cho bò và cử hành đại lễ tế thần bò. Trong dân gian còn lưu truyền câu chuyện, từ thời xa xưa người Mèo có tục gả con trai sang nhà gái, vì muốn trang điểm cho chú rể thật oai phong nên đã gắn thêm chiếc sừng gỗ trên đầu chú rể, chiếc sừng gỗ này vừa là vật trang trí vừa là vật tránh tà. Đến thời cận đại, tập tục thay đổi, con gái được gả sang nhà trai, từ đó kiểu tóc sừng bò được trang điểm trên đầu phụ nữ. Đến nay, kiểu tóc này không chỉ được dùng trong lễ cưới mà còn là một phần không thể thiếu trong phục sức thường ngày của phụ nữ Mèo. Ngoài đồ trang sức làm bằng bạc ra, trang phục của người Mèo cũng vô cùng tinh xảo, chỉ tính riêng trên áo của cô dâu có tới hơn 17000 miếng tam





Trang phục ngày lễ của phụ nữ dân tộc Cơ Nặc ở Tây Song Bản Nạp Vân Nam.
(Ảnh: Quách Kiến Thiết, trong cuốn "Du lịch Trung Quốc")

giác nhỏ nhiều màu xếp lớp. Khi 6, 7 tuổi các cô bé đã bắt đầu may áo, công việc này đòi hỏi tốn rất nhiều công sức và thời gian, thậm chí đến tuổi lấy chồng mới hoàn thành.

Người dân tộc Đổng cũng rất ưa dùng đồ trang sức bạc với số lượng lớn, được chế tác rất tinh xảo. Vào những ngày lễ lớn họ thường đeo khoảng mười món đồ trang sức bạc như hoa, mũ, vòng cổ, vòng tay v.v... Trên vành mũ khảm 18 vị la hán, phía dưới cài 18 bông hoa mai, hai bên gắn hai con sư tử, vừa để trang trí vừa mang lại may mắn. Phụ nữ sau khi sinh, bên nhà ngoại thường gửi tặng cháu đồ trang sức bằng bạc như mũ, khóa, vòng cổ, vòng tay v.v... Trang phục của phụ nữ dân tộc Đổng cũng chú trọng màu sắc trang nhã, thường lấy màu đen, xanh, tím, trắng làm màu nền, sau đó thêu điểm xuyết màu xanh nhạt, màu hồng phớt. Đây là điểm rất tương đồng với trang phục dân tộc Thủy, người Thủy cũng thích áo màu đen và xanh, cũng đeo đồ trang sức bạc như dây chuyền, vòng tay, hoa tai, thắt lưng, lược v.v..



Trang phục của dân tộc Mao Nam nổi tiếng với mũ hoa trúc, loại mũ này không chỉ để che nắng che mưa mà chủ yếu dùng để trang trí và là tín vật dành tặng cho người yêu. Trên đỉnh mũ có đính trâm bạc, lược bạc và vòng bạc, trên những bộ trang phục màu xanh hoặc đen cũng đính vòng, vẩy kì lân và cúc bạc.

Phụ nữ dân tộc Lê ở đảo Hải Nam cũng có tục đeo nhiều đồ bạc trên người như trâm cài đầu, chuông đeo trước ngực, vòng cổ bạc, trên dây lưng cũng đeo thẻ bài và dây chuyền bạc, chân mang lắc bạc, thậm chí dưới vạt áo cũng có đính viên bạc. Ngoài ra, người dân tộc Lê còn dùng tiến xu xâu thành vòng đeo trước ngực, vòng đá nhiều màu, dao đeo ngang hông, dây lưng thêu màu sặc sỡ và áo yếm màu đỏ che ngực.

Đến thời cận đại, dân tộc Cao Sơn sống trên đảo Đài Loan vẫn lưu giữ nhiều loại phụ kiện có nguồn gốc nguyên thủy, ghi lại những năm tháng sơ khai của nhân loại, ví dụ như ngọc đá, viên thủy tinh, răng heo, răng gấu, lông chim, da thú, hoa cỏ, đồ trang sức làm bằng đồng hoặc bạc hoặc tiến đồng, xương thú, tre trúc v.v... Trong đó, một nhánh người dân tộc Thái Nha có một loại trang sức quý giá, đó là những hạt châu nhỏ được làm từ vỏ sò





Phục sức Trung Quốc

tinh luyện nhiều lần, những hạt châu này có lỗ xuyên ở giữa, sau đó dùng dây nhỏ mảnh khâu thành chuỗi và gắn trên áo. Một chiếc áo như vậy ít nhất phải dùng tới 50 – 60 ngàn hạt châu.

Qua một vài trang giấy khó có thể giới thiệu tường tận về những phụ kiện trang sức của người dân tộc thiểu số. Từ những năm 80 thế kỉ XX trở lại đây, cùng với sự phát triển kinh tế, thanh niên dân tộc thiểu số kéo nhau rời khỏi vùng núi sâu vào thành phố sinh sống, một số phụ kiện trang sức của họ cũng dần mất đi. Trang phục của người Hán dần bị Tây hóa, còn trang phục của người dân tộc thiểu số thì nhanh chóng bị Hán hóa, đối diện với sự tấn công của xã hội công nghiệp hóa hiện đại, những sản phẩm tinh tế được sáng tạo từ tâm trí phải chăng sẽ dần dần biến mất?



Đồ trang sức bạc ở Trung Quốc có lịch sử khá lâu đời. Đây là loại khóa bạc dùng để chúc phúc chúc thọ đến nay vẫn được lưu truyền trong dân gian. (Ảnh: Lỗ Trung Dân)

PHỤC SỨC THỜI CẬN HIỆN ĐẠI





Trang phục mới thời văn minh và sườn xám cách điệu

Năm 1840, chiến tranh nha phiến bùng nổ, Trung Quốc bước vào thời xã hội cận đại. Thuyền pháo lợi hại của Âu Mỹ đã giúp mở rộng cánh cửa lớn của đất nước phương Đông cổ kính này, mang đến những quan niệm, giá trị và cách sống mới của phương Tây. Về phục sức, thay đổi rõ rệt nhất là áo trở nên đơn giản, tóc cắt ngắn, đây là do ảnh hưởng từ những học sinh du học, đặc biệt là khi Trung Hoa Dân Quốc (1912 – 1949) mới được thành lập đã ban bố “thông lệnh cắt tóc bím”, từ đó đàn ông Trung Quốc được giải thoát khỏi bím tóc – kiểu tóc khiến họ cảm thấy bị áp bức và lãng nhục nặng nề bấy lâu. Hơn nữa, những phục sức có sự thay đổi chưa từng thấy được bắt đầu từ những kiểu trang phục mới đại diện cho trào lưu văn minh tiến bộ.

Thời Dân Quốc, trang phục Trung Quốc chịu ảnh hưởng của phong cách Âu Mỹ, kiểu dáng và chủng loại dần dần thay đổi. Đàn ông thuộc tầng lớp trung thượng lưu trong xã hội ngoài mặc áo bào dài, áo khoác, giày vải và mũ da, còn mặc áo Trung Sơn, Âu phục, giày da và mũ phớt. Dân chúng thường mặc áo dài (chủ yếu là màu xanh và xám), áo ngắn vải trắng, áo dài vải bông, áo kép ngắn, áo lót, quần rộng v.v... Các quý bà quý cô thuộc tầng lớp trung thượng lưu mặc sườn xám, váy liền, giày cao gót, đồ trang sức bằng vàng bạc đá quý v.v... tầng lớp dưới mặc áo vải hoa hoặc vải màu thêu hoa.

Thời nhà Thanh, áo bào dài và áo khoác được pha trộn, biến đổi thành nhiều kiểu dáng mới. Áo khoác có hai vạt đối xứng, tay áo



“Thời trang thiếu nữ” đầu thời kì Dân Quốc. (Vương Thụ Thôn sưu tầm)



Trong tranh là hình ảnh những người phụ nữ mặc áo cánh bó sát vạt áo rộng kết hợp với váy, đây được coi là kiểu trang phục mới "văn minh". (Vương Thụy Thôn sưu tầm)



Tiệm may đồ truyền thống vào những thập niên đầu thế kỉ XX.
(Nguồn: Lỗ Trung Dân cung cấp)



Tiệm giày truyền thống vào những thập niên đầu thế kỉ XX.
(Nguồn: Lỗ Trung Dân cung cấp)



Phục sức Trung Quốc



Áo cánh ngắn vạt hình cung thời kì Dân Quốc. (Ảnh: Kim Bảo Nguyên)

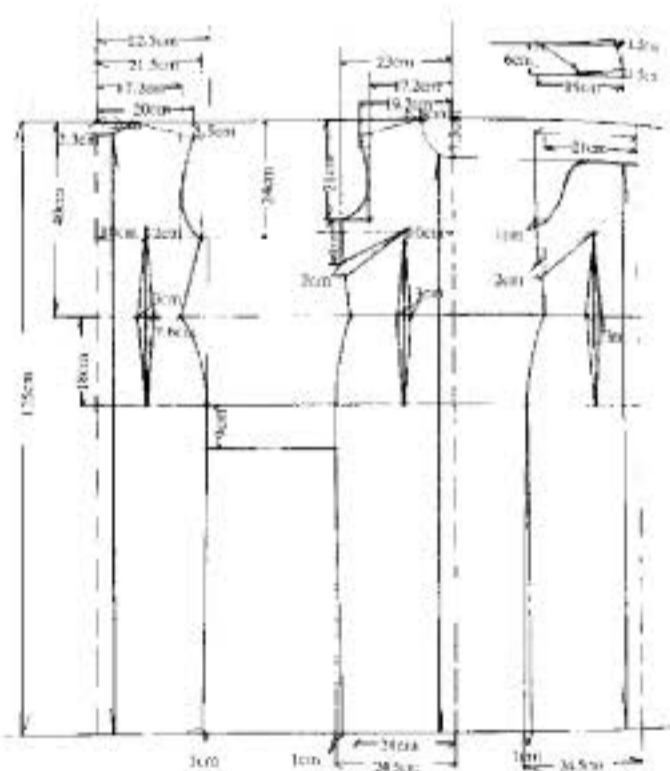


hẹp, thân áo dài đến bụng, vạt trước khâu 5 chiếc khuy. Áo bào thường có vạt lớn vắt về bên phải, áo dài đến trên mắt cá chân, vạt dưới hai bên có hai đường xẻ nhỏ dài 1/3m, tay áo dài bằng vạt áo khoác. Khi mặc, trang phục chỉnh thể bao gồm áo lót trong áo bào trùm ngoài, quần tây, mũ phớt, khăn trắng và giày da. Đây là kiểu trang phục điển hình kết hợp truyền thống với phương Tây hiện đại của đàn ông thuộc tầng lớp trung thượng lưu thời kì đầu Dân Quốc. Hơn nữa, nếu mặc đồ tây đi bất da sẽ được coi là một kiểu trào lưu tân tiến.

Bốn kiểu sườn xám tay dài, thân dài và eo rộng hoặc hẹp thay đổi từ hình 1 đến hình 4, cho thấy sự thay đổi kiểu dáng sườn xám trong khoảng những năm 20 – 30 thế kỉ XX. (Ảnh: Kim Bảo Nguyên)



(Ảnh: Chu Tố Di)



HÌNH 20 BỐ CỤ TAY VÀO VẢI N

Bản vẽ đường cắt vải may sườn xám những năm 30 thế kỉ XX.
(Tặng Nghênh Xuân cung cấp)

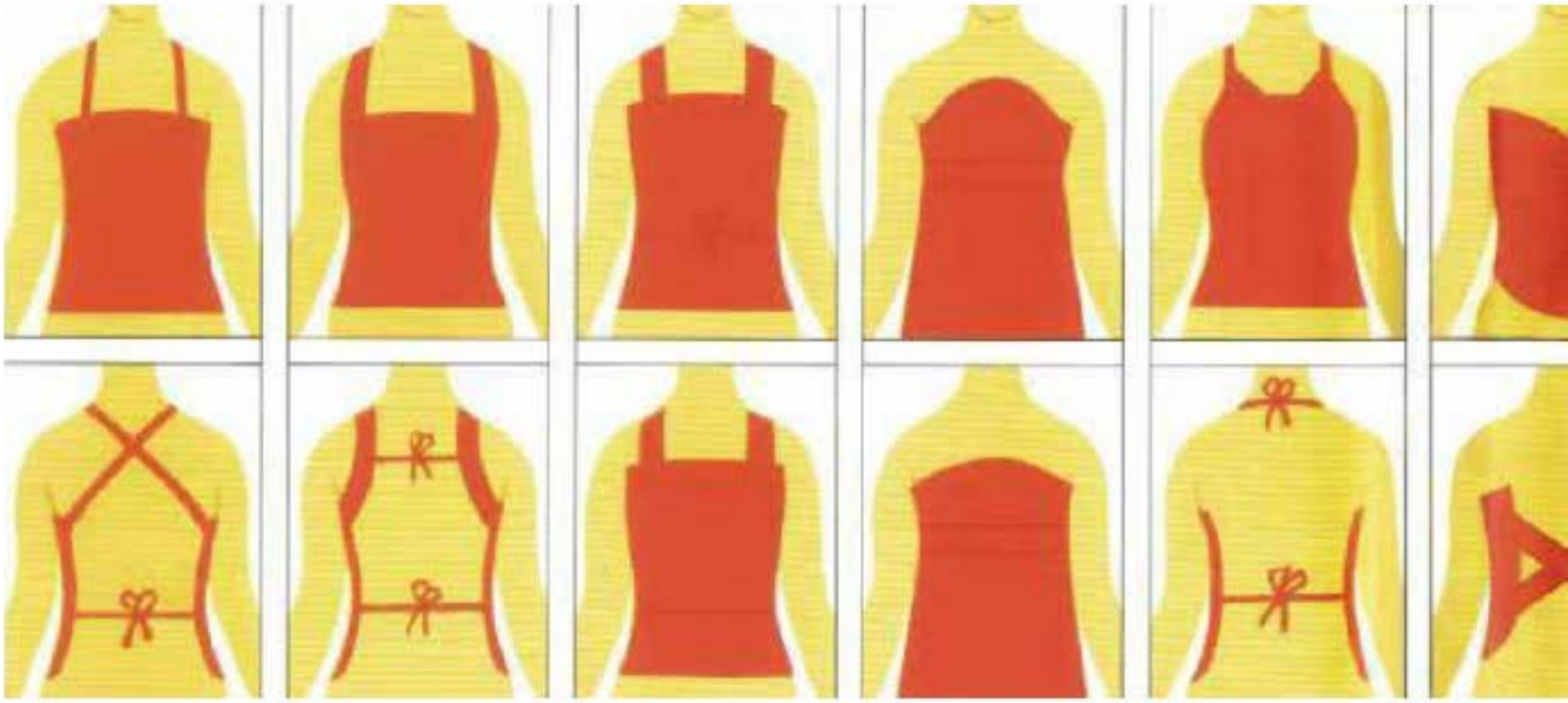


(Ảnh: Chu Tố Di)





Phục sức Trung Quốc



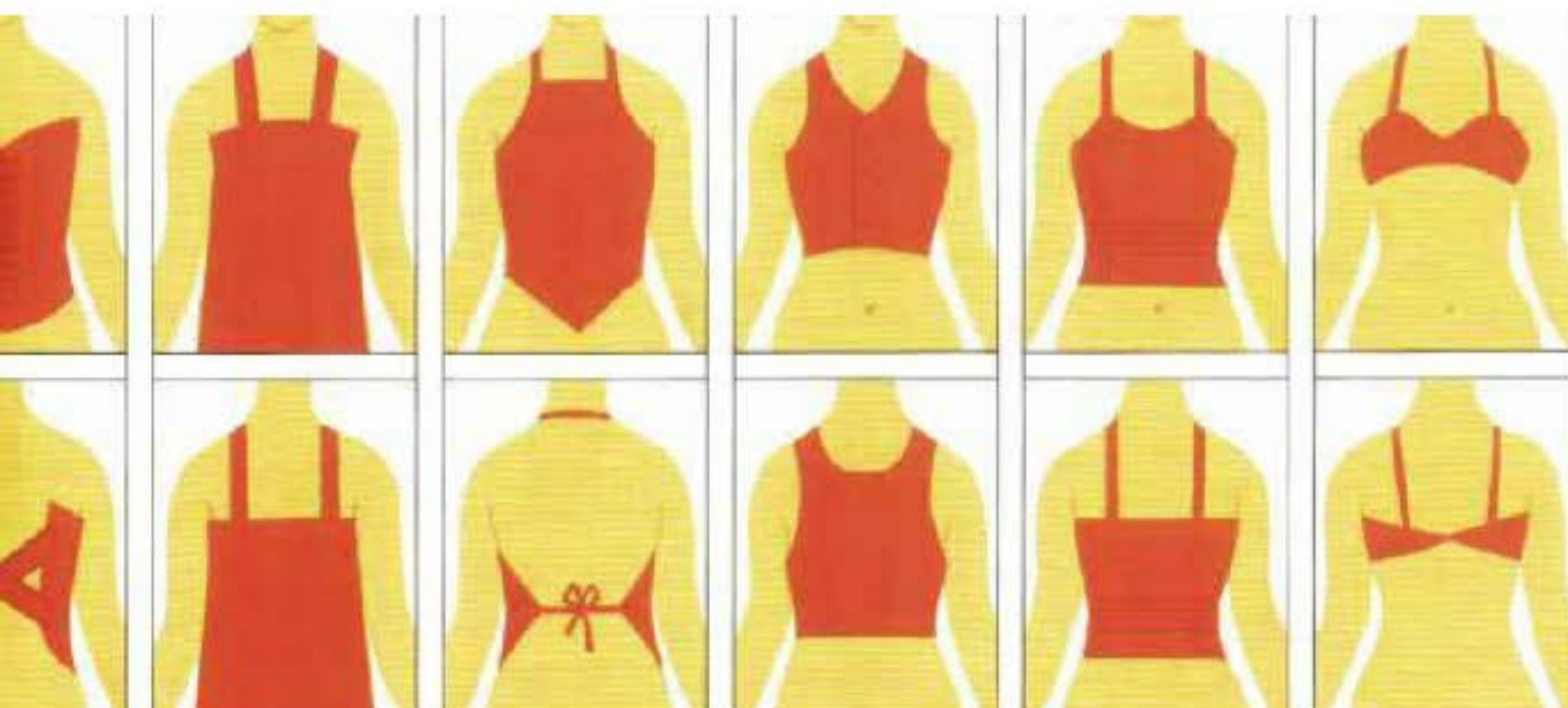
Kiểu áo lót nữ qua các thời kì lịch sử (Trong cuốn “Phục sức phụ nữ qua các thời đại Trung Quốc” của Cao Xuân Minh)

Thời kì đầu Dân Quốc, nhiều thanh niên sang Nhật Bản du học đã mang phong cách thời trang học sinh Nhật Bản về Trung Quốc. Kiểu trang phục này kết hợp với áo tây mang lại cảm giác trang trọng nho nhã và khỏe khoắn. Kiểu áo này thường không có cổ, chỉ có một đường viền dựng thẳng nhỏ và thấp, không thắt cà vạt hay nơ. Phía trước có hai túi ngấm nhỏ hai bên vạt áo dưới, ngực bên trái còn có một túi nhỏ nổi bên ngoài. Kiểu áo học sinh này không chỉ được giới thanh niên ưa chuộng mà còn được đơn giản hóa thành kiểu áo nam đặc trưng Trung Quốc, đó là áo Trung Sơn.

Cổ áo và túi áo Trung Sơn có thiết kế đặc biệt. Phía ngoài cổ áo dựng còn có thêm cổ áo bẻ, trông giống như cổ cồn của áo sơ mi; phía vạt áo trước may hai túi trên và hai túi dưới, hai túi trên được gấp lại thành “túi hộp” để có thể đựng được nhiều thứ, phía trên còn có nắp. Quần kết hợp với loại áo này cũng có đường cắt phía trước và dùng



(Ảnh: Chu Tố Di)



khuy chìm, hai bên có kèm theo túi chìm lớn, phía dưới thắt lưng có một túi nhỏ; hông bên phải cũng có túi chìm có nắp. Loại trang phục này được Tôn Trung Sơn (1866 – 1925) – người sáng lập ra Trung Hoa Dân Quốc để xướng và mặc tiên phong. Kiểu áo Trung Sơn vừa đơn giản lại vừa phù hợp với thói quen sinh hoạt của người Trung Quốc. Tuy cùng chất liệu vải và kiểu dáng màu sắc với Âu phục, nhưng nó lại thể hiện tinh thần cân xứng, trang trọng và kín đáo của trang phục Trung Quốc. Từ năm 1923 tới nay, áo Trung Sơn đã trở thành lễ phục chính thức của nam giới Trung Quốc.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, phong trào nữ quyền phương Tây bắt đầu mạnh mẽ, phụ nữ không còn cam chịu làm vật sở hữu của đàn ông và vật hi sinh của gia đình, không ít phụ nữ tham gia vào các công việc của đàn ông, họ bắt đầu mặc quần dài và cắt tóc ngắn. Phong trào này nở rộ cùng với “phong trào văn hóa mới” đã cuốn trôi đất nước Trung Quốc. Phụ nữ chịu ảnh hưởng của việc theo đuổi khoa học, dân chủ, nếp sống tự do, họ lần lượt rời khỏi gia đình và đón nhận nền giáo dục cao đẳng, mưu cầu kinh tế độc lập, tự do yêu đương kết hôn. Nữ sinh du học và nữ sinh học trong nước khơi nguồn trào lưu “trang phục văn minh mới” – mặc áo cánh ôm sát người, áo dài không quá mỏng, tay áo ngắn và loe để lộ cánh tay, vạt áo thường có hình vòng cung và có hoa văn; áo cánh thường kết hợp với váy đen dài đến mắt cá chân hoặc ngắn đến ngang bắp chân. Kiểu trang phục đơn giản này khá thịnh hành vào những năm 10 – 20 thế kỉ XX. Ngoài ra, trang phục phương Tây cũng ảnh hưởng đến hình ảnh người phụ nữ Trung Quốc. Mỹ phẩm và đồ trang sức Âu Mỹ du nhập vào thị





Phục sức Trung Quốc



Kiểu sườn xám những năm 30 thế kỉ XX. (Nguồn: Hoa Mai)



"Thời trang thiếu nữ"
(Vương Thụ Thôn sưu tầm)

trường Trung Quốc, hình ảnh những cô gái thời thượng với da trắng, tóc xoăn, lông mày cong, mắt kẻ màu, tóc cắt ngắn uốn cong và cài bông hoa trà hoặc đeo chuỗi vòng ngọc trai dài trước ngực, tay cầm túi xách nhỏ, chân đi tất giầy và giầy cao gót v.v... ngày càng trở nên phổ biến.

Thời kì này, sườn xám cũng liên tục được cách điệu và trở thành một hiện đại.

"Kì bào" tức là áo bào của người Kì, còn "người Kì" chính là cách người Hán ở Trung Nguyên gọi người Mãn. Kì bào vốn là loại áo thẳng từ trên xuống, áo rất dài. Năm 1921, có một nhóm nữ sinh trung học ở Thượng Hải đã tiên phong mặc kì bào. Ban đầu thịnh hành kiểu kì bào vải xanh, thân áo rộng và suôn thẳng, áo dài đến mắt cá chân, cổ áo và vạt áo đều không viền, tay áo loe. Kiểu trang phục này khi mới xuất hiện đã hấp dẫn các cô gái thành phố. Những kiểu sườn xám sau này cũng liên tục chịu ảnh hưởng của trào lưu thời đại, từ độ dài, thân áo, cổ áo đến tay áo đều thay đổi.

Giữa những năm 20 thế kỉ XX, thân và tay áo sườn xám được may ngắn hơn, thân áo ôm sát, trên áo thêu nhiều hoa văn. Cuối những năm 20, vạt áo dài trùm chân đã được thu ngắn đến trên mắt cá chân, thậm chí ngắn đến ngang bắp chân. Thân áo càng bó sát eo, đường xẻ hai bên đùi cũng cao hơn. Từ những năm 30 trở về sau, sườn xám được cách điệu càng mới lạ. Ban đầu thịnh hành kiểu cổ cao, cao đến hai bên má, sau đó lại chuyển sang thịnh hành kiểu cổ thấp, khi thấp đến mức không thể thấp hơn thì quay trở lại thịnh hành cổ cao. Tay áo cũng vậy, lúc dài che kín cổ tay, khi ngắn thì lửng đến trên cổ tay, sau đó đến khuỷu tay, trên khuỷu tay, cuối cùng để sát nách. Vạt dưới lúc dài chấm đất, lúc ngắn trên đầu gối. Ngoài

đường xẻ hai bên còn có đường xẻ ở giữa vạt áo trước, tạo nên vạt áo hình vòng cung. Về chất liệu vải, ngoài những kiểu vải toan hoa truyền thống còn có các loại vải bông, gai, tơ lụa mềm và mỏng, trên mình vải in hoa văn, màu sắc trang nhã; cổ áo, tay áo và vạt áo đều được viền, song không rườm rà. Hình ảnh phục sức truyền thống Trung Quốc không chú trọng đến phần eo áo, nhưng cùng với xu hướng ưa chuộng trang phục ôm sát của các cô gái thế kỉ XX ngày càng rõ rệt, thì sườn xám đã trở thành sự lựa chọn lí tưởng cho các cô gái có thân hình gợi cảm.

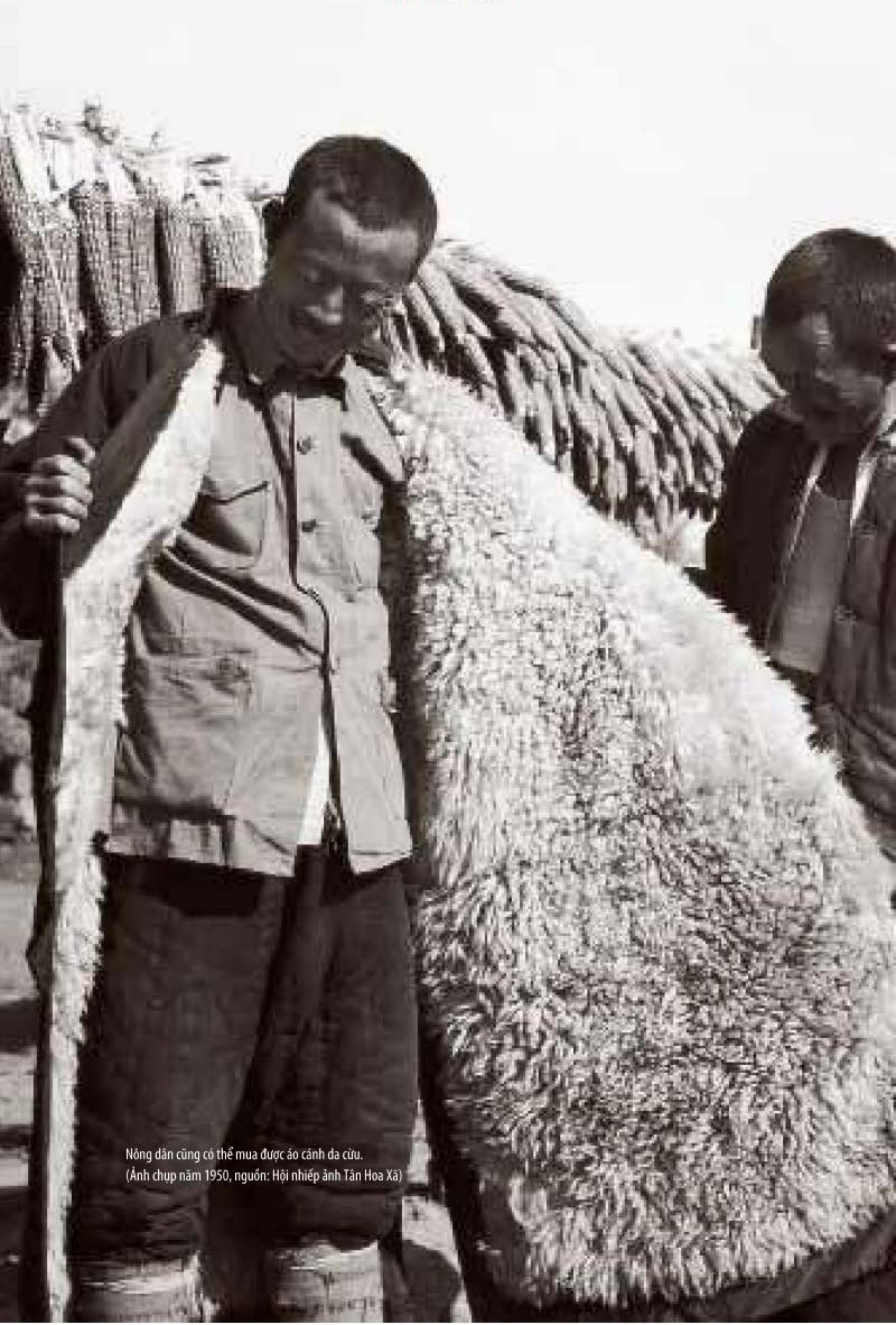
Trang phục nhà nông và quân phục

Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Thời kì đầu, cái gọi là “phương thức sinh hoạt của giai cấp tư sản” bị phê phán, cũng đã đề cập đến vấn đề phục sức. Ở một số thành phố ven biển mang nặng màu sắc nửa thuộc địa, một bộ phận dân thành phố chịu ảnh hưởng của phương Tây, thịnh hành trào lưu mặc đồ tây đi bốt da thuộc, hoặc mặc sườn xám đi giày da cao gót; song ở đa số các thành phố vẫn giữ truyền thống mặc áo bào và áo khoác. Lúc này, tuy không có quy định cụ thể, nhưng do chính phủ tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng, bất luận âu phục hay sườn xám, áo bào, áo khoác đều bị coi là cặn bã của thời đại cũ và bị quần chúng công nông vứt bỏ, không còn lễ nghi khom lưng quỳ gối mà chuyển sang bắt tay hay cúi chào. Công nhân mặc quần có dây đeo, mũ xanh có vành phía trước, giày vải và khăn lông cừu quần đùi, mũ ni hoặc mũ cỏ, áo cánh và quần ống rộng kiểu Trung Quốc, giày vải đen v.v... hình ảnh này đã trở thành đại diện cho trào lưu mới. Trang phục có một vài sự thay đổi, nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức may cổ rộng hơn hoặc may thêm túi. Phụ nữ thành phố thì chuộng mặc áo cánh vải bông



Trang phục nam giới những năm 60 thế kỉ XX.





Nông dân cũng có thể mua được áo cánh da cừu.
(Ảnh chụp năm 1950, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

nhiều màu sắc, bên ngoài mặc áo khoác màu xanh hoặc màu xám. Những ngày lễ lớn, những vũ công múa vũ điệu ương ca Thiểm Bắc đeo dây lưng màu đỏ hoặc xanh lá, hai tay cầm hai đầu dải lụa, dải lụa sẽ bay lượn theo nhịp bước chân, hình ảnh này dường như đã lan rộng khắp toàn quốc trong khoảng thời gian ngắn.



Mùa đông giá rét, công nhân vùng Đông Bắc thường mặc áo bông. (Ảnh năm 1956, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

Từ đó, xuất hiện xu thế ăn mặc kín chu, một số trang phục có mức độ phổ cập nhanh chóng đến kinh ngạc. Ví dụ như áo Lê Nin và áo cánh vải bông in hoa cũng đủ để đại diện cho xu thế này. Những năm 50 – 60 thế kỉ XX, quan hệ Trung Nga trở nên thân thiết, ở Trung Quốc xuất hiện hình ảnh những người đàn ông đội mũ lưỡi trai – kiểu mũ làm việc của người Nga, phụ nữ mặc “áo Lê Nin”. “Áo Lê Nin” là một loại áo có cổ sơ mi, hai hàng cúc phía trước, vải may xéo; có loại còn thắt thêm dây lưng cùng màu, hai bên vạt áo đều có túi chìm, miệng túi may xéo. Kì thực, “áo Lê Nin” không phải là kiểu áo nữ, vì phụ nữ các nước Đông Âu thường mặc váy, nhưng do có ý nghĩa tượng trưng cho cách mạng công nông, nên nó đã trở thành trang phục dân tộc mới. Khi mặc loại trang phục này, kiểu dáng vừa mới lạ lại thể hiện tư tưởng tiến bộ, thế nên, nó đã trở thành trang phục điển hình của nữ công nhân viên chức trong các cơ quan chính phủ.

Áo cánh vải bông in hoa cũng là một tiêu chí của trang phục công nông. Nó vốn là áo mùa đông của nữ giới phổ biến nhất ở Trung Quốc với lịch sử khá lâu, nhưng trong những năm 50 thế kỉ XX, loại áo này thể hiện sự thay đổi của ý thức. Áo cánh chủ yếu may bằng vải in hoa nhỏ có màu sắc sặc sỡ (thường là màu đỏ). Đây vốn là áo mùa đông dành cho thiếu nữ và những em gái nhỏ, phụ nữ có gia đình thường mặc áo cánh may từ vải lụa và xa tanh, phụ nữ nghèo ở thành phố thì mặc áo vải bông màu trắng; nhưng thời đó vải lụa và xa tanh truyền thống bị cho là mang màu sắc phong kiến nặng nề, nên nữ công chức và nữ sinh không chọn vải lụa mà chọn vải in hoa may áo để thể hiện tinh thần tiếp cận với giai cấp công nông.





Trước những năm 80 thế kỉ XX, nhiều bà nội trợ đều có thể tự tay may áo quần cho con. Trong hình là người mẹ may áo cánh vải bông in hoa cho con, đây là một kiểu trang phục thịnh hành nhất thời đó. (Ảnh: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã, chụp năm 1957)

Khi mặc áo cánh vải bông, để không mất đi hình ảnh tiến bộ và tránh làm bẩn áo, thường phải khoác thêm một lớp áo bên ngoài. Những năm 50 thế kỉ XX, những người phụ nữ chưa từng tham gia công tác đoàn thể đều bị gọi là “những người phụ nữ nội trợ”, những người này dường như vẫn chưa có ý thức mạnh mẽ về việc “giải phóng phụ nữ”, họ thường khoác bên ngoài loại áo khoác có hai vạt cân xứng gắn nút cài, phụ nữ trung niên và người già thường mặc áo vạt lớn hơn, còn đa số nữ công nhân viên chức làm trong các cơ quan nhà nước và nữ sinh đều khoác “áo Lê Nin”. Từ giữa những năm 60 trở về sau, quan hệ Trung

Nga xấu đi, phụ nữ không mặc “áo Lê Nin” nữa mà mặc “áo nghênh binh”, đây là kiểu áo có cổ lật và 5 khuy cài, trông khá giống áo Trung Sơn của nam giới thời đó, chỉ có thay đổi kiểu dáng cổ áo và túi áo. Loại “áo nghênh binh” này khá phổ biến trong khoảng thời gian 10 năm từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70; về sau dần dần bị thay thế, nhưng phụ nữ trung niên và người già vẫn mặc cho đến cuối những năm 90.

Bất luận kiểu dáng thay đổi thế nào, những chiếc áo khoác ngoài và áo cánh phần lớn đều có hai màu cơ bản là xanh và xám, ngoài ra còn có số ít áo màu nâu, đen, nhưng tuyệt nhiên không có áo nhiều màu. Phụ nữ vốn yêu thích cái đẹp, trong thời gian dài họ cảm thấy bị dồn nén khi phải mặc những bộ trang phục màu xám, nên họ thường cố tình hoặc vô tình may áo cánh bên trong bằng vải hoa dài hơn áo khoác một chút, như vậy sẽ giúp cho cổ, tay áo và đặc biệt là vạt áo dưới có màu sắc sặc sỡ lộ ra ngoài. Cho dù như vậy dễ bị bẩn áo trong nhưng rất nhiều người đều ưa chuộng như vậy và nó dần trở thành trào lưu.



Cuối những năm 60 thế kỉ XX, phụ nữ còn mặc sườn xám truyền thống. (Ảnh chụp năm 1961 ở ven biển gần cửa sông Bắc Đới, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã).

Đất nước Trung Quốc đông dân, nên bất kì loại trang phục nào bắt đầu trở nên thịnh hành cũng tạo ra xu thế đáng kinh ngạc. Không ai có thể ngờ rằng, vào những năm 60 thế kỉ XX, dân số Trung Quốc chiếm tới $\frac{1}{4}$ tổng số dân toàn thế giới, vậy mà người Trung Quốc lại có thể lấy quân phục thay dân phục.

Tuy quân phục của quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trông khá giống quân phục phương Tây, nhưng về chi tiết cụ thể lại không chịu ảnh hưởng quân phục Âu Mỹ mà thiên về phong cách quân phục Liên Xô. Những năm 50 thế kỉ XX, sĩ quan lục quân đội mũ lớn, binh sĩ đội mũ thuyền, cổ áo và dây lưng đều mang đặc trưng của quân phục Liên Xô. Quân phục hải quân có kiểu dáng khá gần với kiểu dáng tiêu chuẩn quốc tế, sĩ quan đội mũ lớn, mùa đông mặc quân phục màu xanh, mùa hè đội mũ trắng, mặc áo trắng và quần xanh; binh sĩ đội mũ không vành, sau mũ có hai dải lụa màu đen, mặc áo trắng, quần xanh và đeo dây lưng da màu nâu. Vì trang phục của lính thủy thông dụng đẹp mắt, nên trang phục của thiếu nhi cũng được may mô





Đồng phục mùa hè của nữ sinh, kiểu váy có dây đeo thịnh hành từ những năm 50 đến cuối những năm 80 thế kỉ XX. (Hình chụp năm 1954, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)



Đây là một tiệm may ở Thượng Hải, thợ may đang thử đồ cho khách. (Ảnh chụp năm 1961, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

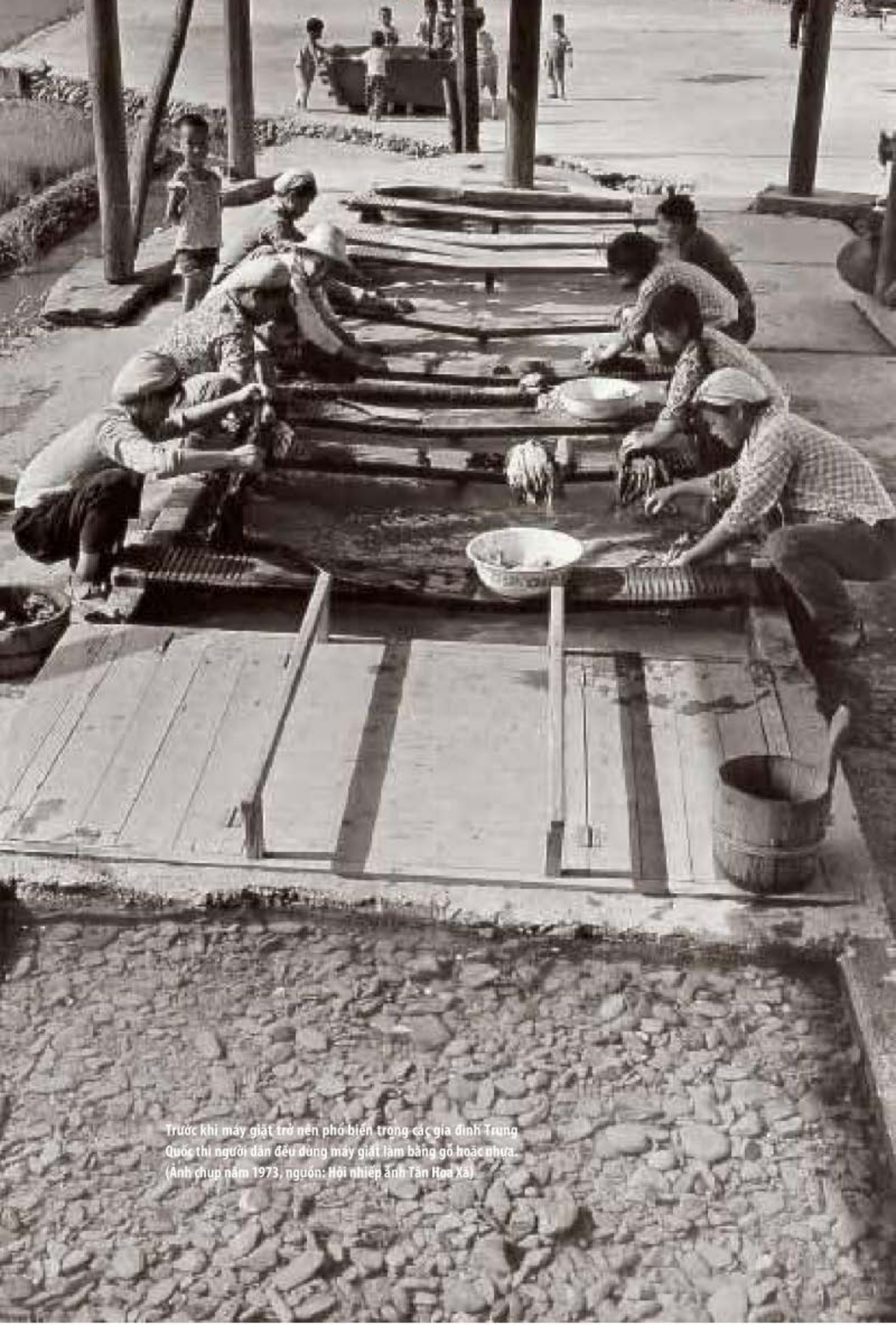


Các bạn nhỏ mặc trang phục mô phỏng áo lính thủy. (Ảnh chụp năm 1955, nguồn: hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

phòng theo và gọi tắt là “trang phục hải quân”, mũ lính thủy được may bằng chất liệu vải mềm không có vành, quanh mũ có dòng chữ “hải quân nhân dân Trung Quốc” được sửa thành “hải quân tí hon nhân dân Trung Quốc”. Còn các loại quân phục khác như không quân, lục quân đều không được mô phỏng.

Năm 1965, hội đồng thường niên nhân dân Trung Quốc quyết định xóa bỏ chế độ quân hàm, quân nhân không phân biệt sĩ quan hay binh sĩ đều đội mũ giải phóng có vành phía trước, trên mũ có gắn ngôi sao vàng năm cánh, mặc quân phục có 5 khuy áo, cổ áo gắn hai miếng phù hiệu giống như hai mặt lá cờ đỏ hình chữ nhật, không có kí hiệu quân hàm, cũng không đeo phù hiệu ở vai hoặc ở cánh tay. Quân phục của sĩ quan và binh sĩ chỉ khác biệt ở chỗ chất liệu vải và kiểu túi, quân phục của sĩ quan cấp trưởng thường may bằng vải lông, vạt áo trước có 4 túi; quân phục của cấp phó trở xuống được may bằng vải bông, trên áo chỉ có 2 túi. Nữ chiến sĩ không mặc váy, cũng không đội mũ, mà mặc quân phục rất giống với quân phục của nam giới. Quân phục của lục quân có màu xanh trà, quân phục không quân có áo màu xanh lục quần màu xanh lam, quân phục hải quân có màu xám. Trang phục không phải của





Trước khi máy giặt trở nên phổ biến trong các gia đình Trung Quốc thì người dân đều dùng máy giặt làm bằng gỗ hoặc nhựa. (Ảnh chụp năm 1973, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

không quân lục quân và hải quân được gọi là “thường phục” (thời đó không có loại lễ phục nào đáng để cập đến), màu xanh lục truyền thống trở thành màu quân phục chủ đạo.

“Cách mạng văn hóa” từ năm 1966 đến năm 1976, đây là giai đoạn có nhiều biến động trong lịch sử Trung Quốc, trật tự kinh tế chính trị đều bị xáo

trộn nghiêm trọng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến quan niệm tư tưởng của người dân và cuộc sống xã hội. Trong giai đoạn đó, mặc quân phục trở thành hình ảnh cách mạng nhất, thuần khiết nhất và đáng tin nhiệm nhất. Quân phục được cha truyền con nối, hình ảnh quân phục màu xanh lục và dây lưng da màu nâu đã trở nên phổ biến. Từ đó về sau, trong các trường đại học và trung học liên tục thành lập các tổ chức “hồng vệ binh”, còn trong trường tiểu học thì thành lập tổ chức “hồng tiểu binh”, công nhân và nông dân kết hợp thành lập nên “đội xích vệ”, trong chốc lát “toàn dân đều là chiến sĩ”. Không có quân phục chính thống, “hồng vệ binh” mặc thường phục, không có huy hiệu trên mũ, không có phù hiệu ở cổ áo và vai áo, chỉ có dòng chữ màu vàng “hồng vệ binh” in trên băng tay màu đỏ.

Hơn 10 năm trước khi thành lập nước, cảnh sát giao thông thường mặc quân phục mùa đông màu xanh lam, chiến sĩ trực ban mặc áo tay dài màu trắng; quân phục mùa hè màu trắng. Đến khi “cách mạng văn hóa” bùng nổ, cảnh sát mặc quân phục có màu xanh lục, đội mũ đỉnh tròn và đi giày vải màu lục. Phía trước mũ vẫn cài huy hiệu để phân biệt với huy hiệu sao đỏ năm cánh của quân giải phóng.

Toàn dân mặc thường phục trở thành cao trào, có đến 30 triệu thanh niên thành phố tham gia phong trào “lên rừng xuống nông thôn”. Năm 1964, đoàn thanh niên đầu tiên lên Tân Cương khai khẩn đất hoang đã thành lập nên binh đoàn xây dựng sản xuất Tân Cương, khi được đưa tiễn lên tàu, các thanh niên đều mặc quân phục màu lục, đầu đội mũ không có huy hiệu và phù hiệu. Năm 1968, phong trào thanh niên trí thức “lên rừng xuống nông thôn” với quy mô lớn



Áo khoác vải bông in hoa nhỏ khá phổ biến vào những năm 60 thế kỉ XX.
(Ảnh chụp năm 1955, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)





Quầy bán vải trong Bách hóa đại lâu Bắc Kinh những năm 70 thế kỉ XX.
(Ảnh chụp năm 1974, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)

bắt đầu được phát động, khi được phân công xuống nông thôn hoặc những vùng biên cương xa xôi, họ đều được phát quân phục màu lục.

Phong trào “toàn dân đều là chiến sĩ” còn mang ý nghĩa quan trọng khác, đó là hình ảnh dân binh kéo nhau đi hành quân, họ không mặc quân phục màu xanh hay màu xám, nhưng cũng đội mũ xanh lục, đeo ba lô, chân đi dép cao su, ngoài ra còn mang theo túi xách quân dụng và bình nước. Thời kì người người mặc quân phục kéo dài cho đến khi cải cách mở cửa ở Trung Quốc thì mới dần mất đi.

Từ những năm 70 đến giữa những năm 80 thế kỉ XX lại xuất hiện trào lưu mặc áo bông quân đội – không phân biệt giai cấp, giới tính hay địa vị, cứ đến mùa đông, rất nhiều người đều mặc một kiểu áo khoác bông quân dụng. Kiểu áo này thịnh hành gần 10 năm, duy trì cho đến cuối những năm 90 thế kỉ XX, khi đó áo da, áo lông vũ xuất hiện trên thị trường, loại áo khoác bông này mới dần dần bị lãng quên.

Đồng phục các ngành nghề khác

Đồng phục là những trang phục chuyên dụng của một ngành nghề nào đó. Năm 1978, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách cải cách mở cửa, đồng phục của mỗi ngành nghề được ứng dụng phổ biến. Công an, quản lí giao thông, viện kiểm sát, tòa án, bưu điện, ngân hàng, sở thuế, công thương, hàng không, ngành đường sắt v.v... đều có đồng phục do nhà nước quy định, đồng phục được cắt may thống nhất và phát riêng cho từng ngành. Một số ngành không thể thống nhất đồng phục cũng thịnh hành mặc đồng phục được thiết kế cắt may và phân phát nội bộ. Một số trường học không chỉ phát đồng phục cho học sinh mà còn đặt may đồng phục cho giáo viên.

Hiện tượng mặc đồng phục bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 80 thế kỉ XX, khi đó màu sắc và kiểu dáng còn khá đơn giản, ban đầu tạo cảm giác những người mặc đồng phục đều là những người thi hành luật pháp.

Đồng phục khác với lễ phục đã được quy chế hóa, nó có tác dụng làm rõ thân phận, địa vị và quyền lực, ví dụ trang phục của giám đốc và nhân viên có kiểu dáng và màu sắc khác nhau. Nói một cách thông thường, một khi một người làm nghề nào đó xuất hiện với một kiểu đồng phục sẽ dễ dàng được mọi người phân biệt và thừa nhận, thậm chí hễ mọi người nghĩ đến nghề nào, trước tiên sẽ liên tưởng đến hình ảnh đồng phục của nghề đó, hoặc nhìn thấy trang phục đặc biệt nào đó sẽ lập tức liên tưởng đến những đặc tính tiêu biểu của ngành nghề đó. Nhân viên đưa thư được gọi là "sứ giả áo xanh", nhân viên y tế được gọi là "sứ giả áo trắng", trang phục tượng trưng cho vai trò

của con người trong xã hội, vai trò xã hội đã làm phong phú hình ảnh văn hóa của đồng phục ngành nghề.

Kinh tế hàng hóa phát triển đến trình độ cao có quan hệ mật thiết tới sự phát triển của đồng phục. Ngay từ thời nhà Tống, kinh tế thành thị phát triển với tốc độ nhanh, đồng phục đã trở



Đồng phục của nhân viên hãng hàng không quốc tế Trung Quốc.
(Nguồn: Imaginechina)





Đồng phục của cảnh sát giao thông Trung Quốc. (Nguồn: Imaginechina)

thành điều bắt buộc đối với việc xã hội hóa đồng phục, có sách ghi chép lại như sau: “Những người bán thuốc xem quẻ đều đội mũ, còn như những kẻ ăn mày lười biếng thì không”. Quy ước về trang phục của mỗi ngành nghề trong xã hội thể hiện xã hội văn minh. Ngoài ra, trong sách trên còn có đoạn miêu tả quán trọ, quán ăn thời bấy giờ như sau: “Những cô gái phục vụ cài khăn tay vải hoa xanh vào thắt lưng, tóc vấn cao, đi lại châm rượu tiếp nước cho khách”, hiển nhiên cho thấy, đồng phục thời đó chủ yếu để phân biệt các ngành nghề khác nhau, vẫn chưa hình thành kiểu trang phục riêng biệt của một hàng quán nào, nhưng nó đã mang đặc trưng cơ bản của đồng phục.

Đồng phục không chỉ giới hạn ở các cuộc hội nghị ngoại giao, đàm phán thương mại, trong công sở, phòng nghiên cứu, trường học, phòng thí nghiệm v.v... mà còn xuất hiện trong khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, hoặc các nghề lao động chân tay như lao công, đứng máy, bốc vác... đều có đồng phục riêng, khiến cho đồng phục ngành nghề ở Trung Quốc ngày càng đa dạng.

Đồng phục có tác dụng nhận dạng, giúp cho các ngành hoặc doanh nghiệp cụ thể tạo dựng hình ảnh đẹp riêng biệt, thậm chí đồng phục đẹp còn tương ứng với một loại đẳng cấp. Cùng với việc gia tăng ý thức thiết

kế hình ảnh doanh nghiệp, nhà thiết kế hay giới nghiên cứu trang phục, thậm chí cả người sử dụng cũng đều nhận thức được tầm quan trọng của đồng phục, mức độ coi trọng được nâng cao và phổ biến rộng rãi.

Từ những năm 90 thế kỉ XX trở lại đây, Trung Quốc bước vào thời đại kinh tế hàng hóa, đồng phục càng được chú trọng mở rộng, ngày càng cá tính hóa và thời trang hơn. Ngoài trang phục của những ngành nghề đặc thù đã định hình sẵn, thì việc mặc áo sơ mi, quần tây, đeo cà vạt dường như đã trở thành hình ảnh của giới cổ cồn, khi tham gia các nghi lễ giao tiếp chính thức, âu phục nam cũng đã trở thành một trang phục phù hợp. Nếu đem ra so sánh, đồng phục nữ được phối hợp tự do hơn, đồng thời do đòi hỏi của không gian phát triển ngành nghề,



Mũ công nhân là một vật quan trọng trong trang phục của công nhân, những năm gần đây loại mũ này không còn xuất hiện. (Ảnh chụp năm 1961, nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa Xã)



Giới trí thức thuộc các ngành nghề khác nhau sẽ mang phong cách trang phục khác nhau. (Nguồn: Imaginechina)





Những người đàn ông làm nghề tài chính ngân hàng mặc Âu phục, tất cả vật là hình ảnh thường thấy ở Thượng Hải.
(Nguồn: Imaginechina)

các cô gái tham gia mọi ngành nghề ở Trung Quốc cũng ngày càng chú trọng đến bề ngoài của bản thân, rất nhiều chủ đề tranh luận trên báo đều nhấn mạnh việc phụ nữ mặc trang phục hợp thời để giúp cho bản thân họ có được ấn tượng tốt về nghề nghiệp.

Thời trang Trung Quốc bắt nhịp với thế giới

Năm 1978, Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách mở cửa, cùng lúc đó, thời trang hiện đại và văn hóa thời trang chính thức đi vào cuộc sống hàng ngày của người dân Trung Quốc. Do có một bộ phận chịu ảnh hưởng văn hóa tiêu dùng phương Tây, nên xuất hiện trào lưu hàng loạt các vị lãnh đạo chuộng mặc đồ tây, điều đó đã làm thay đổi đất nước Trung Hoa cổ kính. Từ cuối những năm 70 thế kỉ XX, ngoài những tiệm may gia công trang phục, người Trung Quốc còn có điều kiện mua hàng may sẵn, ngành gia công quần áo cũng phát triển nhanh theo công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc, các kiểu dáng màu sắc trang phục trên thị trường cũng ngày càng phong phú, người mua hàng ngày càng tin nhiệm các sản phẩm chất lượng và hợp thời trang. Ví dụ như qua những trào lưu thịnh hành có thể dễ dàng thấy được trang phục của người Trung Quốc đã dung hòa với trào lưu trên thế giới như thế nào.

Quần ống bát là một loại quần cạp trễ, quần ôm sát mông và đùi, nhưng lại loe rộng ra từ phần đầu gối trở xuống. Loại quần này có nguồn gốc từ trang phục thủy thủ, ống quần loe rộng để chum lên ủng cao su, chắn không cho nước biển và nước rửa sàn chảy vào trong ủng. Kiểu quần này kết hợp với áo thun ôm sát, giúp cho thân hình như chữ A. Quần ống bát xuất hiện đầu tiên ở Mỹ và trở nên thịnh hành trên toàn thế giới vào khoảng cuối những năm 60 - 70 thế kỉ XX. Năm 1978, Trung Quốc bắt đầu thực hiện cải cách mở cửa, quần ống bát ở Âu Mỹ dần dần không còn thịnh hành thì ở Trung Quốc bắt đầu được ưa chuộng và phổ biến trên cả nước.

Ngoài việc du nhập quần ống bát, ở Trung Quốc còn xuất hiện kính râm. Những năm 30 thế kỉ XX, các thành phố lớn ở Trung Quốc từng thịnh hành một đeo "kính đen", mắt kính màu trà hoặc màu đen, tròng kính nhỏ và tròn, những người sành điệu thường rất chuộng đeo kính. Cuối những năm 70 thế kỉ XX, ở Trung Quốc thịnh hành kiểu "kính con cóc", mắt kính lớn, gọng kính có hình giống mắt con cóc, kính thường được cài trên đỉnh đầu hoặc trước ngực. Nhiều thanh niên có tâm lí chuộng kính ngoại và đặc biệt lưu ý đến thương hiệu nổi tiếng, nên nhu cầu tìm hàng nhập khẩu ngày càng tăng. Từ đó về sau, kiểu dáng kính râm không ngừng được cải tiến, trên thị trường quốc tế có kiểu gì thì ở Trung Quốc cũng xuất hiện kiểu đó.

Quần bò cũng xuất hiện ở Trung Quốc vào cuối những năm 70 thế kỉ XX, những người chuộng loại quần này ngày càng nhiều, từ lớp thanh niên thời thượng cho đến các tầng lớp khác và các lứa tuổi khác nhau. Đến cuối những năm 90, những kiểu trang phục may bằng chất liệu vải bò ngày càng nhiều như váy, áo ghi lê, mũ, túi xách, ba lô v.v... không chỉ hạn chế bởi màu xanh bò mà còn sử dụng nhiều màu sắc khác, ngoài ra còn xuất hiện loại vải mềm hoặc vải co giãn.

Đầu những năm 80 còn thịnh hành kiểu áo cánh dơi, đây là một kiểu áo có tay xòe rộng như cánh dơi. Áo cánh dơi có nhiều kiểu dáng đa dạng, tay áo và thân áo liền nhau, vạt dưới



Đây là sàn diễn thời trang chữ T xây dựng theo phong cách truyền thống Trung Quốc, buổi trình diễn mang chủ đề đối thoại giữa truyền thống và hiện đại. (Nguồn: Imaginechina)





Mùa hè năm 1979, khi Trung Quốc mới thực hiện cải cách mở cửa, người người trên phố mặc muôn vàn kiểu dáng trang phục khác nhau. (Nguồn: Hội nhiếp ảnh Tân Hoa xã)

bó sát người. Sau này còn xuất hiện các kiểu biến tấu như áo khoác cánh dơi, áo dặc két cánh dơi v.v... Điều thú vị là kiểu áo này đã xuất hiện trở lại và trở nên thịnh hành vào mùa hè năm 2004.

Giữa những năm 80 thế kỉ XX, kiểu dáng thời trang ngày càng nhiều, xu thế trang phục được ưa chuộng ngày càng ngắn, kiểu dáng và chất liệu vải không ngừng được cải tiến mới lạ hơn, Trung Quốc đã bắt kịp với xu thế thời trang của thế giới. Người Trung Quốc thường ngày mặc áo thun, áo sơ mi hoa, áo dệt, còn các kiểu áo tây bẻ cổ được mặc trong các trường hợp trang trọng, và được đa số “giới cổ cồn” tiếp nhận. Các kiểu áo trên được kết hợp với quần ống đứng, quần co giãn, quần bó, quần váy, quần lửng, váy xếp li, váy công sở, sườn xám v.v... “mini juyp” xuất hiện ở phương Tây vào những năm 60 cũng đã trở lại và thịnh hành trong thời gian ngắn ở Trung Quốc vào giai đoạn này.

Đầu những năm 90 thế kỉ XX, cách ăn mặc đã bị xáo trộn nhiều. Trước đây ra khỏi cửa chỉ mặc áo len bên trong áo khoác, vì như vậy khá thoải mái. Phong cách “áo lót trong, áo khoác ngoài” thịnh hành trong khoảng thời gian 2, 3 năm và trở nên rất phổ biến. Trước đây, mọi người thường khoác áo ghi lê bên ngoài và mặc áo thun ngắn tay hoặc áo len bên trong, nhưng lớp thanh niên trẻ tuổi phát hiện ra rằng, nếu mặc áo len to rộng bên ngoài sẽ rất khó mặc thêm một

chiếc áo khoác to rộng hơn, nên họ đã mặc áo ghi lê ngoài áo len. Những chiếc áo sơ mi ngắn tay chỉ có thể mặc vào ngày hè cũng được mặc ngoài áo sơ mi dài tay. Ngành công nghiệp may nhanh chóng đẩy mạnh sản xuất kiểu trang phục mặc theo bộ, ví dụ áo dài quần dài kèm thêm áo ngắn sát nách, hoặc áo khoác ngoài có tay áo ngắn hơn tay áo bên trong.

Thời kì đó, trong số những mẫu thời trang Paris xuất hiện kiểu váy xòe đi với giày lưới đen cao cổ. Loại váy xòe này trước đây chỉ được mặc ở các bãi biển, đây là kiểu váy hai dây, thân váy ôm sát; khi trở nên thịnh hành, váy được may rộng hơn và dài xuống tới gót chân. Dường như cùng lúc này, thời trang toàn cầu có xu hướng mặc áo tay dài che kín mu bàn tay; sau lại thịnh hành kiểu áo ngắn hở lưng, thậm chí hở rốn. Kiểu thời trang này cũng từng thịnh hành ở Trung Quốc nhưng không đến mức tạo ra “cơn sốt khoe rốn” và quá hở hang như ở Nhật Bản. Ở Trung Quốc kiểu trang phục hở eo hở rốn này cũng bắt đầu xuất hiện rộng rãi song áo được cải tiến theo xu hướng che kín tay và chân, chỉ để lộ eo và rốn. Dép xăng đan cũng được cải tiến, không bịt kín gót, trên quai dép sơn màu hoặc dán những cánh hoa nhiều màu, chân không đi tất mà đeo lặc. Thậm chí ngay cả túi xách cũng làm bằng chất liệu trong suốt, đồng hồ đeo tay cũng trong suốt để lộ máy bên trong, thể hiện tư tưởng cởi mở của con người thời hiện đại.

Vào những năm giao thoa giữa hai thế kỉ, thời trang Trung Quốc cũng thịnh hành theo xu thế quốc tế, phong cách hợp lí hơn, đặc biệt là nữ nhân viên làm trong văn phòng rất chú trọng phong cách nữ tính, theo đuổi thời trang sang trọng và hợp thời. Những thứ mang phong cách “nguyên thủy” như mũ cói không đan viền, ống quần tua rua v.v... không còn được ưa chuộng; phong cách để hở dần dần biến mất, mặc dù váy ngắn vẫn còn thịnh hành nhưng vì muốn thể hiện phong thái nữ tính nên rất nhiều cô gái trẻ lựa chọn kiểu váy dài tới mắt cá chân.

Điều thú vị là một số thanh niên tôn sùng một của phương Tây, đi ngược lại với trang phục truyền thống, họ cố ý chọn những kiểu trang phục hoang đường, như kiểu tóc trong phim Mỹ “Người Mohicans cuối cùng” - tóc hai bên được cạo sạch, chỉ để lại chòm tóc ở giữa đầu và nhuộm nhiều màu; “trang phục punk” – kế thừa từ kiểu trang phục hippie của phương Tây, sau đó còn xuất hiện những kiểu trang phục suy đồi như dùng keo dính tóc thành sừng thú, áo in hình đầu lâu xương chéo v.v... hoặc cố ý xé rách hoặc tạo lỗ thủng trên quần áo. Thế là, xuất hiện các “lỗ thủng” trên trang phục một cách nghệ thuật, trào lưu này bắt đầu xuất hiện vào thời điểm giao mùa xuân hạ năm 1998. Có thể làm rách để tạo các lỗ thủng này ở bất kì vị trí nào trên quần áo, đường viền lỗ thủng được xử lí khéo léo. Những lỗ thủng được làm trên những chất liệu vải khác nhau tạo thành những bộ trang phục mỏng manh,





Phục sức Trung Quốc

nên mọi người quen gọi là “trang phục mát mẻ”. Từ đó, những bộ quần áo lưới xuất hiện, một thời trang này khá giống với những “mẫu lưới cá” trên sàn diễn thời trang Paris.

Những năm trước, trên khắp các đường phố Trung Quốc còn thịnh hành “trào lưu áo tắm”. Áo tắm ở đây đương nhiên không phải là những chiếc áo tắm được bày bán trong các cửa hàng đồ tắm, mà chỉ những bộ trang phục ngắn và gợi cảm của các cô gái ưa thích mới lạ. Hãy thử tưởng tượng một chút, nếu một cô gái mặc chiếc áo hai dây ngắn để hở rốn kết hợp với chiếc quần hoặc váy ngắn và đôi xăng đan đế cao, nếu như không đeo thêm chiếc xắc nhỏ, bạn có cảm giác cô ấy đang đi dạo bên bờ biển hoặc bên hồ bơi, chứ không phải đang đi dạo trên phố.

Đầu thế kỉ XXI, những thiếu phụ và sinh viên dường như muốn tìm lại tuổi thanh xuân đã đi qua, nên họ rất chuộng thời trang của thiếu nhi. Họ để kiểu tóc búp bê, hai bên cắt tỉa ôm lấy khuôn mặt, sau đó còn cài kẹp tóc hình cánh bướm hoặc hình bông hoa màu vàng chanh hoặc màu phấn hồng; trang phục lúc bó sát, lúc lại rộng thùng thình; nhiều cô gái còn đi giày búp bê và đeo túi xắc hình gấu trúc; ngoài ra có sinh viên còn đeo núm vú trước ngực, trông rất trẻ con.

Năm 2001 thịnh hành một áo yếm. Trong liên hoan phim Cannes, ngôi sao điện ảnh Trương Tử Di mặc chiếc áo yếm màu hồng có dây đeo cũng màu hồng, trông cô giống như thiếu nữ thời cổ đại Trung Quốc, bộ trang phục này gây sự chú ý của giới thời trang, sau đó cô còn mặc một chiếc áo yếm hình lục lăng đơn giản và xuất hiện trong lễ trao giải MTV, từ đó nhanh chóng tạo nên cơn sốt các cô gái trẻ và một số ngôi sao điện ảnh đua nhau mặc áo yếm xuất hiện trong các buổi họp báo, liên hoan v.v...

Đầu thế kỉ XXI, còn có xu thế thay đổi một giày dép. Năm 2002, kiểu giày mềm đế đà không còn được ưa chuộng, xuất hiện kiểu giày mũi nhọn và vểnh lên, giống như giày của diễn viên hài nổi tiếng Charlie Chaplin, ngoài ra trên bề mặt giày còn trang trí những vật sáng lấp lánh. Sau đó một năm, trên thị trường lại xuất hiện kiểu giày mũi tròn giống như giày múa ba lê.



Năm 1988, tạp chí Elle bản chữ Hán giản thể đầu tiên với chủ đề “Elle vườn hoa thời trang thế giới” được xuất bản và trở thành tạp chí quốc tế đầu tiên được phép phát hành ở Trung Quốc. (Nguồn: Imaginechina)



Thanh niên Trung Quốc nhanh chóng nắm bắt và mạnh dạn thử nghiệm những xu thế thời trang quốc tế mới nhất.
(Ảnh: Tạ Quang Huy chụp, nguồn: "Du lịch Trung Quốc")

Cuối thế kỉ XX, giới thời trang quốc tế bắt đầu chuộng phong cách thời trang phương Đông - một phong cách trang nhã thanh lịch, đơn giản mà huyền bí. Và phong cách này đã dần dần trở thành yếu tố thời trang có tính toàn cầu. Cùng với việc nâng cao vị trí của Trung Quốc trên thế giới, trang phục truyền thống cũng trở thành niềm tự hào của người dân Trung Hoa. Đa số người Trung Quốc đều ưa chuộng kiểu áo cánh vải bông. Trang phục của người Trung Quốc thời nay không hoàn toàn là kiểu áo cánh truyền thống, rất nhiều kiểu áo nữ đã được thời trang hóa - áo được may bằng vải in hoa hoặc vải bông màu sắc tươi trẻ, kết hợp với quần bò và giày da thời trang, vừa hiện đại lại vừa truyền thống.

Năm 2001, bộ phim Hồng Kông "Hoa dạng niên hoa" được trình chiếu trong nước và quốc tế, trong phim có hình ảnh nhân vật chính đứng dưới ánh đèn mờ ảo và thay liên tục các kiểu sườn xám (có khoảng hơn 20 kiểu), những hình ảnh đó đã làm toát lên vẻ đẹp cổ điển của người đẹp phương Đông. Những nhân vật trong phim mặc sườn xám đều có dáng vẻ xinh đẹp thanh lịch và hơi đượm buồn, nhờ hình ảnh đó mà nhiều người lần đầu tiên phát hiện ra trang phục truyền thống Trung Quốc có sức hấp dẫn mạnh mẽ đến vậy. Nhờ vào sự quảng bá của bộ phim mà sườn xám bỗng trở nên rất "hot".

Có lẽ không ai sẽ ngờ rằng, hội nghị APEC tổ chức tại Trung Quốc - đây là hoạt động chính trị và kinh tế hợp tác khu vực có tính quốc tế và mang nhiều ảnh hưởng, trang phục Trung Hoa lại một lần nữa trở nên rất "hot". Mùa thu năm 2001 tại Thượng Hải, hình ảnh nguyên thủ các nước mặc áo truyền thống





Phục sức Trung Quốc



Cửa hàng chuyên bán thời trang quốc tế trong Bách hóa Thiên địa ở Tân Quang Bắc Kinh.

Trung Quốc với các màu xanh, đỏ, lục đã gây chấn động toàn thế giới. Báo chí quốc tế đều đăng tải ảnh chụp chung các vị nguyên thủ mặc áo truyền thống Trung Quốc và bình luận rất nhiều xoay quanh bộ trang phục này. Các nhà lãnh đạo đã quảng cáo cho bộ trang phục này một lần duy nhất nhưng lại thành công nhất, điều đó cũng cho thấy kiểu áo này có sức hấp dẫn nhường nào, ví dụ như Tổng thống George Bush hay Putin khoác trên người bộ trang phục truyền thống Trung Hoa sẽ mang lại hiệu ứng vô cùng to lớn, trên thị trường sẽ có khách hàng trực tiếp yêu cầu nhân viên bán hàng bán cho một bộ “giống bộ



Hình ảnh các ứng viên tham gia cuộc thi người mẫu Trung Quốc Tân Tư Lộ năm 2002 tại vịnh Tam Á Hải Nam.
(Nguồn: Imaginechina)

Putin đã từng mặc". APEC mở ra một trào lưu trang phục truyền thống Trung Hoa, đồng thời đây còn là tiềm năng thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh mẽ. Trào lưu trang phục truyền thống Trung Quốc còn thể hiện ảnh hưởng ngày càng lớn mạnh của dân tộc Trung Hoa trên trường quốc tế.

Chất liệu vải may không ngừng được cải tiến đã mang lại nhiều đổi thay cho trang phục của người Trung Quốc. Thế kỉ mới mở ra một thế giới mới tươi đẹp, những chất liệu mà người Trung Quốc có thể lựa chọn như tơ lụa, vải gai, vải bông, lông và da thú, hoặc vải dệt kim, hàng dệt len và các loại tơ nhân tạo, ni lon, sợi tổng hợp tê-ri-len, dacron, polyester, poly, teleron, PET, lycra, đây cũng là những danh từ mới xuất hiện trong vốn từ vựng tiếng Hán hiện đại. Nguyên liệu vải phong phú đa dạng đã thỏa mãn được nhu cầu thiết kế thời trang, và cũng thể hiện rõ thái độ quan điểm của người sử dụng những sản phẩm đó – những người theo chủ nghĩa bảo vệ môi trường thì kiên quyết từ chối các sản phẩm dệt từ lông cừu và da thú, những người thích sự thoải mái thì chuộng kiểu trang phục cotton, những sản phẩm dệt từ sợi đay tượng trưng cho phong cách phóng khoáng tự nhiên, còn tơ lụa thì tượng trưng cho sự sang trọng và truyền thống.

Cũng bắt đầu từ những năm 90 thế kỉ XX, các thương hiệu thời trang nổi tiếng thế giới lần lượt xuất hiện trên thị trường Trung Quốc, các cửa hàng thời trang được mở ra ở các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Thâm Quyển, Quảng Châu, thương hiệu và sản phẩm thời trang trong nước cũng ngày càng được mọi người ưa chuộng. Năm 1988, cùng với sự ra đời của cuốn tạp chí thời trang Trung Quốc đầu tiên mang bản quyền nước ngoài, ngày càng nhiều cơ quan truyền thông báo chí như tạp chí, báo, truyền hình, mạng internet v.v...



Cửa hàng may và bán trang phục truyền thống Trung Quốc. (Nguồn: Imaginechina)





Phục sức Trung Quốc



Kiểu váy cưới phương Tây được các cô dâu ở các thành phố lớn ưa chuộng, nhiều cặp đôi thích mặc váy cưới đến chụp hình ở công viên. (Ảnh: Lương Trần, nguồn: Imaginechina)



Đa số thanh niên thành phố đều nhanh chóng nắm bắt thời trang và đi tiên phong trong vấn đề này. (Ảnh: Trần Chú, nguồn: Imaginechina)

bước vào tuyên truyền thời trang, những sự kiện mới nhất trên thế giới được truyền tới Trung Quốc trong thời gian ngắn nhất, trào lưu trang phục, kiểu tóc, trang điểm từ Pháp, Ý, Anh, Nhật, Hàn đều nhanh chóng thịnh hành ở Trung Quốc. “Mốt” nói lên lối sống và phong cách thời trang, nên nó ngày càng được người Trung Quốc tiếp nhận và theo đuổi.

Cho đến ngày nay, thế kỉ XX đã được chứng minh là thế kỉ con người ý thức nhất về thời trang, nhờ truyền thông báo chí mà thị trường bán thời trang, phụ kiện, mỹ phẩm ngày càng phát triển lớn mạnh, ngày càng nhiều người tiếp cận gần hơn với thời trang. Thời trang còn tạo nên cách sống của đại đa số những người am hiểu và ưa chuộng đầu tư vào thời trang. Cuối những năm 70 thế kỉ XX, từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc trải qua hơn 30 năm phát triển và đã xây dựng được hệ thống gia công may thời trang với quy mô lớn và gia công đầy đủ các chủng loại. Trung Quốc trở thành quốc gia gia công thời trang và chiếm vị trí thứ nhất trên toàn thế giới. Cùng với sự phát triển kinh tế và trình độ gia công được nâng cao trong vòng 10 năm đầu thế kỉ XXI, ngành thời trang Trung Quốc đang từ ưu thế gia công chuyển sang kinh doanh hàng hóa và kinh doanh thương hiệu. Bắc Kinh, Thượng Hải và Hồng Kông trở thành ba thành phố lớn nổi tiếng trên trường quốc tế. Ngoài ra, một số thành phố trung tâm ở khu vực phát triển kinh tế ven biển cũng đang ngày càng trở thành trung tâm thời trang quan trọng của Trung Quốc và thậm chí của cả thế giới.

PHỤ LỤC

BẢNG TÓM TẮT NIÊN ĐẠI
LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tần	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tấn	Năm 265 – năm 317
Đông Tấn	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyên	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

PHỤC SỨC *Trung Quốc*

HOA MAI

Người dịch: ThS. TÔNG THỊ QUỲNH HOA

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TRẦN BAN - THÚY NGẦN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> - <http://www.sachweb.vn>

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38256804 - Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 39433868 - Fax: 84.8.39433867 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

GPXB số: 917-12/CXB/16-111/THTPHCM cấp ngày 14/08/2012.

中国服饰 PHỤC SỨC *Trung Quốc*

Người Trung Quốc quen gói gọn những sinh hoạt thường ngày bằng câu “y thực trú hành”, trong đó phục sức được xếp vị trí đầu tiên, điều đó cho thấy nó có vị trí quan trọng như thế nào. Trong một đất nước có bề dày lịch sử như Trung Quốc, lịch sử phát triển phục sức không chỉ được ghi lại trong vô số các tư liệu khảo cổ, mà còn có thể dễ dàng tìm thấy trong các tác phẩm văn học có nội dung liên quan như thần thoại cổ đại, sách sử, thơ ca, tiểu thuyết và hí kịch. Cùng với sự dung hòa trong dân gian, kiểu dáng trang phục và tập tục ăn mặc không ngừng thay đổi, không những trang phục giữa các triều đại có sự khác biệt rõ nét, mà các thời kì khác nhau trong cùng một triều đại cũng có sự khác biệt. Các kiểu trang phục xuất hiện ở Trung Quốc vào thế kỉ XX như sườn xám, áo dài, áo Trung Sơn, áo học sinh, âu phục, mũ phớt, đồ che nắng, tất, giày cao gót, áo lao động, áo Lê Nin, váy liền, quần phục, áo jacket, quần ống loe, váy ngắn, bikini, đồng phục công sở, áo thun... mang phong cách khác nhau, xuất hiện trong các thời kì khác nhau cho thấy sự thay đổi phục sức của mỗi thời đại.



中国图书对外推广计划
CHINA BOOK INTERNATIONAL

ISBN 978-6-04-580472-8



9 786045 804728

Giá: 72.000 đ